

## CHƯƠNG BỐN

# CÁC GIÁM MỤC CẠI QUẢN GIÁO PHẬN PHÁT DIỆM

Trước khi được phân chia thành giáo phận độc lập (1901), Giáo phận Phát Diệm là thành phần của Giáo phận Hà Nội. Do từ đầu xuất phát bởi một nguồn gốc, cho nên hôm nay, chúng tôi mời quý vị độc giả trở về quá khứ xa xăm để “nhận họ“, nhận những vị giám mục tiên nhiệm đã liên tiếp nhân danh Tòa Thánh cai quản giáo phận mẹ, để rồi qua dòng lịch sử 242 năm (1659-1901), các ngài đã truyền chức cho các linh mục Việt Nam, tức là đã gây dựng nên số nhân sự (giáo sĩ và giáo dân), dần dần kết thành giáo đoàn Công giáo Việt Nam đông đảo cho Giáo phận ngày nay.

Chắc quý độc giả còn nhớ, thuở ban đầu, Giáo hội Công giáo Việt Nam được thành lập trong bối cảnh nước Việt Nam hồi đó chia đôi, chỉ có hai giáo phận rộng lớn, gọi chung là Giáo phận Đàng Ngoài và Giáo phận Đàng Trong, lấy sông Gianh làm ranh giới (1659). Tòa Thánh đã bổ nhiệm hai Đại diện Tông toà đầu tiên là Giám mục Lambert de la Motte cho Đàng Trong và Giám mục François Pallu cho Đàng Ngoài.

Năm 1670, Đức cha Lambert de la Motte ra thăm Đàng Ngoài thay cho Giám mục François Pallu còn đang công cán bên ngoài Việt Nam. Tháp tùng hai vị giám mục là hai thừa sai: Cha François Deydier tháp tùng Đức cha François Pallu và cha Louis Chevreuil tháp tùng Đức cha Lambert de la Motte. Ngay từ đầu, hai linh mục thừa sai này đã được đặt làm Tổng quản giáo phận (Vicaires généraux).

Tuy nhiên chỉ có Đức cha Lambert de la Motte và hai linh mục Tổng quản nói trên đặt chân lên đất Việt trước. Riêng Đức cha François Pallu còn ở lại Ấn Độ ba bốn năm nữa, để thu xếp một vấn đề ngoại giao. Vì đầu thế kỷ XVI, việc giao thông buôn bán với các nước Á châu đều ở trong tay người Anh và Hòa Lan. Vào thời ấy, hai nước này theo đạo Tin Lành, họ không chịu chuyên chở và nếu có chở thì lại bạc đãi các thừa sai Công giáo đi truyền đạo tại Đông Á, nhất là các thừa sai người Pháp.

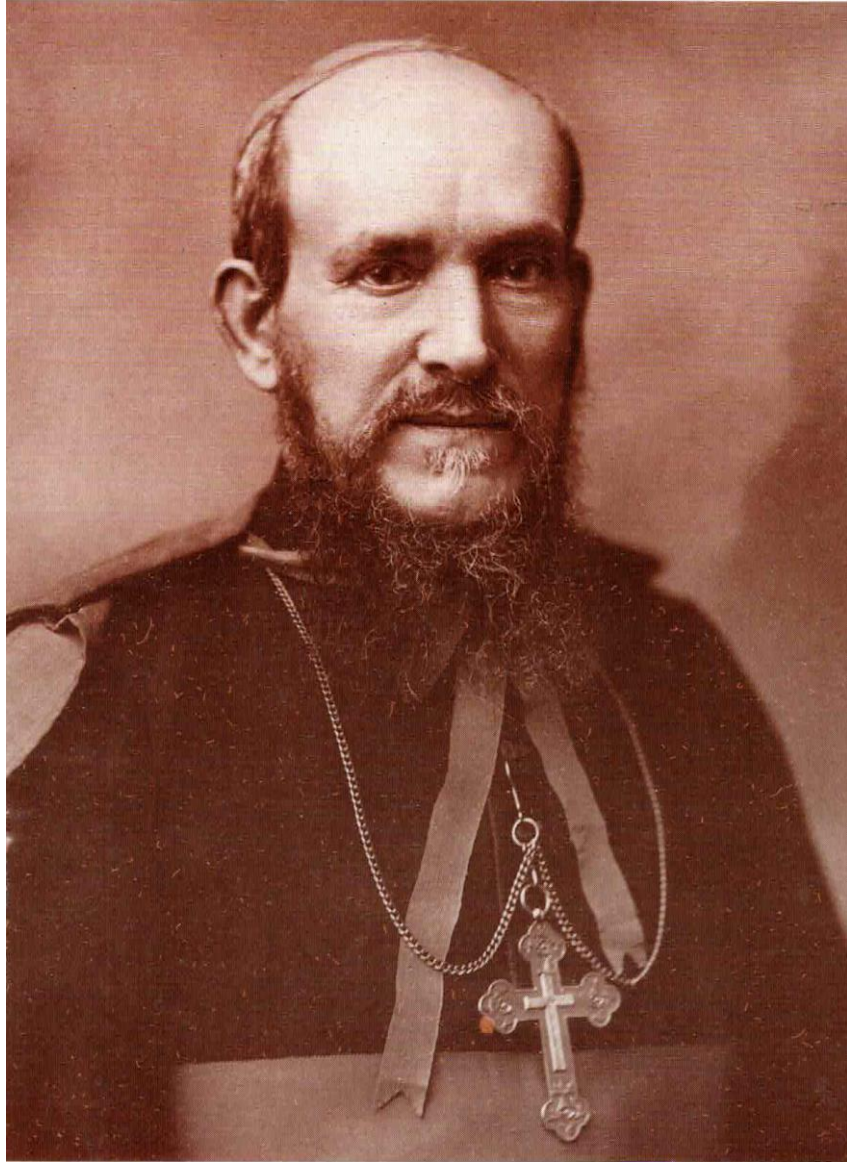
Đến Ấn Độ, đứng trước sự kiện đó, Đức cha François Pallu tỏ ra bất mãn và để trong tương lai không còn tái diễn các sự kiện nêu trên, Ngài lưu lại Pondichery gần bốn năm, nhằm vận động Triều đình Pháp, qua ông Jean B. Colbert, bộ trưởng tài chánh đời vua Louis XIV và qua các vị quan trọng triều chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, nhất là qua sự ủng hộ của một bà đã tòng giáo trong triều chúa Trịnh Tạc, mang thánh hiệu Ursula. Việc vận động đã đưa đến kết quả thành lập Công Ty Hoàng Gia Đông Ấn (Compagnie Royale des Indes Orientales). Từ đây, các tàu thuyền buôn bán của nước Pháp từ Âu Châu đến, có thể cập các thương cảng sông Hồng. Thực ra, công cuộc ngoại giao này đã thỏa mãn một thời gian lúc ban đầu, nhưng may mắn là không bền bỉ lâu dài (1).

Thấy số linh mục bản quốc còn quá ít ỏi, trước nhu cầu mục vụ khẩn cấp, năm 1673, ngài ủy nhiệm hai linh mục Việt Nam và thừa sai Bouchard sang Manila (nơi mà năm 1674, trên đường đi Đàng Ngoài, Đức cha François Pallu đã bị bão đánh bật vào đây), để xin sự tiếp tay của Dòng

Đa Minh và Dòng Phanxicô. Vì thế, ngày 07-07-1676, một số linh mục Dòng Đa Minh Tây Ban Nha từ Manila lên đường đến Đàng Ngoài, đặt chân lên bến Hưng Yên và theo lệnh cha Tổng quản Deydier, ngày 20-02-1677, các cha Đa Minh định đi Nam Định nhận nhiệm sở mới. Nhưng vì hồi đó cơn bách hại còn đang gắt gao, các cha Dòng Đa Minh phải dừng chân tại Trung Linh (Bùi Chu).

Cũng vì có sự hiện diện của các cha Dòng Đa Minh, nên ngay từ thời đó, Giáo phận Đàng Ngoài lại chia đôi thành hai giáo phận:

| Giáo phận Đàng Ngoài (1659)<br>Đức Giám mục Francois Pallu (1659-1678)<br>Hiệu toà Heliopolis |  |
|---|--|
| Tây Đàng Ngoài<br>Tonkin Occidental, 1679<br>(Hà Nội)   | Đông Đàng Ngoài<br>Tonkin Oriental, 1679<br>(Hải Phòng)    |
| Nam Đàng Ngoài<br>Tonkin Méridional, 1846<br>(Vinh)   | Trung Đàng Ngoài<br>Tonkin Central, 1848<br>(Bùi Chu)      |
| Thượng Đàng Ngoài<br>Haut Tonkin, 1895<br>(Hưng Hoá)  | Bắc Đàng Ngoài<br>Tonkin Septentrional, 1883<br>(Bắc Ninh) |
| Duyên Hải Đàng Ngoài<br>Tonkin Maritime, 1901<br>(Phát Diệm)                                  | Lạng Sơn, 1913   |
| Thanh Hoá, 1932   | Thái Bình, 1936  |

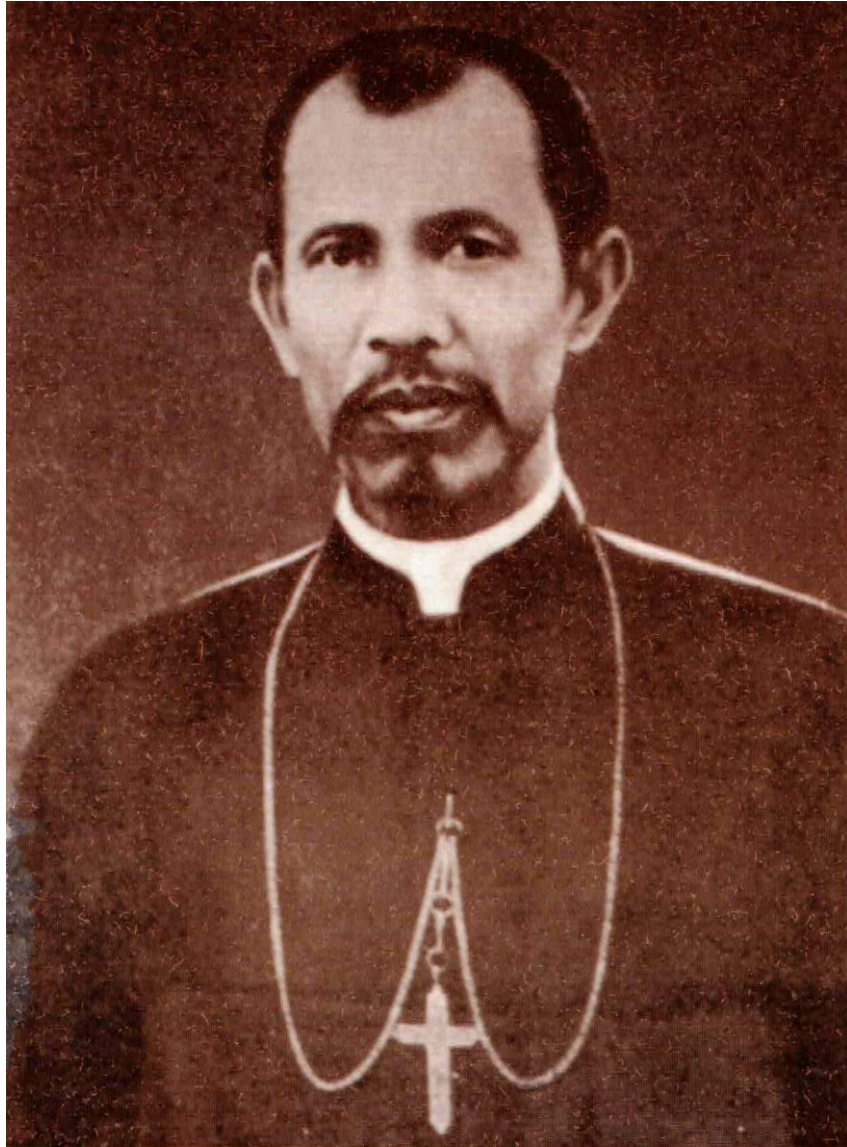


ĐỨC GIÁM MỤC

ALEXANDRE MARCOU THÀNH (1857-1936)

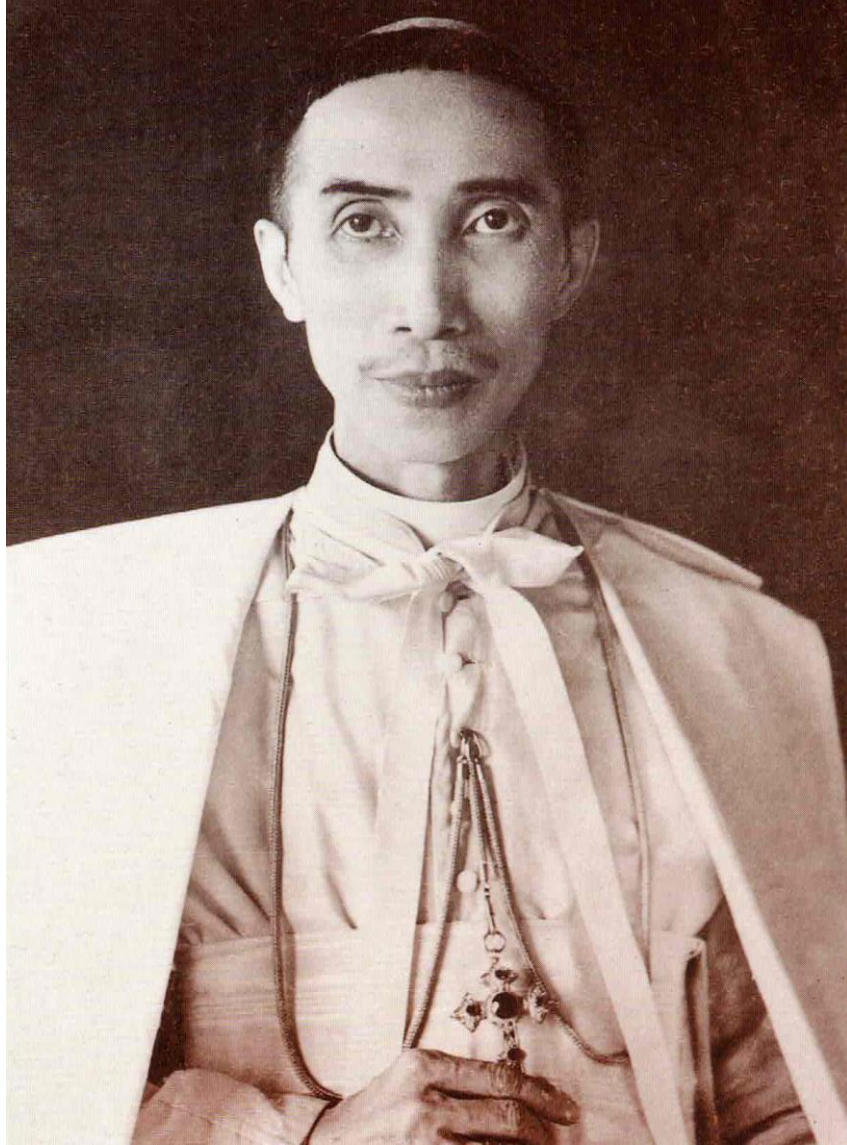


ĐỨC GIÁM MỤC  
GIOAN B. NGUYỄN BÁ TÒNG (1868-1949)

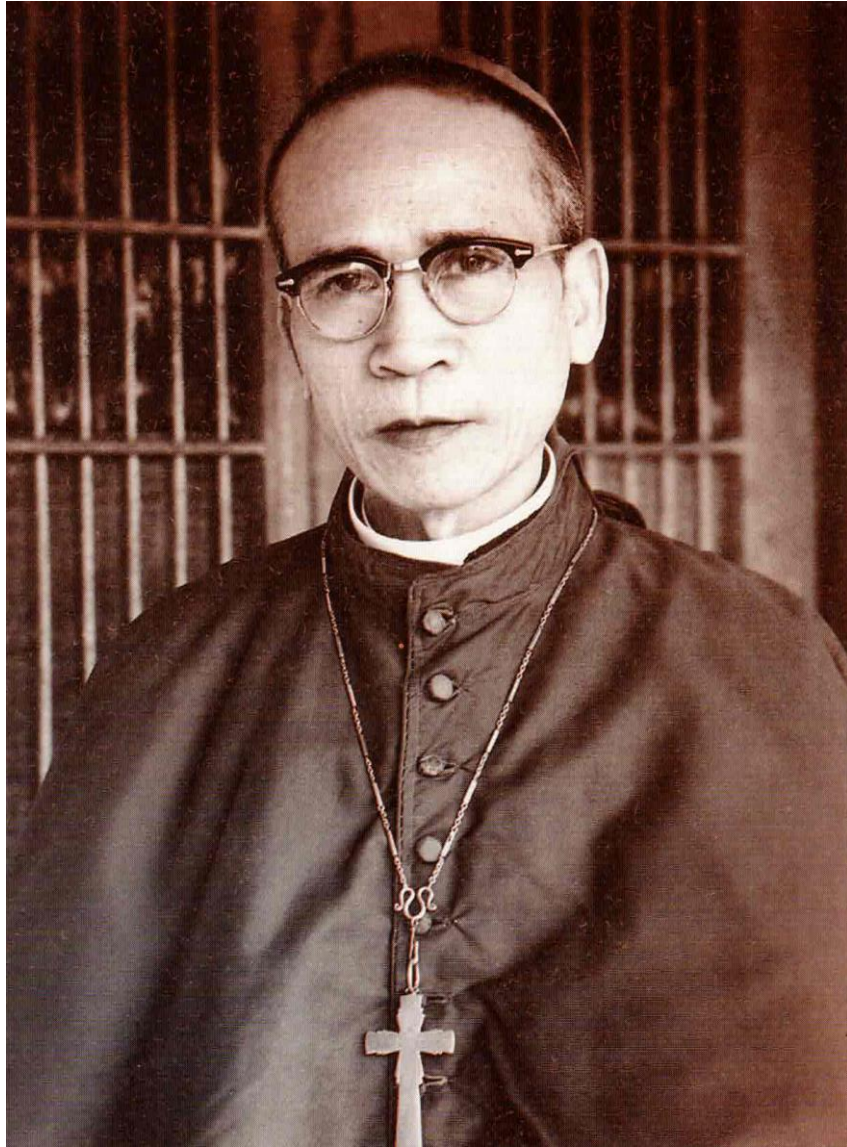


ĐỨC GIÁM MỤC  
GIOAN PHAN ĐÌNH PHÙNG (1891-1944)





ĐỨC GIÁM MỤC  
TADÊÔ LÊ HỮU TỪ (1896-1967)

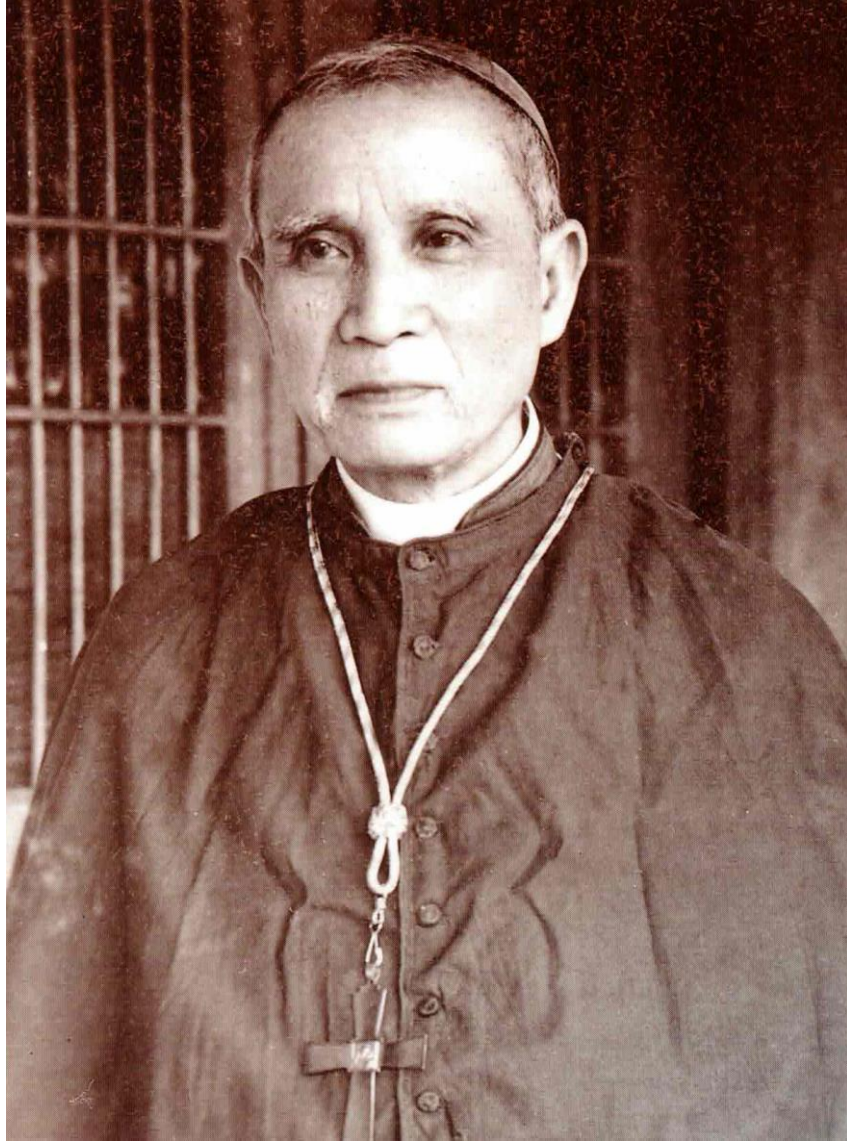


ĐỨC GIÁM MỤC  
PHAOLÔ BÙI CHU TẠO (1908-2001)



ĐỨC GIÁM MỤC  
GIUSE LÊ QUÍ THANH (1900-1974)





ĐỨC GIÁM MỤC  
GIUSE NGUYỄN THIÊN KHUYẾN (1900-1981)



ĐỨC GIÁM MỤC  
GIUSE NGUYỄN VĂN YẾN (1942- )

## **Danh Sách các giám mục cai quản Giáo phận Tây Đàng Ngoài**

- 1/ Đức Giám mục Jacques de Bourges, 1679-1714, hiệu toà Auren.
- 2/ Đức Giám mục Edme Bélot, 1714-1717, hiệu toà Basilée.
- 3/ Đức Giám mục François Gabriel Guisain, 1718-1723, hiệu toà Laranda.
- 4/ Đức Giám mục Louis Nééz, 1723-1764, hiệu toà Céomanie.
- 5/ Đức Giám mục phó Louis Marie Deveaux, 1746-1756.
- 6/ Đức Giám mục Bertrand Reydellet, 1764-1780, hiệu toà Gabale.
- 7/ Đức Giám mục Jean Davoust, 1780-1789, hiệu toà Céram.
- 8/ Đức Giám mục Jacques Benjamin Longier (Gia), 1789-1831, hiệu toà Gortina.
- 9/ Đức Giám mục phó Charles de la Motte (Hậu), 1796-1816.
- 10/ Đức Giám mục phó Jean Jacques Guévard (Đoan), 1816-1823.
- 11/ Đức Giám mục Joseph Marie Havard (Giu), 1831-1838, hiệu toà Castorie.
- 12/ Đức Giám mục Pierre Dumoulin Borie (Cao), 1838, được sắc bổ nhiệm giám mục hiệu toà Acanthe, khi ở trong tù và đã tử đạo ngày 24-11-1838, trước khi được tấn phong giám mục và chưa cai quản giáo phận ngày nào.
- 13/ Đức Giám mục Pierre André Retord (Liêu), 1840-1858, hiệu toà Acanthe.
- 14/ Đức Giám mục Charles Hubert Jeantet (Khiêm), 1858-1866, hiệu toà Pentacomice.
- 15/ Đức Giám mục Joseph Simon Theurel (Chiêu), 1866-1868, hiệu toà Acanthe.
- 16/ Đức Giám mục Paul François Puginier (Phước), 1868-1892, hiệu toà Mauricastre.
- 17/ Đức Giám mục Pierre Jean Marie Gendreau (Đông), 1892-1935, hiệu toà Chryssopolis.  
Trong đời ngài, chia hai Giáo phận Hưng Hoá (1895) và Phát Diệm (1901).

## **Danh sách các giám mục cai quản Giáo phận Phát Diệm**

- 1/ Đức Giám mục Alexandre Jean Pierre Marcou (Thành), 1895- 1939, hiệu toà Lysiade.
- 2/ Đức Giám mục phó Louis Marie de Cooman (Hành), 1917-1958. Từ năm 1932, ngài cai quản Giáo phận Thanh Hoá, khi Giáo phận này được chia ra từ Giáo phận Phát Diệm.
- 3/ Đức Giám mục Gioan Baotixita Nguyễn Bá Tông, 1933-1949.
- 4/ Đức Giám mục Gioan Maria Phan Đình Phùng, 1940-1944.
- 5/ Đức Giám mục Anselmô Tadeô Lê Hữu Từ, 1945-1954.
- 6/ Đức Giám mục Phaolô Bùi Chu Tạo, 1956-1998.
- 7/ Đức Giám mục phó Giuse Lê Quý Thanh, 1964-1974.
- 8/ Đức Giám mục phó Nguyễn Thiện Khuyên, 1977-1981.
- 9/ Đức Giám mục Giuse Nguyễn Văn Yên, 1988-....

## **I. ĐỨC GIÁM MỤC ALEXANDRE J. P. MARCOU, tên Việt là THÀNH (1857-1939)**

### **1. Thân thế**

Tuần báo Công giáo «Le Sanctuaire» dành cho các «trẻ em giúp lễ» (les Enfants de Chœur) đã kể tiểu sử Đức cha Alexandre Marcou Thành (2), có in thêm hình Nhà thờ chính toà Phát Diệm. Theo tờ báo này, Đức cha Alexandre Marcou xuất thân tại Lunel (Hérault). Ngài học Thần học tại Chung viện Thừa sai và tại Roma. Thụ phong linh mục ngày 21-12-1879. Ngay năm sau, ngài

được gửi đi Hà Nội (4) ngày 08-02-1880, rồi đi giảng đạo tại Kẻ Trù (1881-1885). Sau đó, ngài được bổ nhiệm làm giám đốc đại chủng viện (1885-1888), rồi chính xứ Nhà thờ chính toà Hà Nội (1892). Ngài được Đức cha già Đông (Gendreau) chọn làm giám mục phó, hiệu toà Lysiade (18-05-1895) và được tấn phong giám mục ngày 15-10-1895. Hai Đức Giám mục Đông và Thành bàn nhau chia Giáo phận Hà Nội thành hai. Hồi đó, Giáo phận mới Phát Diệm gọi là Giáo phận Đàng Ngoài Duyên Hải (Tonkin Maritime) và trao cho Đức cha Alexandre Marcou đảm nhiệm. Ngài chọn khẩu hiệu giám mục «Illuminare sedentes in tenebris» (Soi sáng cho ai còn ngồi trong bóng tối tăm).

## 2. Sự nghiệp

Giáo phận Phát Diệm tách ra khỏi Giáo phận mẹ Hà Nội vào năm 1901, và thành địa phận độc lập từ tháng Giêng năm 1902. Giáo phận mới cảm tạ Thiên Chúa vì đã cho giáo phận được một vị giám mục gương mẫu cho hàng linh mục, một giám mục cổ võ hàng giáo sĩ bản quốc cải tiến đời sống tận hiến, thúc đẩy công cuộc truyền giáo, giáo dục và công tác từ thiện bác ái.

### 1/ Một tấm gương cho hàng giáo sĩ Pháp-Việt

Đời sống thánh thiện của hàng giáo sĩ là mối quan tâm lớn nhất của Đức Giám mục Alexandre Marcou Thành. Những lời khuyên nhủ, các thư luân lưu, các bài giảng trong tuần cấm phòng; nhất là đời sống thánh thiện của ngài là những tấm gương lời cuốn hàng giáo sĩ sống đạo đức thánh thiện. Từ xa xưa, xã hội Việt Nam để lại hai tật xấu phổ biến: nghiện rượu và cờ bạc. Từ khi nhận giáo phận, Đức Giám mục Thành đã để ý đến vấn đề này. Trong những dịp lễ trọng phụng vụ quanh năm, không khi nào ngài cho dọn một chai rượu lên bàn ăn các linh mục ngoại quốc và bản xứ. Nhờ ngài quyết liệt bài trừ các tệ đoan, cho nên những tổ chức cờ bạc dần dần giảm thiểu.

Đức Giám mục Thành sống đời sống đức tin sâu xa. Phòng ngài là một căn phòng bằng gỗ, chỉ có một cửa sổ lớn soi chiếu, ngoài chiếc ghế riêng tại văn phòng, không còn một thứ gì khác tiện nghi hơn. Ngài cho bắc một cầu bằng gỗ nối liền phòng ngủ với nhà nguyện riêng, xây dựng gần đó, nhưng biệt lập. Mỗi buổi sáng, từ 5 giờ, đã thấy phòng ngài đót sáng để chuẩn bị đi làm lễ. Ngài bắt chước tập quán của người dân bản xứ, ngày nào cũng thức dậy sớm đi nhà thờ hay đi làm. Khoảng 7 giờ, Đức cha ăn sáng, đọc nhật báo cho biết tin tức thời sự; sau đó, ngồi vào bàn giấy làm việc cho đến 13 giờ. Mỗi ngày, ngài làm việc và đọc sách nguyện 18 giờ đồng hồ. Đến 7 giờ 30 chiều, ngài đi bách bộ lên tới nghĩa trang Phát Thượng theo lời khuyên của bác sĩ. Sau đó, ngài ăn cơm tối và ngồi toà giải tội cho giáo dân.

Hồi đó, cả toà giám mục chưa có máy đánh chữ, Đức cha Thành viết tay rất nhiều thư, cả những tờ tường trình cho Toà Thánh và nhà mẹ Hội Thừa Sai Ba Lê về tình hình giáo phận. Chữ ngài viết tỉ mỉ, đàng tả, rõ rệt. Một hôm, một linh mục người Pháp thấy chất đầy một đống các văn thư ngài viết tay, đã lấy làm lạ và hỏi ngài. Đức cha trả lời vấn tắt: «Làm như thế để bớt đên tội trong luyện ngục về sau». Rất nhiều tín hữu, nhất là những người đã có tuổi, nhớ lại hạnh phúc hồi xưa họ được «Đức cha giải tội cho». Trong sổ thống kê gửi về Toà Thánh và cha Tổng quyền Hội Thừa Sai Ba Lê, Đức cha Thành kể lại, mỗi năm, ngài đích thân ngồi toà cho 15 ngàn hay 18 ngàn giáo dân Việt Nam. Một di sản quý giá ngài để lại cho Giáo phận Phát Diệm mãi cho tới nay là lòng tôn sùng Phép Thánh Thể. Mỗi năm, ngài dành ba bốn tháng liền để tổ chức các cuộc



kinh lý trong giáo phận. Đức Giám mục mang theo một số linh mục đến một địa điểm kén chọn, ở lại chừng 10 ngày cho tới 2 tuần lễ, dạy giáo lý cho các tầng lớp dân chúng, khuyên nhủ những đôi vợ chồng còn «rối rắm» về Phép hôn phối hay đức công bằng. Ngài diễn giải bằng tiếng Việt đơn sơ dễ hiểu. Từ 1890, cũng như hồi xưa du học tại Rôma, ngài có năng khiếu viết La ngữ thành thạo, và có một nền tảng vững chắc về Thần học Tín lý.

Một sự kiện đặc biệt là trong tuần đại phúc tại mỗi giáo xứ, Đức cha Thành thường tổ chức một ngày đi viếng nghĩa địa của giáo xứ đó. Đức cha làm phép «đất thánh» và cầu cho các linh hồn. Khi trở về nhà thờ, một cha được chỉ định thuyết giảng về đề tài «Cầu hồn»; sau đó, chính Đức cha chủ sự thánh lễ cầu cho tiên nhân hàng xứ. Dân tộc Việt Nam, lương cũng như giáo, rất sùng mộ đạo ông bà. Họ rất xúc động khi thấy vị chủ chăn ngoại quốc mà tha thiết với tổ tiên, mồ mả cha mẹ anh em của họ, ra tận nghĩa địa thăm viếng, rồi còn dâng lễ cầu nguyện cho các đấng linh hồn (5).

## 2/ Cổ võ việc thăng tiến hàng giáo sĩ bản quốc

Hồi xưa, việc kén chọn học sinh để đào tạo hầu tiến lên hàng giáo sĩ bắt đầu từ các trường Công giáo tại các giáo xứ và do các thầy giảng đi giúp xứ tuyển lựa. Thời đó, các chú vào tiểu chủng viện thường lớn cỡ 20 tuổi. Đến khi Đức cha Marcou Thành về nhận giáo phận, ngài đã nghĩ ngay tới việc làm sao có sẵn hàng giáo sĩ Việt Nam đủ khả năng để trao cho những nhiệm vụ quan trọng, then chốt trong giáo phận, cho nên ngài yêu cầu các linh mục thừa sai đảm nhận việc tuyển chọn và đào tạo này. Và từ 1904-1912, ngài xây cất một đại chủng viện cho Giáo phận.

Ngoài ra, Đức cha Marcou Thành còn đặt ra một quy định thứ bậc rõ rệt cho hàng ngũ các linh mục trong giáo phận. Mỗi khi có cuộc họp chung các linh mục thì «*giữa các linh mục, vị nào chịu chức 'thầy cả' trước thì ngồi trên, chịu chức sau thì ngồi dưới. Vị nào nhiều tuổi hơn thì ngồi trên*» (6). Chính vì Đức cha Thành, một phần đã tuân theo sắc lệnh Bộ Truyền Giáo (16-01-1924) chỉ thị về vị thứ các linh mục, một phần thấu hiểu tâm lý của hàng giáo sĩ địa phương, cho nên ngài đã đem lại cho hàng giáo sĩ ngoại quốc cũng như bản xứ, một nhận thức rõ rệt về tôn ti trật tự. Nhờ thế, ngài đã tạo nên được mối tương quan thân thiện giữa các linh mục Pháp - Việt tại Phát Diệm; đồng thời, nêu gương sáng cho hàng giáo sĩ các giáo phận khác khi tới thăm Phát Diệm. Các linh mục ở xa cũng được nghe biết danh thơm của vị giám mục ngoại quốc này vì thái độ cao cả của ngài đã dành cho hàng giáo sĩ Việt Nam tại đây.

Hằng năm, chính Đức cha giảng tĩnh tâm cho các linh mục Pháp-Việt. Ngài đưa ra những huấn dụ và khuyến khích việc tông đồ. Đức cha viết cuốn «*Luật phép giúp đấng làm thầy*», nội dung nói các linh mục phải trở nên thánh thiện và làm việc bổn phận; những huấn dụ về việc dâng thánh lễ và đọc kinh nhật tụng, sống đời trong sạch; nhất là thiết lập «*Hội các linh mục châu Minh Thánh*» và «*Hội cầu nguyện cho các linh hồn nơi luyện ngục*».

Cả các lớp thầy giảng là thành phần thiết yếu trong việc truyền giáo, Đức cha Marcou Thành cũng quan tâm tổ chức đời sống tinh thần, ở chung với nhau trong một cộng đoàn, có người được bầu làm thủ lĩnh. Thời khoá biểu hàng ngày của các thầy: sáng sớm đọc kinh, dự lễ ; ban ngày đi dạy giáo lý, dạy học hay theo các linh mục đi thăm các họ đạo, coi sóc ruộng nương hay các cơ sở thuộc quyền sở hữu của giáo xứ.

### 3/ Cổ võ đời sống nữ tu tận hiến

Khi mới thành lập giáo phận năm 1901, tại địa phương đã có sẵn ba cộng đoàn nữ tu Mến Thánh Giá: Bạch Bát (hay Bạch Liên), Phúc Nhạc và Thành Đức (Cách Tâm). Nhằm mục đích cải tổ Dòng Mến Thánh Giá, từ năm 1901, ngài mua lại tám sào đất thổ cư của bà Phó Tuy, làng Lưu Phương và đặt nơi đây làm trung tâm Dòng Mến Thánh Giá giáo phận. Năm 1903, ngài cho lệnh rời nhà Phúc Nhạc về Lưu Phương với số 6 nữ tu. Đó là các chị Tiếp (Giám đốc), Sa, Nụ, Nghĩa, Tam và Ôn.

Công tác thứ nhất của chị em là in sách bằng chữ Nôm và chữ Nho. Các đơn từ, văn tự... bằng chữ Nho; còn sách đạo bằng chữ Nôm: *Sách Kinh, Sách Bón, Lịch Công giáo, Sách Tử Chung, Dẫn Đàng Giữ Đạo, Sách Tình Tâm, Ngắm 15 Sự Thương Khó, Giảng Sự Thương Khó Đức Chúa Giêsu, Dẫn Đàng Nhân Đức Trọn Lành* (24 cuốn). Nhà in tại Phúc Nhạc là chung cho ba Giáo phận Hà Nội, Hưng Hoá và Phát Diệm. Sách in xong, phải chờ cơ hội chuyên chở bằng thuyền hay gánh từng chuyến đi phân phát.

Công tác thứ hai là may áo lễ. Cha chính Sơn (Cố Bareille) mua cho Nhà Dòng một cái máy may. Phát Diệm phải gửi hai chị lên nhà may Kẻ Sở học chuyên nghiệp mấy tháng. Ngoài các y phục sử dụng trong phụng vụ như khăn vai, khăn thánh, còn có áo Đức Bà... Tất cả đều sản xuất tại đây. Các giáo xứ mua nhiều để làm quà phát phần thưởng, làm quà tặng các linh mục dịp thụ phong, dịp tĩnh tâm hằng năm.

Công tác thứ ba là làm thuốc viên. Thời xưa chưa có thuốc từ Âu châu gửi qua để chữa bệnh, người ta dùng thuốc viên, được bào chế theo đơn do các linh mục thời trước để lại, như thuốc trừ phong hoàn, đơn cứu khổ hoàn, đơn cứu khí, gió đen, lục nhất, kim đỉnh... Nhà chung gửi đơn thuốc ra Nam Định nhờ cha già Nghiêm mua giúp, rồi đem về cho các nữ tu Mến Thánh Giá Lưu Phương bào chế, tán, viên. Mỗi năm làm hai kỳ. Thầy Phêrô Khang đã giúp cha thánh Ven (Vénard) ngày xưa, nay làm «phòng bộ» cho Đức cha Thành. Thầy được chỉ định mỗi ngày sang tu viện Lưu Phương chỉ cho các nữ tu làm việc. Công tác tiến triển được chừng 3 năm. Khi chị Tiếp qua đời, chị Sa lên thay làm giám đốc; chị mở cửa tu viện, nhận thêm người mới vào nhà mẹ Lưu Phương. Tới năm 1913, cố chính Sơn xây nhà thờ mới và năm 1920, Đức cha De Cooman Hành lại rời đi và thay bằng ngôi nhà mới, theo kiểu Âu châu. Ngôi nhà này bị bom Mỹ phá bình địa năm 1968.

### 4/ Công cuộc truyền giáo

Giáo phận Tây Đàng Ngoài (Hà Nội) hồi xưa rộng mênh mông, Bắc giáp Trung Hoa, Nam giáp Quảng Bình, gồm 12 tỉnh. Do đó, Đức cha Gendreau Đông cứ 7-8 năm mới đi kinh lý hết giáo phận một lần. Khi Đức cha Thành được bổ nhiệm làm giám mục, ngài chọn khẩu hiệu «Soi sáng cho những ai còn ngồi trong bóng tối tăm». Việc lo lắng đưa người bên lương vào Giáo hội Công giáo là một điểm nổi bật của đời ngài. Có lẽ ngài là vị giám mục ngoại quốc thành công nhất trong hàng giáo phẩm hồi đó trong nỗ lực mở rộng biên cương nước Chúa tại Việt Nam. Khi mới làm giám mục phó Hà Nội, ngài đã biết trước sẽ có sự phân chia Giáo phận và lập Giáo phận Phát Diệm, cho nên ngài đã sai một số linh mục ưu tú thuộc Hội Thừa Sai Ba Lê tới giáo phận mới và đi truyền giáo tới tận Ai Lao. Đức cha Marcou Thành đi tới tận Thanh Hoá, định lập toà giám mục tại đó. Nhưng vì thấy tình lý Thanh Hoá còn quá ít dân số Công giáo, ngài định lập toà

giám mục ở Điền Hộ (cách Phát Diệm 7 cây số). Nơi đây, Đức cha Marcou Thành đã mua sẵn hơn 100 mẫu ruộng để làm vốn nuôi giáo phận mới. Sau cùng, ngài dừng chân tại xã Phát Diệm, nơi ngài đã hội kiến cha Trần Lục, lúc bấy giờ đã gần hoàn thành việc xây cất quần thể thánh đường thời danh duy nhất theo kiến trúc Á Đông.

Sau khi nhận chức giám mục tân Giáo phận Đàng Ngoài Duyên Hải (từ 1924 đổi thành Phát Diệm), ngài vẫn sai các linh mục thừa sai Pháp tới miền thượng du Ai Lao giảng đạo. Tám linh mục Hội Thừa Sai Ba Lê đã hy sinh tại đó. Dân Thượng Lào đã theo Phật giáo từ lâu đời. Nơi đây khí hậu rừng núi, người ngoại quốc dễ nhiễm bệnh sốt rét rừng và bỏ xác tại đó.

Nguyên tại tỉnh Thanh Hoá có tới 13 phủ, huyện, nhưng hồi đó mới thành lập được 6 giáo xứ. Đức cha Thành định chia các xứ ra cho tiện việc điều khiển và giao thông. Ngài hứa cứ ba năm sẽ tới kinh lý một lần. Thể lệ việc lập giáo xứ mới, nhất là trong các hạt có đông dân số Công giáo, phải tuân theo các chỉ thị của toà giám mục:

- 1/ Hộ nào xin lập nhà xứ, phải làm đơn xin và tuân theo các chỉ thị của toà giám mục.
- 2/ Phải có nhà thờ chắc chắn, có thể đặt Mình Thánh Chúa và dung nạp được dân số trong giáo xứ.
- 3/ Phải có ít là 2 mẫu ruộng để chi phí dầu đèn, nến sáp và sửa chữa nhà thờ khi cần.
- 4/ Phải có ít ra 4 mẫu ruộng thổ, để làm nhà xứ. Phòng tiếp khách phải làm ngoài cổng nhà xứ; ngoài ra, hàng xứ phải mua sẵn, ít nhất, 6 mẫu ruộng để nuôi cha xứ và nhân viên.

Xong mọi sự, cha xứ mới phải tuyên thệ trước mặt đức giám mục và có sẵn trong tay văn kiện cần thiết, văn tự về điền thổ, ruộng nương, tài sản của giáo xứ mới.

Nhờ tài năng sắp xếp chu đáo các công tác trong giáo phận, cộng với ý chí quyết tâm thực hiện khẩu hiệu «Soi chiếu cho những ai còn ngồi trong bóng tối tăm», nhất là nhờ đời sống thánh thiện của ngài mà Đức cha Thành đã thành công trong việc đưa từng ngàn, từng vạn linh hồn lương giáo đến với Chúa. Thêm vào đó, chính Ngài đã vun đắp Giáo phận Phát Diệm thành giáo phận đầu tiên được Toà Thánh trao cho hàng giáo sĩ Việt Nam vào năm 1933. Sự nghiệp truyền giáo của Đức cha Thành không thể gặt hái thành công tốt đẹp như thế, nếu không có sự hy sinh của bao nhiêu nhân lực, tiền của, ngay cả mạng sống, của các linh mục, tu sĩ nam nữ và giáo dân của ngài.

Trong thư viện Hội Thừa Sai Ba Lê còn giữ bản thống kê chi tiết do chính Đức cha Marcou Thành làm để trình Toà Thánh. Bản thống kê so sánh tình hình Giáo phận Phát Diệm cho hai niên hiệu 1902, tức là 1 năm sau ngày thành lập và năm 1931, tức là 2 năm trước khi có giám mục Việt Nam tiên khởi. Nói cách khác, đây là thống kê về sự nghiệp của Đức cha Marcou Thành : (8) :

|                   | Năm 1902 | Năm 1931 |
|-------------------|----------|----------|
| Dân số Công giáo  | 80.000   | 140.000  |
| Linh mục thừa sai | 7        | 35       |
| Linh mục Việt Nam | 53       | 137      |
| Các thầy giảng    | 138      | 227      |

|                       |                |           |
|-----------------------|----------------|-----------|
| Nữ tu ngoại quốc      | 8              | 23        |
| Nữ tu Việt Nam        | 78             | 184       |
| Chủng viện            | 1              | 3         |
| Xứ đạo - nhà thờ      | 325            | 420       |
| Quản giáo (dạy bôn)   | 339            | 756       |
| Học sinh              | 6.626          | 24.670    |
| Trường tiểu học       | 0              | 80        |
| Số xưng tội           | 173.000        | 548.086   |
| Số chịu lễ            | 22.000         | 2.321.435 |
| Rửa tội trẻ bên lương | (từ 1902-1931) | 253.313   |
| Rửa tội người lớn     | (từ 1902-1931) | 22.555    |

Tổng số dân tỉnh Ninh Bình: 500.000, Công giáo: 140.000. Đó là tỉ lệ số giáo dân cao nhất Việt Nam, cứ 5 người lương thì có 1 người Công giáo. Chúng ta chứng kiến cả một sự nghiệp vĩ đại, Đức cha Marcou Thành đã thực hiện cho Phát Diệm, trong vòng 29 năm (1902-1931).

Số linh mục bản quốc từ 53 tới 137 vị.

Số giáo xứ, nhà thờ từ 325 lên 420.

Số dân Công giáo từ 80.000 lên 140.000, nghĩa là tăng 60.000 tín hữu. Điểm đáng chú ý là cộng đoàn Công giáo này đã tuân theo những gì đức giám mục nhấn nhủ, khuyên răn trong 3 cuốn sách đây: «*Thư Chung Địa Phận Thanh*», in tại Hồng Kông. Chính sách của ngài là những linh mục có tuổi được đặt vào các chức vụ chính xứ, quản hạt, tổng quản giáo phận. Ngài giữ các vị đó gần toà giám mục để làm cố vấn cho Đức cha khi cần thiết. Còn tất cả các linh mục trẻ tuổi hơn, bất luận Pháp hay Việt, Đức Cha gửi ra «mặt trận», chỗ xa xăm, nơi có ít người tông giáo, để các vị có dịp «xung phong» với sức hăng say làm việc trong các giáo xứ, rửa tội cho tân tông hay trong các nhà trường.

Sau 29 năm vất vả đã thu lượm kết quả:

Số sửa tội cho trẻ em bên lương: 253.313

Số rửa tội cho người lớn: 22.555

Số tín hữu rước lễ từ 221.000 lên tới 2.231.435

Kết quả rực rỡ này chắc đã làm thỏa mãn tâm hồn vị giám mục đã chọn khẩu hiệu «Soi chiếu cho những ai còn ngồi trong bóng tối tăm». Toà Thánh Rôma, đời Đức Giáo hoàng Piô XI, đã tặng thưởng Đức cha Alexandre Marcou Thành tước hiệu «Ngự tiền Tông toà» (Assistant au Trône Pontifical: Ngồi chỗ danh dự cạnh toà Đức Giáo hoàng khi ngài chủ tế lễ đại trào).

##### 5/ Vấn đề trường tư thục Công giáo

Năm 1901, khi phân chia Giáo phận Phát Diệm, trong toàn tỉnh Ninh Bình chỉ có các thầy đồ tổ chức dạy chữ Nho cho một số nhỏ học sinh tại tư gia; ngoài ra, Chủng viện Phúc Nhạc là trường tân học duy nhất dành riêng để đào tạo các chủng sinh. Hầu như chín phần mười trẻ em lâm cảnh thất học. Do đó, khi mới về nhận giáo phận, Đức cha Marcou Thành đã nghĩ ngay tới việc phải



phát huy giáo dục, nhưng phải bằng phương thức tổ chức học vấn theo lối tân học. Trong hai năm 1902-1903, ngài đã xây hai trường, một tại Phát Diệm và một tại Thanh Hoá. Ngài trao cho các linh mục Pháp trẻ trung điều khiển. Trường nhận học sinh nam, lương cũng như giáo. Đồng thời Đức cha còn mở thêm số trường học trong các giáo xứ và ủy thác cho các thầy giảng điều khiển.

Riêng các nữ sinh, phải đợi một thời gian. Đức cha Marcou Thành mời các chị em Dòng Saint Paul de Chartres tới giúp, vì là hội dòng đã tới Việt Nam từ lâu. Đức Cha để các nữ tu có thời gian học tiếng Việt; trong khi đó, họ cũng bắt đầu thu nhận các ơn kêu gọi nữ tu bản quốc. Sau này, các nữ tu Việt Nam đã góp tay đắc lực trong việc giáo dục con em người Việt tại Phát Diệm.

Tại Thanh Hoá, Đức cha Thành xây cất một nhà thương cho các bệnh nhân phong cùi, cách xa tỉnh lỵ chừng 3 cây số (1903) và một trường chăm sóc các trẻ em câm điếc. Sau cùng, ngài xây dựng một nhà thương và giao cho các nữ tu Saint Paul de Chartres (năm 1920, Đức cha mời các nữ tu Dòng Đức Bà Truyền Giáo bên Pháp sang thay), để chăm sóc sức khỏe cho các linh mục và tu sĩ trong giáo phận, cũng như cho nhân viên «Nhà chung» tại Phú Vinh, gần toà giám mục Phát Diệm.

Nói chung, với cái nhìn của người thời nay thì những cơ sở vật chất mà Đức cha Marcou Thành đã xây dựng cho giáo phận có thể là không đồ sộ, to tát lắm. Nhưng nếu đặt mình vào hoàn cảnh thời Đức cha Thành 100 năm về trước, chúng ta mới cảm nhận được sự nghiệp lớn lao của ngài. Thật vậy, 100 năm trước, khi chưa có các phương tiện kỹ thuật kiến trúc tân tiến mà Đức cha Marcou Thành đã huy động được giáo dân đầy nhiệt huyết, chung vai sát cánh xây đắp chừng ấy cơ sở thiết yếu còn tồn tại tới ngày nay. Tạo dựng được sự nghiệp đáng kể ấy là nhờ tài lãnh đạo và lòng nhiệt thành tông đồ của Đức cha Marcou Thành cộng với sự cố gắng vượt mức của cộng đoàn dân Chúa đầy lòng tin cậy mến sâu xa, mãnh liệt.

#### 6/ Vấn đề dân sinh

Đức cha Marcou Thành không chỉ lo phần hồn, giáo dục, sức khỏe cho cộng đoàn giáo dân, mà ngài còn lo lắng cả phần đời sống vật chất cho họ nữa. Chúng ta biết vùng Phát Diệm thời ấy là vùng đất tân bồi. Hằng năm, nước mặn tràn vào làm cho mùa màng thất bát, dân chúng đói khổ. Để chặn đứng nước mặn, cứu lấy mùa màng, Đức cha Thành đã tổ chức và hỗ trợ công cuộc đắp đê ngăn mặn. Con đê do ngài khởi xướng là đê Tân Khản, dài 10 cây số, có sức bảo vệ mùa màng cho nhiều làng mạc.

Ngoài ra, Đức cha Thành còn gửi một số người ra Hà Nội học nghề thêu, may; đồng thời, ngài lập ra những tổ hợp dệt chiếu bằng vật liệu cỏ, đay.

Nhờ ơn Đức cha Thành mà đến đời chúng tôi được chứng kiến những tiệm thêu và những mặt hàng chiếu cỏ Phát Diệm nổi tiếng xa gần.

### 3. Phát Diệm ghi ơn Đức cha Thành

Người dân Phát Diệm ý thức công ơn vô bờ bến của Đức cha Alexandre Marcou Thành đã làm cho họ. Cả một thời gian dài 40 năm hằng say truyền giáo, Đức cha thi ân cho họ và con cháu họ.

Do đó, ngày 07-12-1939, khi hay tin Đức cha Thành tạ thế tại Thanh Hoá, hưởng thọ 82 tuổi, Giáo phận Phát Diệm đã vội hội họp để bàn tính chương trình lễ an táng.

Đức cha Nguyễn Bá Tông cử cha Mai Đức Thạc, chính xứ Phát Diệm, vào Thanh Hoá xin đưa linh cữu Đức cha Thành về an táng tại Nhà thờ chính toà Phát Diệm. Khi vừa tới Thanh Hoá, cha Mai Đức Thạc ghé viếng Nhà thờ chính toà Thanh Hoá thì thấy cha Nhạc (quản lý Nhà chung) theo lệnh cố chính Thảo (Poncet, Tổng quản Giáo phận Thanh Hoá) đang đào huyệt chôn cất Đức cha Thành.

Cha Mai Đức Thạc đã xin được phép đem xác Đức Giám mục Thành về an táng tại Phát Diệm. Trên đường trở về Phát Diệm, thừa lệnh Đức cha Nguyễn Bá Tông, ngài ghé tỉnh lỵ Ninh Bình báo tin cho ông Công sứ người Pháp và ông Tuần phủ Ninh Bình. Rồi ngài ghé báo tin cho các giáo xứ ven đường Ninh Bình-Phát Diệm, như Tôn Đạo, Hòa Lạc, Hướng Đạo, Trì Chính, để khi linh cữu Đức cha Thành đi qua, các giáo xứ phải làm lễ bái mạng.

Về đến Phát Diệm, cha chính xứ triệu tập hội đồng hàng xứ, định đoạt hai việc: thứ nhất là khởi sự đào huyệt trong gian cung thánh Nhà thờ chính toà. Việc này rất công phu, vì khi làm nhà thờ, người ta đã đổ bê tông dày 40 phân. Việc thứ hai là chuẩn bị cỗ đòan danh dự. Đó là chính cỗ đòan đã dùng 40 năm trước đây, năm 1899, để khiêng linh cữu Cụ Sáu Trần Lục, Lễ bộ Thượng thư. Cỗ đòan làm bằng gỗ vàng tâm, chạm trổ mỹ thuật. Hồi xưa, sau đại lễ an táng Cụ Sáu, người ta đã tháo ra và bảo trì trong một phòng có khoá. Nay lấy ra sơn phết lại như mới và chỉ định 32 đôi tùy, tức 64 người khiêng. Họ phải là trùm trưởng mới được vinh dự này. Ngoài ra, còn chỉ định 8 phù cữu trong hàng chánh, phó trương hay bát cử phẩm. Ông chánh tổng kiêm chánh trương chấp hiệu, nghĩa là cầm trắc cho lệnh khiêng linh cữu: một tiếng bỏ đi, hai tiếng rì rì mà lên, tiếng thứ ba, 32 đô tùy nghe «sênh nhỏ» rồi mới khởi hành bước đi.

Sáng ngày 09-12-1939, Đức Khâm sứ Toà Thánh Dreyer, các Giám mục Louis de Coomann Hành (Thanh Hoá), François Chaize Thịnh (Giám mục phó Hà Nội), Gioan B. Nguyễn Bá Tông (Phát Diệm), Đa Minh Hồ Ngọc Cẩn (Bùi Chu), Andrea Eloy Bắc (Vinh), Félicien Hedde (Lạng Sơn), các linh mục Pháp-Việt thuộc Giáo phận Phát Diệm và Thanh Hoá, các dòng tu nam nữ và rất đông giáo dân dâng lễ cầu cho linh hồn Đức cố Giám mục Marcou Thành.

Trước thánh lễ, Đức Khâm sứ Toà Thánh Dreyer đọc bài điều văn nói lên công đức của vị Giám mục quá cố lão thành đã làm cho Phát Diệm và đưa Phát Diệm thành giáo phận độc lập với giám mục Việt Nam tiên khởi. Sau thánh lễ, rước quan tài lên xe tang, có đoàn xe Phát Diệm phụng nghinh và đoàn xe Thanh Hoá kính tiễn. Quá 11 giờ, xe linh cữu tới Ninh Bình, được hai quan Công sứ Pháp và Tuần phủ Việt Nam cùng các chức sắc Ninh Bình nghinh đón. Sau đó, xe linh cữu quay hướng thẳng về Phát Diệm, ngang qua các giáo xứ Tôn Đạo, Hoà Lạc, Hướng Đạo, Trì Chính, xứ nào cũng lập lễ kính viếng linh cữu. Đúng 12 giờ, xe linh cữu tới cầu Trì Chính thì dừng lại, hội Tây nhạc Phát Diệm nổi bài chào lâm khóc. Dứt tiếng kèn, rước quan tài sang cỗ đòan danh dự đã đón sẵn, băng màn the vàng bốn mặt, chung quanh đốt 6 cây nến sáp; hai trăm cây cò tang đại diện các giáo xứ trong giáo phận dàn thành hàng rào danh dự hai bên đường với các viên chức mặc áo tang, đội khăn trắng. Phái nam mặc áo tang, xếp hàng tư đi trước linh cữu, tay cầm tràng hạt đọc kinh. Phái nữ đội mào, mặc áo trắng đi sau linh cữu, tay cũng cầm tràng hạt và đọc kinh. Những người không mặc áo tang đi hai bên lề đường ngoài hàng cò.

Lúc 1 giờ chiều tới Nhà thờ chính toà, hạ linh cữu xuống, đặt quan tài giữa nhà thờ, đốt sáu cây hoàng lạp để hai bên quan tài. Ngoài sân, nam tả, nữ hữu, chập ních, bắt đầu lớn tiếng đọc kinh cho tới 6 giờ sáng ngày 11-12-1939.

Sáng sớm hôm sau, toàn thể giáo dân hiện diện rước linh cữu Đức cố giám mục chung quanh ao hồ, rồi trở về nhà thờ để dâng lễ qui lảng và hạ huyệt trong gian cung thánh. Đức cha Nguyễn Bá Tông đọc diếu văn kể công đức của Đức cố Giám mục Marcou Thành từ ngày chia Giáo phận Phát Diệm ra khỏi Giáo phận Hà Nội, năm 1901. Gần 40 năm cai quản giáo phận, xây dựng các cơ sở cần thiết, làm tăng số giáo dân từ 80.000 lên tới hơn 120.000, để rồi hơn 30 năm sau (1901-1935) hoàn tất công nghiệp tại giáo phận với vị giám mục Việt Nam tiên khởi. Rồi 30 năm sau nữa, lại phân chia Giáo phận Thanh Hoá ra khỏi Giáo phận Phát Diệm. Đức Giám mục truyền giáo với khẩu hiệu «Chiếu ánh sáng cho những ai còn ngồi trong tăm tối» đã chạy đua suốt quãng đời 82 năm trần thế, xuôi ngược trong tỉnh Ninh Bình, Thanh Hoá và miền Thượng Lào để đem tin mừng cứu độ cho trên dưới 3 triệu người sống trong 3 địa hạt rộng mênh mông. Đọc lại lịch sử truyền giáo trên toàn cõi Đông Dương hồi xưa, chúng ta thấy công lao của Đức cố giám mục Marcou Thành nổi bật vào hạng nhất. Không ai đã sống như ngài, không ai đã thành công như ngài. Sự nghiệp của ngài không những in sâu trong các cơ sở ngài đã xây dựng, mà còn tồn tại sâu xa trong tâm hồn của hàng trăm ngàn tín hữu qua các thế hệ và tới tận ngày nay.

## **II. ĐỨC GIÁM MỤC GIOAN BAOTIXITA NGUYỄN BÁ TÔNG, giám mục Việt Nam tiên khởi (1868-1949)**

### **1. Thân thế**

Đức giám mục Gioan Baotixita Nguyễn Bá Tông sinh ngày 07-08-1868 tại Gò Công. Thân phụ ngài là Giacôbê Nguyễn Gia Tuần, thân mẫu là Madalêna Nguyễn Thị Châu. Cụ Giacôbê Tuần trước cũng đi tu, được Giáo phận Sài Gòn gửi đi du học Đại Chung viện Penang, do Hội Thừa Sai Ba Lê phụ trách, nhưng đã chuyển hướng, trở về Việt Nam làm thầy giảng giúp giáo phận một thời gian; sau đó, thi vào ngạch thông ngôn ở tỉnh lỵ Gò Công, rồi Trà Vinh. Cậu Nguyễn Bá Tông đi theo cha, lúc mới 10 tuổi nhập trường Tiểu học Trà Vinh. Sau đó cậu vào trường Adran (Collège d'Adran của Hội Dòng Sư Huynh Các Trường Công giáo, Frères des Ecoles Chrétiens). Năm 1882, các sư huynh đóng cửa trường và về Pháp. Lúc đó, cậu Nguyễn Bá Tông đã học qua 10 năm trực tiếp với các sư huynh người Pháp, nên xử dụng Pháp văn thành thạo.

Khi đang theo học tại trường Adran, cậu Nguyễn Bá Tông được linh mục tuyên úy người Pháp, cha Dépierre, cũng là giáo sư chủng viện, để ý hướng dẫn. Năm 1883, khi 15 tuổi, cậu vào tu tại Tiểu Chung viện Sài Gòn. Hồi đó, Linh mục Thiriet làm giám đốc, người đã đào tạo hầu hết các linh mục giáo phận từ 20 năm. Ngày 19-09-1896, thầy Nguyễn Bá Tông, 28 tuổi, được chính Đức cha Dépierre, giám mục Sài Gòn từ 1895 truyền chức linh mục và đặt làm thư ký toà giám mục. Ngài tiếp tục chức vụ này cả thời Đức cha Mossard (11). Ngày 02-09-1917, vì đau yếu, ngài được bổ làm chính xứ Bà Rịa, với hy vọng sức khỏe mau hồi phục tại vùng ven biển. Tháng 9 năm 1926, sau khi sức khỏe hồi phục, ngài được bổ làm chính xứ Tân Định, một xứ lớn giữa Sài Gòn. Ngài hay được mời đi giảng thuyết tại các tuần tĩnh tâm hay đại phúc, thường là trong Giáo phận Sài Gòn. Ngài sáng tác kịch *Thương Khó Chúa Giêsu* và cho trình diễn vào năm 1913, nhân dịp mừng 50 năm thành lập Chung viện Thánh Giuse của Giáo phận Sài Gòn và năm

1926 tại Bà Rịa và Tân Định. Tiếng tăm ngài vượt ra ngoài giáo phận. Năm 1928 Đức cha Grangeon mời ngài ra giảng tĩnh tâm cho hàng giáo sĩ Quy Nhơn. Các bài giảng được đăng lại trong tờ « Mémorial » của giáo phận trong nhiều tháng liên tiếp. Hai Đức cha Gendreau Đông và Marcou Thành cũng mời cha Tông ra Bắc giảng tĩnh tâm cho các linh mục Hà Nội (1931) và Phát Diệm (ngày 15-22 tháng 12 năm 1931).

Hai Đức cha Hà Nội và Phát Diệm mời cha Tông hồi đó để hàng giáo sĩ của hai giáo phận không ngỡ ngàng, khi năm 1933 nghe tin Toà Thánh bổ nhiệm ngài làm giám mục người Việt tiên khởi.

## 2. Giám mục tiên khởi Việt Nam

Quyết nghị bổ nhiệm cha Nguyễn Bá Tông làm giám mục phó Phát Diệm với quyền kế vị được gửi tới Phát Diệm và Sài Gòn, vì lúc đó cha Nguyễn Bá Tông đang là cha chính giáo xứ Tân Định thuộc Giáo phận Sài Gòn. Ngày hôm sau, Đức Hồng y Carolo Salotti còn gửi một thư khác cho vị giám mục người Việt tiên khởi báo tin chính Đức Giáo hoàng Piô XI ngỏ ý sẽ đích thân truyền chức giám mục cho ngài vào Chúa nhật ngày 11-6-1933 tại Vương cung thánh đường Thánh Phêrô, nhằm ngày lễ Chúa Ba Ngôi. Cùng được tấn phong giám mục hôm đó còn có 4 giám mục khác: 3 vị người Trung Hoa và 1 vị người Ấn Độ.

### 1/ Lễ tấn phong giám mục

Vì tin vui này và vì Giáo phận Phát Diệm ở mãi tận miền Bắc xa xôi, nên cha Nguyễn Bá Tông quyết định đi Roma lãnh chức giám mục, rồi mới về Phát Diệm. Ngài lấy khẩu hiệu «Hãy chăm rỗi sâu trong dân ta». Khẩu hiệu ám chỉ tất cả hàng giáo sĩ, tu sĩ nam nữ và giáo dân trong giáo phận mới, xin cho họ được chăm rỗi sâu, tức là kiên trì trong đức tin qua suốt cuộc đời. Tại Sài Gòn Đức cha Mossard Mãn gửi thư luân lưu cho toàn giáo phận, chỉ thị trong suốt tháng 5: Các linh mục khi dâng lễ, phải thêm lời cầu Chúa Thánh Thần ban ơn riêng cho Đức cha Nguyễn Bá Tông. Các tu sĩ và giáo dân sốt sắng rước lễ ít là 1 lần với ý cầu nguyện cho Đức cha mới. Ngày 11-06-1933, lễ Đức Chúa Trời Ba Ngôi, cũng là ngày Đức Thánh Cha sẽ truyền chức giám mục cho cha Nguyễn Bá Tông, thì vào đầu giờ lễ ban sáng sẽ hát kinh Veni Creator (Xin Chúa Thánh Thần ngự đến) và ban chiều, trong giờ chầu Mình Thánh Chúa, thì hát kinh Te Deum (Cảm tạ Chúa) để hợp thông với lời ca Te Deum tại Vương cung thánh đường Thánh Phêrô được hát lên sau nghi thức truyền chức giám mục.

Đức Giám mục Sài Gòn viết trong thư luân lưu: ngày 11-06-1933 là ngày vui mừng cho Giáo phận Sài Gòn cũng như các giáo phận tại Đông Dương, đặc biệt cho Giáo phận Phát Diệm. Trong thư, Đức Giám mục Sài Gòn còn trấn an vị tân giám mục hãy «an lòng, không có điều gì đáng lo ngại» vì chính quyền Pháp - Việt cũng như giáo quyền và các chức sắc ngoài Ninh Bình, Phát Diệm «đều lấy làm vui mừng... không một lời dị nghị» đối với vị tân giám mục Việt nam.

### 2/ Hành trình Âu Châu

Ngày 01-05-1933, cha Nguyễn Bá Tông và cha Phalô Vàng, bí thư toà giám mục, đáp tàu đi Pháp. Ra tiễn chân 2 vị có 20 linh mục Việt-Pháp từ Giáo phận Sài Gòn. Phát Diệm cử Linh mục Luca Đinh Ngọc San và 1 thầy giảng đại diện. Ngoài ra có đông đảo ban chấp hành giáo xứ Tân Định và các giáo xứ lân cận và rất nhiều giáo dân, bạn hữu.



Vị giám mục tân cử mang theo hành lý 2 món quà: món thứ nhất là một bức chân dung bán thân Đức Thánh Cha Piô XI khảm ốc xà cừ, cao 8 tấc, ngang 5 tấc, với lời đề tặng «Sanctissimo D.N. Pio Gratias», ký tên «Gioan Baotixita Tông, Episcopus primus Annamiticus» kèm theo hình Nhà thờ chính toà Phát Diệm và hình bán thân Đức cha Tông. Món quà thứ hai là tấm chân dung Đức Giám mục De Guébriant, bề trên cả Hội Thừa Sai Ba Lê, được thêu bằng tay, cũng kèm theo hình Nhà thờ chính toà Phát Diệm. Cả hai bức ảnh lộng trong khung khảm xà cừ tuyệt đẹp.

Tàu khởi hành từ Sài Gòn, ghé Singapore, Colombo, Djibuti, Suez, Fort Said, vượt Địa Trung Hải, tới Marseille. Tại mỗi hải cảng có sở quản lý của Hội Thừa Sai Ba Lê hay toà giám mục đã được thông báo, nên cử người đón tiếp 2 vị khách Việt rất nồng hậu. Tại Marseille 2 vị viếng phần mộ Đức cha Lefèvre và mấy vị thừa sai đã từng hoạt động tại Việt Nam. Đặc biệt viếng mộ cha Adrien Launay, nhà viết sử thời danh của Hội Thừa Sai, tuy ngài không tới Việt Nam, nhưng nhờ công ghi chép của ngài chúng ta còn có tiểu sử của các vị tử đạo tại Việt Nam. Sau Marseille, 2 vị khách Việt trở Paris. Dọc đường, các ngài ghé Lyon, Valence, Dijon... để thăm một số linh mục, tu sĩ Pháp đã từng hoạt động tại Việt Nam. Tại Paris, các ngài tới thăm Đức Giám mục De Guébriant, đương kim bề trên Hội Thừa Sai Ba Lê, thăm Đức ông Boucher, Giám đốc Hội Truyền Giáo (Propagation de la Foi) tại Paris, Đức ông Olichon, Giám đốc Hội Thánh Phêrô Tông đồ (Oeuvre de Saint Pierre Apôtre) tại Pháp (Đức ông Olichon chính là người đã viết cuốn *Le Père Six, Baron de Phát Diệm, Cha Trần Lục, Bá tước Phát Diệm*, ghi lại tiểu sử và sự nghiệp Cụ Lớn Khâm để lại cho Phát Diệm). Đức ông Olichon đã hướng dẫn 2 vị khách tham quan Paris.

### 3/ Tới Roma

Ngày 05-06-1933, tại nhà ga trung ương Termini, Đức Giám mục tiên khởi Việt Nam được Đức Tổng Giám mục Zanini, đại diện Bộ Truyền Giáo, Đức ông Dini, Giám đốc Trường Truyền Giáo và một số tu sĩ Việt Nam đang tu học tại đây đón tiếp nồng nhiệt và đưa về nghỉ tại trụ sở của Hội Thừa Sai Ba Lê tại Roma.

Cảnh quan và tinh thần Roma lúc đó đang hân hoan tung bừng, vì vào Chủ nhật lễ Chúa Giêsu Lên Trời trước đó, Đức Piô XI mới phong chân phước cho Nữ tu Catarina Labouré, Dòng Nữ Tử Bác Ái Ba Lê; đồng thời, đang chuẩn bị lễ tuyên thánh cho Linh mục Fournet, vị sáng lập Hội Dòng Chị Em Thánh Giá (Filles de la Croix) tại Poitiers vào lễ Chúa Thánh Thần Hiện Xuống. Tiếp đến là lễ truyền chức giám mục cho 5 linh mục Á Châu ngày 11-06-1933.

Cha Phaolô Vàng đã ghi lại: «Không thể nào thuật lại cho đúng sự thực... Phải đến dự lễ thì mới hiểu được». Từ sáng sớm đã có xe tới trụ sở Hội Thừa Sai đón cha Nguyễn Bá Tông đưa tới phòng Clementia tại Vatican để mặc phẩm phục và nhập đoàn với 18 hồng y tại phòng Consistoire, rồi tiến sang nhà nguyện Sixtina tháp tùng Đức Giáo hoàng tới Vương cung Thánh đường Thánh Phêrô.

Đoàn kiệu tiến ra từ nhà nguyện Sixtina, qua cửa Regia, xuống 100 bậc đá, giữa hàng dàn chào của 400 sinh viên tu sĩ, Đức Giáo hoàng giơ tay ban phép lành cho dân chúng trên đường tiến vào vương cung thánh đường, và tới bàn thờ hành lễ. Ca đoàn nhà nguyện Sixtina đảm trách phần thánh nhạc. Cha Vàng dành 4 trang dài ca ngợi tài nghệ tuyệt vời của ca đoàn gồm chừng 60 ca viên ở lứa tuổi 9-10 tới 50.

Ngoài Đức cha Nguyễn Bá Tông, Đức Giáo hoàng còn truyền chức giám mục cho 4 vị khác nữa.

Đức cha Giuse Attipety, Dòng Carmel, Tổng Giám mục phó Giáo phận Verapoly, Ấn Độ.

Đức cha Giuse Fan, Trung Hoa, Giám mục Giáo phận Tsining, Mông Cổ.

Đức cha Giuse Ts'oei, Dòng Tên, Trung Hoa, Giám mục Giáo phận Yungnier.

Đức cha Matthêô Lý, Trung Hoa, Giám mục Giáo phận Yachow.

Hai vị phụ phong là Đức Tổng Giám mục Salotti, Thư ký Bộ Truyền Giáo, và Đức Tổng Giám mục Celso Costantini, Khâm sứ Tòa thánh tại Trung Hoa.

Lễ nghi truyền chức giám mục là một lễ nghi long trọng trong Giáo hội Công giáo Roma. Sau Thánh lễ, các tân giám mục ban phép lành cho giáo dân. Đến lượt vị Giám mục Việt Nam, đúng lúc thánh đường im lặng, Đức cha Nguyễn Bá Tông xướng câu ca bằng La ngữ với giọng rung rung, đồng dục, hùng mạnh khiến mọi người trong thánh đường ngỡ ngàng, cả Đức Giáo hoàng cũng quay mắt sang để nhìn.

Không lạ gì, vì Đức Giám mục Việt Nam là một nhà hùng biện thời danh, có giọng thanh thoát, rõ rệt. Khi thuyết giảng, ngài thường mạnh dạn, lưu loát trong tiếng Việt cũng như tiếng Pháp.

Ở Roma, mọi việc đã được xếp đặt, chuẩn bị chu đáo. Sau lễ thụ phong, Đức cha Nguyễn Bá Tông đi thăm một số cơ quan và nhân vật để trình diện và và cảm ơn. Ngài cũng đi thăm mấy Học viện Giáo hoàng, nơi có sinh viên tu sĩ Việt Nam tông học.

Rời Roma, ngài trở lại Pháp. Tới Lyon, ngài được đón tiếp tại Nhà thờ chính tòa. Ngài tới thăm Đức cha De Guébriant, bề trên Hội Thừa Sai Ba Lê và các cơ quan truyền giáo.

Sau đó, ngài đi Paris và được Đức Hồng y Verdier, Tổng Giám mục thủ đô nước Pháp mời chủ sự châu Thánh Thể và thuyết giảng tại Nhà thờ chính tòa (02-07-1933). Báo chí tường thuật, phê bình rất tích cực tài hùng biện bằng tiếng Pháp của Đức cha. Trên các bức tường trong thành phố, người ta dán la liệt bích chương kể tiểu sử Đức Giám mục Việt Nam tiên khởi. Ngoài ra ngài còn được mời tới giảng thuyết tại các thánh đường danh tiếng tại Chartres, Angers và đi hành hương Lộ Đức dịp kỷ niệm 75 năm Đức Mẹ hiện ra tại đó. Nhân ngày Đại hội Thánh Thể toàn quốc, có Đức Miaglione, Khâm sứ Tòa thánh tại Pháp chủ tọa, Đức cha Nguyễn Bá Tông được mời chủ lễ trọng buổi sáng và chủ sự kiệu Mình Thánh Chúa ban chiều cũng như thuyết giảng về sự tôn sùng Phép Thánh Thể.

Tại các nơi kể trên, Đức Giám mục Việt Nam tiên khởi được đón tiếp nồng hậu. Những nơi ngài giảng thuyết đều chật ních thánh giả, vì tiếng đồn rộng rãi về tài giảng thuyết của Đức cha.

Qua mấy tuần lễ công du Âu Châu, Đức cha Nguyễn Bá Tông đã làm vẻ vang dòng giống Lạc Hồng. Nhất là ngài đã được danh dự tiếp kiến Đức Piô XI. Đức Giáo hoàng chúc cho « *Việt Nam trở nên con đầu lòng Giáo hội bên Viễn Đông, cũng như nước Pháp là trưởng nữ của Giáo hội bên trời Âu* ».

4/ Trên đường về Việt Nam

Sau cuộc hành trình dài 6 tháng bên Âu Châu, Đức cha Nguyễn Bá Tông và cha Phaolô Vàng đã đáp tàu hồi hương, ghé thánh địa Do Thái, rồi cập bến Singapore, lấy xe lửa đi Thái Lan và Nam Vang. Tại đây có cộng đoàn giáo dân gốc Việt, do Hội Thừa Sai quản nhiệm. Họ hân hoan đón tiếp Đức cha để tham phần vào niềm vui với Giáo hội trên quê hương Việt Nam.

Đọc tuyến đường 300 km từ Nam Vang về Sài Gòn, Đức cha Nguyễn Bá Tông được nồng nhiệt nghênh đón khắp nơi. Trong khi Đức cha còn dong duỗi trời Âu, thì tại Giáo phận Sài Gòn, Đức Giám mục Dumortier đã viết thư gửi mọi thành phần trong giáo phận xin mọi người hằng ngày cầu xin Thiên Chúa ban cho Đức Giám mục tiên khởi Việt Nam các hồng ân cần thiết. Do đó họ nao nức chờ ngày về của Đức cha.

Đoàn xe bỏ Nam Vang hồi 7 giờ sáng ngày 24-10-1933, có Đức cha Herrgot, Giám mục Nam Vang và giáo sĩ Pháp-Việt tiễn chân. Đúng 11 giờ, đoàn xe tới Trảng Bàng, thành phố đầu tiên sau biên giới. Có 4 cổng chào được dựng để đón đoàn tại Trảng Bàng, Tha La, Củ Chi và Chí Hòa. Đoàn xe lúc này, gồm 30 chiếc cấm cờ Tòa Thánh trực chỉ Sài Gòn. Tại Sài Gòn cờ xí tràn ngập, xen với những biểu ngữ chào mừng bằng tiếng Việt và tiếng Pháp được treo khắp nẻo đường. Trong Nhà thờ Đức Bà, trên gian cung thánh, hiện diện hơn 100 linh mục Việt - Pháp của Giáo phận Sài Gòn cũng như mấy linh mục đại diện cho Giáo phận Nam Vang. Ngoài ra, các chủng sinh, học sinh các trường Công giáo ngồi chật ních thánh đường. Gần bàn thờ, người ta đã dọn sẵn 2 ghế, 1 cho Đức tân Giám mục và 1 cho Đức Giám mục Sài Gòn, có 2 chức sắc Tòa thánh Denis Lê Phát An và Phủ Nuôi trong lễ phục Tòa Thánh ngồi 2 bên. Phía dưới bao lon rước lễ, có ông Krantheimer, Thống đốc Nam Kỳ, ông Goulés, Chánh văn phòng Phủ thống đốc, ông Eutrope, Công sứ Sài Gòn-Chợ Lớn, Thiếu tướng Bifon và phu nhân và một số nhân vật trong các ngành hành chánh dân sự Pháp-Việt.

Khi mọi người đã an tọa, cha Soullard, Tổng đại diện Giáo phận Sài Gòn, mời Đức tân Giám mục bước lên bàn thờ ban phép lành Tòa Thánh cho cộng đoàn. Sau đó ngài ngỏ lời chào mừng Đức cha mới Việt Nam. Đức cha Nguyễn Bá Tông đáp từ bằng tiếng Pháp, tỏ lòng biết ơn Hội Thừa Sai Ba Lê, Đức Giám mục Giáo phận Sài Gòn và toàn thể dân Chúa đã cầu nguyện cho ngài nhân dịp lễ thụ phong. Bằng tiếng Việt ngài cảm ơn dân Chúa đã cầu nguyện cho ngài trong các thánh lễ và giờ kinh, lại còn có mặt đông đúc và góp công tổ chức nghênh đón ngài rất long trọng. Phản ứng của dân chúng Việt Pháp hôm đó rất nồng nhiệt, khi chứng kiến lần đầu tiên 1 vị giám mục Việt Nam đội mũ giám mục và cầm gậy chăn chiên đứng giữa cung thánh, gơ tay ban phép lành Tòa Thánh cho toàn thể cộng đoàn. Sau nghi lễ nghênh tiếp, Đức cha Nguyễn Bá Tông chủ sự châu Minh Thánh Chúa, rồi giải tán, vì bữa tiệc khoản đãi Đức cha mới đã diễn ra lúc 10 giờ 30 sáng, do Đức cha Dumortier, Giám mục Giáo phận Sài Gòn chủ tọa, có đủ mặt quan chức Pháp - Việt tham dự.

Trong bài diễn văn (17) chúc mừng Đức tân Giám mục, Đức cha Dumortier nhấn mạnh một nhận xét lịch sử: Đức cha Nguyễn Bá Tông được Tòa Thánh bổ nhiệm giám mục ngày 10-01-1933. Ngược dòng lịch sử 100 năm trước, tháng 01-1833, Giáo hội tại Việt Nam bị nhà Nguyễn bách hại. Ngày nay, sau 100 năm, vào tháng 01-1933, một vị Giám mục Việt Nam tiên khởi được bổ nhiệm và vua Bảo Đại, thuộc dòng dõi nhà Nguyễn, đã gửi điện tín chúc mừng và tri ân Đức Giáo hoàng Piô XI nhân dịp tấn phong vị Giám mục Việt Nam tiên khởi. Sắp đến, tại điện Cần Chánh, kinh đô Huế, cũng vua Bảo Đại sẽ mở tiệc khoản đãi Đức Giám mục thứ nhất Việt

Nam. Trong những khách mời có Đức cha A. Marcou Thành, Giáo phận Phát Diệm, Đức cha Chabanon, Giám mục Giáo phận Huế và Đức Tổng Giám mục Dreyer, Khâm sứ Toà Thánh tại Việt Nam và chừng 40 vị quan chức trong Triều (18).

5/ Được vua Bảo Đại tiếp kiến long trọng

Lịch sử đạo Công giáo tại Việt Nam có những khúc quanh kỳ diệu qua dòng thời gian. Ngày 30-11-1835, tại Kinh thành Huế, vua Minh Mạng đã cho lệnh nổ 7 phát súng đại bác, báo cho dân chúng kinh đô biết hôm đó nhà vua hạ lệnh xử «lăng trì bá đao» Linh mục Giuse Marchand (Cố Du), thuộc Hội Dòng Thừa Sai Ba Lê, bị vu cáo là «phò phản loạn Lê Văn Khôi». Nhưng 86 năm sau, tháng 7-1921, cũng tại Kinh thành Huế, 7 phát đại bác khác nổ vang; nhưng hôm đó vua Khải Định, cũng trong cương vị vương đế Việt Nam, đã ban Kim Khánh Đệ Nhất Hạng Bội Tinh, ân thưởng Giám mục Eugène Allys Lý, thuộc Hội Thừa Sai Ba Lê, vì có công tận tụy phục vụ suốt 46 năm trời, không những trong lãnh vực truyền giáo, mà cả trong lãnh vực văn hoá, giáo dục tại Giáo phận Huế (19).

Hôm nay, vua Bảo Đại nghênh tiếp các vị cao cấp Công giáo rất long trọng tại Điện Càn Chánh, nơi vua thường tiếp những vị thượng khách ngoại quốc hay trong nước. Các vị thượng khách tiến vào giữa 2 hàng quân đội bồng súng dàn chào, đang khi hội kèn của Triều đình thổi vang. Nhà vua ngự chính giữa, bên hữu là Đức Khâm sứ Toà thánh, bên tả là Đức cha Nguyễn Bá Tòng, kế bên có Đức cha Marcou Thành; đứng 2 bên là 40 vị triều thần văn võ.

Đức Khâm sứ Toà thánh nói mấy lời giới thiệu, rồi Đức cha Nguyễn Bá Tòng đứng lên dâng bức thư của Đức Piô XI đáp lễ điện văn vua Bảo Đại gửi ngài để chúc mừng và tri ân nhân dịp ngài tấn phong vị Giám mục Việt Nam tiên khởi. Kèm với bức thư là 1 huy chương cao quý Toà Thánh kính tặng nhà vua. Liền đó Đức cha Nguyễn Bá Tòng đọc diễn văn bằng tiếng Pháp, nội dung như sau :

*Tâu Hoàng thượng, (20)*

*Hôm nay lần đầu tiên, tính từ đầu thế kỷ XVII, khi mà đạo Thiên Chúa được rao giảng trong nước hoàng thượng, một giám mục Việt Nam được hân hạnh đích thân tới đây và thay mặt cho giáo đoàn thuộc quyền để bái yết long nhan. Cái thời kỳ đáng ghi nhớ của lịch sử Giáo hội Đông Dương may mắn được khởi đầu cùng với lúc Hoàng thượng lên ngôi.*

*Hạ thần khi được sắc chỉ Toà thánh phong giám mục đã ngần ngại hồi lâu, không dám lãnh trách nhiệm đáng sợ này, vì hạ thần tự cảm nghiệm vai yếu dưới gánh quá nặng nề; tuy nhiên phải cúi đầu thọ mạng Đức Giáo hoàng. Ngoài ra, việc bổ nhiệm này là một vinh dự lớn lao cho toàn dân Thiên Chúa giáo tại Việt Nam, đồng thời là một bằng chứng rõ rệt nói lên lòng thương mến của ngài đối với họ.*

*Sở dĩ Đức Piô XI đã nghị quyết như thế cũng vì ngài quá hiểu biết trong một quốc gia mà người dân đã được ưu đãi như trên, thì con cái của Giáo hội Công giáo cũng sẽ được một vị anh quân sáng suốt, quảng đại như bậc phụ mẫu chi dân.*

*Tâu Hoàng thượng,*

*Cũng nhờ ngài đồng tâm phụ họa, mà người Việt Nam mới được đặc ân cao quý này. Kính xin Hoàng thượng nhận nơi đây sự tri ân của giám mục Việt Nam và lòng trung kiên thành kính của quốc dân.*

*Người theo đạo Thiên Chúa tin rằng, không những phải tôn kính tuân phục nhà vua, mà còn phải yêu mến ngài. Cả trong những thời kỳ bi đát nhất của lịch sử chúng tôi, giáo hữu vẫn cầu nguyện cho nhà vua; đối với Hoàng thượng họ càng cầu nguyện hơn nữa, vì từ khi hồi hương từ Pháp quốc tới nay Hoàng thượng vẫn tỏ thái độ quý mến các giám mục, linh mục và giáo dân chúng tôi.*

*Tâu Hoàng thượng,*

*Không nói thì Hoàng thượng cũng quá hiểu rằng, sự phồn thịnh và quyền lực vật chất không đủ đem lại hạnh phúc cho con người. Theo gương các bậc tiên bối trị dân, Hoàng thượng đã ý thức rằng, nếu không có yếu tố tinh thần trong việc xây dựng xã tắc, thì mới chỉ là tạo ra cái xác không hồn, «người ta sống không phải nguyên nhờ tám bánh mà thôi»! Lời của Chúa Giêsu tồn tại đã gần 2.000 năm nay, do đó cái động lực tinh thần này càng phải tôn trọng. Là vì trải qua các thời đại nó vẫn là nguyên tắc chứng minh trong việc giáo hoá luân lý và làm nền tảng cho nền văn minh các dân tộc.*

*Tâu Hoàng thượng,*

*Đời ngài trị vì, chúng tôi tin tưởng sẽ biểu dương một thời đại mới mẻ trong kỷ nguyên thái bình và tân tiến mà chúng tôi đang sống. Hoàng thượng dẫn quốc dân đi đâu, ở đó thần dân Công giáo sẽ bước theo, bởi vì chúng tôi xác tín Hoàng thượng sẽ không đòi chúng tôi phải hy sinh đến mức độ phản lại tín ngưỡng của Giáo hội chúng tôi. Người theo đạo Thiên Chúa chỉ có một ước vọng là trở thành người giáo dân tốt lành trước, rồi sau đó làm người công dân sống đời nghĩa hiệp với nhà vua và với quê hương của mình » (21).*

6/ Cự thượng Nguyễn Hữu Bài khoản đãi

Vua Bảo Đại đáp từ, cũng bằng tiếng Pháp. Hai bên nán lại hàn huyên một lát, rồi kết thúc buổi hội kiến. Nhà vua Việt Nam chia tay, ngự về điện, ba vị giám mục đi giữa hai hàng quân dàn chào. Tiếng nhạc thổi vang. Các ngài rời khỏi hoàng cung và đi tới dinh cụ Quận công Nguyễn Hữu Bài. Hôm đó cụ mở tiệc khoản đãi các vị. Ngoài các giám mục, có chừng 46 nhân vật Việt - Pháp, phần nhiều là giáo sĩ hai nước Việt - Pháp được mời tham dự.

Tiệc vừa tàn, cụ Quận công đứng lên xuất khẩu một bài diễn văn vắn tắt với lời lẽ trang nghiêm, đầm thắm : «*Trước khi mừng đức giám mục bản quốc, tôi có mấy lời với các giám mục và các linh mục ngoại quốc. Sở dĩ hôm nay có giám mục Việt Nam tiên khởi là nhờ công ơn của Hội Thừa Sai Ba Lê, trong mấy trăm năm đã vất vả đào tạo, chuẩn bị. Công lao đó đã được Thiên Chúa chúc lành và Tòa thánh công nhận...Tôi chúc cho Đức cha mới trở thành «cao đăng cao viễn chiếu» như đèn sáng nêu cao để chiếu rọi ánh sáng Phúc Âm càng xa... »* Sau đó, một linh mục Việt Nam đại diện cho các linh mục người Việt đọc bài chúc mừng Đức cha lớn lên như cây «Tùng bá», một loại cây cổ thụ trồng trong vườn Nam Việt, tưởng rằng sẽ phát triển mãi ở đó; không ngờ, tay Chúa quan phòng lại đem trồng mãi tận miền Bắc xa xăm và rồi đâm rễ sâu tại đó: «*In electis meis mitte radices*» (khẩu hiệu giám mục của Đức tân Giám mục).



## 7/ Viếng Thánh Địa La Vang

Xe hơi chở Đức cha Nguyễn Bá Tông đi La Vang để ngài có dịp cầu nguyện trước tượng Đức Mẹ chiều hôm đó. Sau đó, xe đưa Đức cha trở lại Huế, để dự yến tiệc do vua Bảo Đại khoản đãi ngay trong điện An Định, hồi 8 giờ chiều. Hôm đó, trừ Đức cha già Allys Lý, vì sức khỏe không tới được, còn tất cả các giám mục và 35 vị quan văn võ trong triều, cả ông Denis Lê Phát An cũng được mời tham dự. Cha Phao Lô Vàng trong cuốn «*Cuộc hành trình Roma*» (22) đã viết: «*Thấy đức Bảo Đại, hoàng đế Việt Nam ngự giữa các quan Tây - Nam văn võ, trọng đãi một giám mục Việt Nam và khâm sứ của giáo hoàng, cùng 2 giám mục như thế, ai mà chẳng ca ngợi quyền phép Chúa khéo đối đãi*». Một trăm năm về trước, 1833, vua Minh Mạng cũng ngự giữa bá quan, nhưng chỉ là để ký chỉ dụ cấm đạo Gia Tô và ra lệnh bách hại người Công giáo!

## 8/ Thăm Giáo phận Thanh Hoá

Sau những cuộc tiếp đón long trọng tại Triều đình Huế, sáng ngày 10-11-1933, phái đoàn Đức tân Giám mục tiến ra Thanh Hoá. Thanh Hoá là giáo phận anh em được phân chia từ Hà Nội, thành Giáo phận Phát Diệm năm 1901, sau đó lại tách ra từ Phát Diệm để đứng biệt lập năm 1932. Từ Huế ra, Đức cha Nguyễn Bá Tông tới thẳng xứ Ba Làng (23), nghỉ đêm tại đó, hôm sau (11-11-1933) mới đi về phủ Paul Bert. Nơi đây, những thành phần giáo dân đầu tiên, đem theo 10 chiếc lọng, phường âm nhạc, mấy đoàn học sinh của các nữ tu và sư huynh, đoàn Nghĩa Binh Thánh Thể đã đứng trực sẵn để rước đoàn đi một quãng. Tới ngã tư, các vị khách mới xuống xe và được Đức cha Cooman Hành, Giám mục Thanh Hoá, cùng một số linh mục Việt - Pháp và các chức sắc cũng Việt - Pháp đón chào. Đoàn đi giữa 2 hàng dân chúng lương giáo chen nhau để ngắm dung nhan Đức Giám mục Việt Nam tiên khởi. Đến gần nhà thờ, đoàn rước đi qua 2 khai hoàn môn lọng lẩy. Trên khai hoàn môn thứ nhất có câu «Vive Mgr Tông», trên chiếc thứ hai đề 4 chữ «Thân Đấng Vọng Phu». Các chức sắc Việt - Pháp trong lễ phục oai vệ, 2 đội quân binh và cảnh sát dàn 2 bên đọi sẵn. Khi mọi người an tọa, Đức cha De Cooman trên gian cung thánh giới thiệu Đức cha Việt Nam bằng 2 thứ tiếng Pháp - Việt. Đức cha Việt Nam đáp từ cũng bằng 2 tiếng Việt - Pháp. Bằng tiếng Pháp, ngài cảm ơn Hội Thừa Sai Ba Lê và bằng tiếng Việt ngài nhắc lại lời chúc mừng của Đức Thánh Cha Piô XI: Mong cho Việt Nam là con đầu lòng của Giáo hội Đông Dương. Sau đó là giờ chầu Thánh Thể do Đức tân Giám mục chủ sự.

Tiếp theo, đoàn rước tiến ra phía nhà trường Công giáo. Nơi đây, 2 vị chánh phó công sứ Pháp, các chức sắc chính phủ, ông Lê Phát An, đại diện Nam Việt, và các linh mục lần lượt bước tới chúc mừng Đức cha Tông. Sau đó, lúc 11 giờ, ông Colombon, Chánh công sứ Thanh Hoá, mở tiệc khoản đãi phái đoàn.

## 9/ Giáo phận Phát Diệm hân hoan chào mừng

Sáng sớm ngày 12-11-1933, Đức cha Nguyễn Bá Tông và Đức cha Marcou Thành lên đường đi Ninh Bình để về Phát Diệm. Tại Ninh Bình, cha chính xứ Delmas Pháp ra chào 2 Đức cha và rước 2 ngài vào viếng ngôi nhà thờ thứ nhất tại Giáo phận Phát Diệm. Dân chúng lương giáo tới tham dự đông đảo. Họ ngỡ ngỡ, vì trên quãng đường hôm đó tất cả xe cộ đều treo cờ xí long trọng.

Người viết những dòng này năm ấy 14 tuổi, đang học lớp IV tại Tiểu chủng viện Phúc Nhạc. Từ 1 tuần lễ trước, chúng tôi trang trí nhà nguyện, tập hát, quét dọn chủng viện. Ngày hôm đó, cả 7 lớp chủng sinh quần áo chỉnh tề, từ 2 giờ chiều được lệnh ra đứng 2 bên đường Phúc Nhạc đi Phát Diệm, cách xứ Tôn Đạo chừng 4 cây số để đón Đức cha Baotixita Nguyễn Bá Tông. Tôi còn nhớ một số chức sắc Việt Nam, các quan Tuần phủ, Tri huyện Yên Mô, Kim Sơn... cũng được mời tham dự lễ nghênh đón. Các vị đó tham gia, vì đây là 1 biến cố có tính cách chính trị thuộc tầm vóc quốc gia: Vị giám mục người Việt tiên khởi của nước Việt Nam đã tới giai đoạn độc lập, thoát khỏi tay đô hộ ngoại bang! Xe của quý vị đó, khi qua 2 hàng danh dự của học sinh chủng viện đón chào, đã đi chậm lại và các vị giơ tay chào chúng tôi. Ai cũng thấy rõ huy chương, thẻ ngà các vị đeo trên mình. Đức tân Giám mục chúng kiến đoàn con cái đồng đảo chen giữa rừng người giáo dân Phúc Nhạc đổ ra đường. Ngài xuống xe chào vị giám đốc, các cha giáo chủng viện, các linh mục giáo xứ... rồi lên xe hướng về Phát Diệm. Tại Tôn Đạo, có đoàn 100 xe đạp đợi sẵn để tháp tùng xe Đức cha vượt đoạn đường 7 cây số tiến về Phát Diệm. Càng về gần Phát Diệm, giáo dân các xứ Cách Tâm, Khiết Kỳ, Như Sơn, Quy Hậu, Hương Đạo, Trì Chính chạy ào thêm ra đường. Rồi từng nhóm, họ tuôn về Phát Diệm như nước vỡ bờ. Đi qua huyện Kim Sơn, đoàn xe ngừng lại trước một khải hoàn môn. Nơi đây, ông Tri huyện Kim Sơn và các nha tịch ra đón. Ông Tri huyện đọc chúc văn:

*Sách pha côn rục thành La Mã,  
Tiếng vinh quang từng cả Viễn, Đông,  
Mừng thay thiên tài kỳ phùng,  
Con chiên nay biết bao lòng hỷ hoan...*

.....  
*Đuốc chân lý mở đàng mao tặc,  
Chuông Phúc âm khua giắc mộng trần,  
Khiến cho Hương Đạo, Tự Tân,  
Chát Thành, Quy Hậu, Hồi Thuần, Trung Lai,  
Dân trong cõi ai ai đều phục,  
Giáo hội ta phúc lộc vĩnh tụy,  
Còn mong ngũ bách xương kỳ,  
Việt Nam sẽ có hồng y, sứ thần...*

Tại cầu Trì Chính, là nơi khởi đầu cuộc rước, hai Đức Giám mục Marcou Thành và Nguyễn Bá Tông xuống xe, giơ tay chào từng hàng linh mục Việt - Pháp, sinh viên trường thần học, các chức sắc đại diện giáo dân, các đội nhạc... Đức cha Nguyễn Bá Tông bước lên chiếc song loan thứ nhất. Chiếc thứ hai dành cho Đức cha Marcou Thành. Ngài đã vào tận Sài Gòn đón Đức cha phó của mình về Phát Diệm. Đoàn rước dài hơn 1 cây số di chuyển dần về phía Tòa giám mục.

Đức tân Giám mục, trên song loan, luôn giơ tay ban phép lành cho đại chúng. Trên đường phố, trong nhà, dưới thuyền, khắp các ngã ba, ngã tư, hết cổng chào này tới cổng chào khác. Trời nhá nhem tối, đèn thấp sáng như ban ngày, rừng cờ ngũ sắc phát phối dọc 2 bên đường. Từng loạt hoan hô vang dội. Tới ao hồ, mặt nước phản chiếu ánh đèn lóng lánh tăng gấp đôi phong cảnh rực rỡ. Hai Đức cha xuống song loan, mặc lễ phục đại trào và tiến vào Nhà thờ chính tòa. Đức cha già Thành nói mấy lời giới thiệu Đức tân Giám mục và cảm ơn toàn thể các thành phần trong

giáo phận từ mấy tháng đọc kinh cầu nguyện cho Đức cha mới; nay Chúa đã đưa ngài về với chúng ta; chúng ta hãy tiếp tục cầu nguyện cho ngài. Ca đoàn của đại chủng viện hát kinh Te Deum trọng thể ngợi khen và cảm tạ Thiên Chúa. Chiều hôm đó ở chung quanh thánh đường, ngoài Phương đình, các núi đá, đền Chúa Giêsu làm vua ở ao hồ... vẫn trung đèn sáng rực như sao sa, vì hôm đó Phát Diệm mừng một đại biến cố và đã ghi biến cố này vào lịch sử giáo phận.

Phần đông giáo dân đến từ xa tìm cách ngủ lại tại Phát Diệm, vì ngày hôm sau giáo phận sẽ mừng Đức tân Giám mục. Mới tảng sáng, thiên hạ đã tới chật ních nhà thờ. Đức tân Giám mục cử hành đại lễ cầu cho các linh hồn. Vừa đến nhận nhiệm sở, ngài dâng lễ cầu cho các linh hồn, tức là cho những người thân mến của giáo dân, nhất là trong tháng 11, tháng dành cho các linh hồn, đó là một nghĩa cử rất tâm lý. Trong bài diễn văn, ngài tri ân cha Trần Lục, Đức cha Marcou Thành và các vị tiền bối đã dày công xây dựng cơ đồ vĩ đại, nên mới có ngày nay. Ngài kể lại sự kiện Đức Giáo hoàng Piô XI chúc cho Giáo hội Việt Nam làm trưởng nam của Giáo hội bên Viễn Đông và ngài cam kết thân thân cho giáo phận. Thay mặt cho giáo phận, cha già Hoàng Duy Côn, cũng là cha tổng đại diện người Việt thứ nhất trong giáo phận, đứng ra đọc bài diễn văn như sau (25) :

*Lậy Đức cha,*

*Hôm nay Đức cha đến xứ này mà chôn sâu gốc cây Hồng nhiệm, Đức cha đến để làm rễ cái cho cây bàng thiêng: «In electis meis mitte radices». Thế là từ nay, Đức cha cùng với Phát Diệm tạo đôi chữ Diệm Tùng nên một. Từ nay, Phát Diệm đã chiếm chỗ nhất trong quả tim Đức cha rồi. Vậy thì chỗ Đức cha an lạc hoan hỉ là đây, chỗ Đức cha lao tâm khổ tứ là đây, chỗ Đức cha an giấc ngàn thu mà đợi ngày thức dậy làm một cùng con cái cũng là đây. Thân lậy Đức cha, Đức cha đã một lòng vàng đá, chẳng quản ghé vai gánh lấy công cuộc rất khó, mang lấy nhiệm vụ thực to này, thì chúng con biết cảm ơn, mến đức làm sao cho xứng ? Vậy mong trả nghĩa trong muôn một, thì chúng con xin đem lòng thành làm lễ hiến: là sẽ tận tâm triu mến, tôn sùng, tùy mạng, sẽ đem tài lực đỡ gánh, sống thác chẳng nài, sẽ hiểu cái thời giờ tối hệ, mà anh em cùng nhau khắng khít, dù sao cũng trong hai chữ hiệp quần Unitas, để Đức cha đỡ phần lo ngại mưu ích cho địa phận tiến hoá dễ dàng.*

Các cha tiến dâng cho Đức cha làm kỷ niệm 1 bức khảm, bửu ấn và 2 cây bông thật tươi đẹp, quý giá.

Sau các linh mục đến lượt Hội Thầy Giảng chào mừng Đức cha và dâng cho ngài 1 bức thêu cây tùng già lá non, dưới có hình Thánh Gioan Tẩy Giả đang ôm 2 con chiên con và chiên mẹ; ở giữa thêu 4 chữ «Nam Hải Phúc Tinh».

Sau cùng, đứng giữa bữa tiệc, hội đồng giáo xứ Phát Diệm chúc mừng Đức cha và dâng những lễ vật rất thiết dụng. Rất nhiều nhân vật được mời và quý vị tới tham dự đầy đủ. Khung cảnh ngày lễ rất huyền ảo, nhộn nhịp, nhưng rất trật tự, trang nghiêm và vui vẻ.

Chiều tối hôm đó, Đức cha già Marcou Thành dẫn Đức tân Giám mục ra viếng hang đá Lộ Đức và tượng Chúa Giêsu làm vua, đứng giang tay giữa ao hồ, cuối Phương đình để bảo vệ và chúc lành cho con cái từ thập phương tuôn về Nhà thờ chính toà Phát Diệm.

10/ Chặng đường Hà Nội

Đức Giám mục Việt Nam tiên khởi còn phải tới thăm một vị ân nhân sau cùng, Đức cha già Gendreau Đông, Giám mục Giáo phận Hà Nội. Chúng ta còn nhớ (Chương II: Thành lập giáo phận), ban đầu, ý tưởng chia một phần giáo phận rộng lớn Hà Nội để lập Giáo phận Hưng Hoá và Phát Diệm xuất phát từ sáng kiến của Đức cha già Gendreau Đông. Vào năm 1900, Đức cha già Gendreau Đông đi Roma dự lễ tuyên phong Chân phước đầu tiên cho một số linh mục Việt Nam và Pháp tử đạo tại Việt Nam. Trước khi lên đường, ngài đã thảo luận với Đức cha Marcou Thành về ý định phân chia này. Do đó, Hà Nội là giáo phận mẹ sinh ra Phát Diệm năm 1901.

Ngày 14-11-1933, hai Đức cha đi Hà Nội. Các ngài ghé Nam Định, nơi các cha Dòng Đa Minh đã xây cất 1 đại chủng viện lớn. Hôm đó lại trùng lễ Thánh Alberto cả, quan thầy của đại chủng viện này.

Trước khi vào Thành phố Hà Nội, các ngài ghé thăm Đại Chủng viện Kê Sở thuộc Giáo phận Hà Nội và dùng cơm trưa tại đó. Nơi đây, một số linh mục Phát Diệm đã được đào tạo trước khi chia giáo phận (1901).

Khu vực Nhà thờ chính toà Hà Nội và con đường dẫn vào Phố Nhà chung đã được trang trí, cờ quạt sẵn sàng. Đúng 3 giờ chiều, chuông Nhà thờ chính toà đổ hồi, báo tin cho dân chúng túc trực. Họ đứng chật ních trước Nhà thờ chính toà, học sinh nam nữ từ các trường Công giáo ủa tới, các hội đoàn Nghĩa Binh xếp hàng rước các Đức cha vào thẳng Nhà thờ chính toà, 4 cây lọng vàng che 4 vị Giám mục: Đức cha Nguyễn Bá Tòng, Đức cha Chaize Thịnh, Đức cha Marcou Thành và Đức cha già Gendreau Đông. Tới gian cung thánh, Đức cha Nguyễn Bá Tòng trong phẩm phục đại lễ bước lên toà giảng. Ngài cảm ơn Hội Thừa Sai Ba Lê đã mang tin mừng của Chúa đến Đàng Ngoài 300 năm trước; kể chuyện được Đức Giáo hoàng Piô XI truyền chức giám mục và cầu chúc cho Giáo hội Việt Nam trở nên trưởng nam của Giáo hội Đông Dương, kể tiếp chuyện đã tới Huế yết kiến Hoàng đế Bảo Đại; đặc biệt, ngài đề cao công ơn Đức cha già Gendreau Đông, cầu chúc ngài khang an trường thọ; cuối cùng, ngài xin mọi người cầu nguyện cho ngài. Năm đó, ngài đã 66 tuổi.

Lúc 7 giờ tối, Giáo phận Hà Nội mở tiệc mừng lúc tại khuôn viên trường tư thục của giáo phận. 130 vị quan khách được mời. Bên cạnh 4 Giám mục có sự hiện diện của ông Tissot, Thống đốc Bắc Kỳ, cụ Thiếu bảo Hoàng Trọng Phu, cụ Thượng Hoánh, cụ Thượng Tường, cụ Đô đốc Thuật và rất đông chức sắc Việt và Pháp tòng sự tại Phủ toàn quyền Hà Nội. Tới phần uống sâm-banh, cụ Thượng Hoánh đứng lên đọc chúc từ bằng 2 thứ tiếng Việt và Pháp, để kết thúc ngày linh đình, trọng thể, trước khi quý khách ra về.

Ngày sau cùng, 17-11-1933, hai Đức cha Phát Diệm ra trường tư thục Giáo phận để dâng lễ cho dân chúng. Sau đó, các ngài đi thăm mấy cơ sở Nhà chung, sau cùng thăm Đại Chủng viện Xuân Bích tại Liễu Giai và dùng cơm trưa ở đó. Ban chiều, hai Đức cha tới thăm ông Thống sứ Bắc Kỳ, thăm Hoà thượng Đỗ Văn Hi tại chùa Bà Đá. Bỏ Hà Nội, hai Đức cha đi Hà Đông thăm cha Aubert, Tổng Đại diện giáo phận và là Quản hạt vùng ngoại ô Giáo phận Hà Nội.

Tới đây, chúng tôi đã đưa độc giả đi du ngoạn trong một khoảng thời gian khá lâu, kể từ ngày 10-01-1933, khi Đức cha Nguyễn Bá Tòng được Toà Thánh bổ nhiệm làm giám mục tiên khởi người Việt (26).

Tiếp đó, ngày 01-05-1933, ngài xuống tàu Athos II đi Roma thụ phong giám mục. Ngài cũng qua Pháp làm quen nhiều cơ sở truyền giáo và tham quan nhiều thắng cảnh.

Ngày 13-09-1933, ngài đáp tàu hồi hương từ Marseille, ghé Palestine viếng Thánh địa và đi tiếp tới Singapore. Từ đây, lấy xe lửa đi Thái Lan, rồi Nam Vang. Ngày 24-10-1933, về tới Sài Gòn.

Ngày 08-11-1933, đi Huế yết kiến vua Bảo Đại.

Tới nhiệm sở Phát Diệm ngày 12-11-1933. Sau đó, đi thăm Hà Nội, giáo phận me.

Ngày 18-11-1933, ngài trở lại Phát Diệm, khởi công thi hành chức vụ giám mục.

Đức cha già Marcou Thành đã tính toán và chuẩn bị sẵn sàng tất cả. Ngày 20-10-1935, ngài xin từ chức giám mục, về hưu trí tại Thanh Hoá.

### **3. Giám mục Phát Diệm**

#### **1/ Thi hành sứ vụ giám mục**

Khi nhận chức Giám mục Việt Nam tiên khởi, Đức cha Nguyễn Bá Tòng đã ở tuổi 66. Ngài cảm thấy gánh chủ chăn đè nặng trên vai, nên việc đầu tiên là lưu tâm đến việc tìm trong hàng giáo sĩ của giáo phận 1 vị linh mục có khả năng để san sẻ gánh nặng. Năm 1935, ngài chọn Linh mục Gioan Phan Đình Phùng, bổ nhiệm làm Tổng đại diện, kiêm Giám đốc Đại Chung viện Thượng Kiệm và Bề trên Dòng Mến Thánh Giá Lưu Phương.

Hàng năm, ngài tổ chức tĩnh tâm cho các linh mục và truyền chức một số linh mục mới. Trong số đó, người viết còn nhớ 1 trong 6 vị tân linh mục năm 1934 là cha Lê Quý Thanh (sau này sẽ là phó giám mục) và năm 1937 có 11 tân linh mục, trong số đó, có Linh mục Bùi Chu Tạo (sau này là giám mục chính toà). Ước tính trong 10 năm tại chức, Đức cha Nguyễn Nguyễn Bá Tòng đã truyền chức tổng cộng 50 linh mục.

Ngài mời 3 linh mục người Bỉ thuộc Hội Truyền Giáo, SAM (Société des Auxiliaires des Missionnaires), tới phục vụ tại Phát Diệm: Linh mục Jacques Houssa (cố Sang), người sẽ đi Mỹ và tìm được nhiều học bổng cho Phát Diệm; Linh mục Dieudonné Bourguignon (cố Bửu) làm giáo sư Tiểu Chung viện Phúc Nhạc, sau chuyển về Thượng Kiệm; Linh mục Robert Willich (cố Lịch hay cố Uy) đã từng học Y khoa và cũng là kỹ sư, ngài cộng tác với các nữ tu săn sóc bệnh nhân tại nhà thương Phú Vinh, dạy Toán mấy lớp cao của tiểu chủng viện và lập nhà máy phát điện đủ sức cung cấp điện cho khu Nhà chung và vùng phụ cận.

#### **2/ Hai cột thu lôi bảo vệ giáo phận**

Ngay từ khi mới được trạch cử làm Giám mục Phát Diệm, Đức cha Nguyễn Bá Tòng đã ao ước thiết lập 2 tu viện chiêm niệm, một nam một nữ, chuyên lo cầu nguyện cho giáo phận. Ngài coi đó là những cột thu lôi bảo vệ sự an ninh thiêng liêng cho giáo phận.

##### **a. Dòng Kín tại Trì Chính**

Xây theo kiểu mẫu của Dòng Kín tại Lisieux (Pháp), được cất lên năm 1939 tại một khu đất rộng cạnh bờ sông Trì Chính. Mấy nữ tu Dòng Kín được mời sang từ Pháp. Rất tiếc, điều kiện khí hậu và địa điểm không thích hợp cho việc tu trì, vì quá gần đồn công an với tầng lầu cao và sau này,



quân đội Pháp với một đơn vị trọng pháo tới chiếm đóng. Hoàn cảnh gây cản trở cho cuộc sống chiêm niệm, nên các nữ tu đã bỏ Phát Diệm và trở về Pháp. Cơ sở đó được dùng làm trụ sở nhà in Lê Bảo Tịnh và tờ nguyệt san Đường Sống. Năm 1965 bị bom Mỹ phá bình địa.

#### b. Dòng khổ tu Châu Sơn

Toàn khu nhà dòng vốn là đồn điền của ông Lacombe (Nho Quan, Ninh Bình), nhưng sau khi ông qua đời, không có người thay thế trông coi. Linh mục Paul Henri Germain Delmas (cố Pháp), thuộc Hội Thừa Sai Ba Lê, hồi đó đang làm chính xứ Ninh Bình biết câu chuyện, đã báo cho Đức cha Nguyễn Bá Tông, để mua lại. Cha Delmas còn nhờ quả phụ Lacombe giúp mua cả khu đất chung quanh. Từ lâu, Đức cha Nguyễn Bá Tông mong muốn có 1 đan viện trong Giáo phận Phát Diệm, cho nên ngài đã liên lạc với cha Henri François Denys Benois Thuận, Bề trên nhà mẹ Phước Sơn. Cha Bề trên gửi cha Lê Hữu Từ, Phó Bề trên tu viện, cùng với 12 thầy tình nguyện đi lập nhà mới tại Nho Quan, Phát Diệm (27).

Cha Lê Hữu Từ và 12 tu sĩ đã cặm cuoi lao động, vượt mọi khó khăn ban đầu, biến đổi miền rừng núi hoang vu, đầy sỏi đá thành một tu viện. Các ngài đã xây cất 1 thánh đường rộng lớn, nguy nga, ở đó, đêm ngày đã vọng lên tiếng hát du dương của những đan sĩ đặc đạo ca ngợi Thiên Chúa. Và cũng từ đây, tiếng chuông thánh đường sẽ ngân vang trong không gian tĩnh lặng của núi rừng trầm mặc. Tu viện Châu Sơn bắt đầu phát triển lớn mạnh.

Tuy nhiên biến cố đau thương của quê hương cũng ập đến Châu Sơn. Tu viện lâm cảnh li tan (Xin đọc thêm về Đan Viện Châu Sơn ở Chương III, Mục VIII trên đây).

Vào Nam năm 1954 Châu Sơn dừng chân tại Phước Lý, sau thuyền chuyển về Đơn Dương (Đà Lạt). Anh em của các tu viện di cư đã thành công trong việc ổn định nhân sự và duy trì nếp sống chiêm niệm khổ tu. Năm 1961 Đan viện Xitô khổ tu Phước Sơn (Thủ Đức), Phước Lý và Đơn Dương được Toà Thánh chấp nhận và nâng lên hàng Đan phụ viện. Các đan viện anh em đã liên kết thành Hội Dòng Xitô Thánh Gia Việt Nam, sát nhập Dòng Citeaux thế giới. Ngày 06-10-1964 hội dòng được Toà Thánh châu phê và đặt dưới quyền của một Đan viện phụ Hội trưởng, do các tu sĩ lựa chọn. Hiện nay Đan viện phụ Duy Ân Vương Đình Lâm (Phước Sơn) là Đan viện phụ Hội trưởng và Đan viện phụ Nguyễn Văn Thất là tổng quản lý (28).

### 3/ Các công trình khác

Xây cất thêm các cơ sở

Trong 10 năm tại chức, Đức cha Nguyễn Bá Tông đã cho xây cất một số cơ sở sau đây :

- a. Dòng Mến Thánh Giá Lưu Phương bằng tiền riêng, ngài cho xây nhà tập Dòng Mến Thánh Giá Lưu Phương, giúp bảo toàn ơn gọi nữ tu. Năm 1968, nhà này bị bom Mỹ phá hủy.
- b. Trường Thử tại Trì Chính để thu nạp và đào luyện các học sinh có chí hướng đi tu.
- c. Đền Đức Mẹ Nam Dân: Ngài mua khu đất gần chợ Nam Dân, đối diện phố Thượng Kiệm, trong chương trình xây cất Đền Đức Mẹ nhằm thỏa mãn lòng sùng kính của con dân Phát Diệm đối với Đức Trinh Nữ. Nhưng cuộc di cư vĩ đại năm 1954 làm ngưng trệ công cuộc xây cất. Sau đó, khu đất bị nhà cầm quyền trưng thu.

- d. Nhà nghỉ mát Kim Đài: Ngài cho xây 1 nhà nghỉ mát cho giáo sĩ tại Kim Đài, trước cửa vịnh Bắc Việt, nơi chứng kiến dòng nước thủy triều lên xuống mỗi ngày.
- e. Hội quán Nam Thanh: Hội quán Nam Thanh (có tài liệu ghi là Kim Thanh, cách đặt tên giống như Kim Sơn, Kim Tùng ?) hay còn gọi là Nhà Hát Lớn, Nhà Hát Nam Thanh. Thời Cụ Sáu Trần Lục, Phát Diệm thường tổ chức những điệu múa, dâng hoa, có khi làm sân khấu có mái che bằng chiếu để diễn các vở kịch «Các Thánh Tử Đạo», kịch «Thương Khó Chúa Giêsu»... Đức cha Tòng vốn là tác giả vở tuồng «Thương Khó» nổi tiếng ở miền Nam. Khi về Phát Diệm, nhận thấy giáo dân yêu thích kịch nghệ, cho nên ngài quyết định xây một hội quán làm nơi diễn kịch. Ngài cũng muốn cho giáo dân Phát Diệm được thưởng thức vở tuồng «Thương Khó» do ngài biên soạn. Hội quán có tên là Hội quán Nam Thanh, nằm kế bên khuôn viên quần thể thánh đường Phát Diệm về phía Tây. Hội quán Nam Thanh có nhiều công dụng, vừa để diễn kịch vừa để tổ chức các buổi hội thảo, hội nghị hoặc mở các lớp huấn luyện cấp giáo phận. Hội quán cũng như Nhà thờ chính toà Phát Diệm đã bị đánh bom vào ngày lễ Đức Mẹ Lên Trời 15-8-1972. Nhà thờ chính toà hư hại nặng, còn Hội quán thì bị phá gần như bình địa. Nhân dịp ông Tổng bí thư Đỗ Mười về thăm Phát Diệm, Đức cha Bùi Chu Tạo có ngỏ ý xin trùng tu, nhưng ông bảo hãy giữ nguyên như thế để mọi người thấy rõ tội ác của Mỹ. Nhưng rồi tới năm 1995, chính quyền trả lại cho Nhà chung và Đức cha phó Nguyễn Văn Yên đã cho tái tạo nhà Hội quán giống như xưa. Ngoài những cơ sở trên đây, người ta không thể không nhắc tới một công trình to lớn khác của Đức cha Nguyễn Bá Tòng. Đó là đập Kim Tùng.
- f. Đập Kim Tùng: Danh xưng Kim Tùng nhằm ghi nhớ công ơn Đức cha Nguyễn Bá Tòng (Tùng : Tòng). Xin nhắc lại: Sông Hồng với các chi nhánh bồi thêm cho vùng đồng bằng ven biển 100m đất phù sa trù phú mỗi năm. Sau 100 năm tăng thêm 10 cây số. Đây là đất trời cho, nhưng ban đầu còn ngập mặn. Vì thế để có thể canh tác, cần đắp đê chặn nước biển. Trong khi chờ thiên nhiên cải lọc nước mặn, người ta trồng cói, vì gốc cây cói có sức giữ đất phù sa, khiến cho đất mỗi ngày một cứng thêm. Vùng Phát Diệm dân cư đông đúc. Đắp đê là vây kín một vùng mấy chục ngàn mẫu đất, tạo cơ hội cho dân chúng tụ về lập nghiệp. Để ngăn mặn, cứu lấy đồng ruộng cho nông dân, Đức cha Tòng đã góp một phần lương thực và đứng ra tổ chức dân chúng góp công sức đắp con đê dài 10 cây số, có sức bảo vệ mùa màng cho nhiều làng mạc phía trong đê; đồng thời, các giáo xứ Tân Khẩn, Như Tân, Tân Mỹ, Tùng Thiện, Kim Tùng (năm 1953 đổi thành Cồn Thoi) cũng dần dần được thành lập. Để ghi nhớ sự nghiệp của ngài, Triều đình Huế đã khen thưởng ngài Nam Long bội tinh và Kim khánh; chính phủ Pháp cũng tặng ngài huy chương Bắc đầu Bội tinh. Chính Đô đốc Decoux, Toàn quyền Đông Dương đã về gắn huy chương cho ngài tại Phát Diệm ngày 03-12-1940, nhân dịp lễ tấn phong giám mục cho cha Gioan Phan Đình Phùng.

#### 4/ Sự nghiệp tinh thần

Đức cha Nguyễn Bá Tòng nổi tiếng có tài giảng thuyết. Ngài đã viết và giảng thuyết nhiều, cả bằng tiếng Việt và tiếng Pháp. Một số những công trình này còn tồn tại tới ngày nay, nhưng một số đã thất lạc với thời gian. Chúng tôi xin liệt kê sau đây những công trình này:

*\*Mgr Pigneau de Béhaine (Đức Cha Bá Đa Lộc), Hà Nội, 03-01-1937*

*\*Đi dự đại hội Thánh Thể quốc tế tại Thủ đô Phi Luật Tân : « Evangélisation des Pécheurs : Cuộc truyền giáo của các cha Dòng Thuyết Giáo », Manille, 3-7 tháng 2 năm 1937.*

*\*Temps nouveaux doctrines nouvelles : Thời cuộc mới, lý thuyết mới, Huế, 1937, nhân dịp lễ truyền chức giám mục cho Cha François Lemasle (Lễ).*

*\*Lời chúc lành (20-04-1937), tinh thần người làm văn hoá.*

*Le Père Six, Curé et Baron de Phat Diệm : Cha Trần Lục, chính xứ và bá tước Phat Diệm, Hà Nội, 1938.*

*\*Sermons catéchistiques : Các bài giảng về giáo lý, Qui Nhon, 1939.*

*\*Bài diếu văn lễ quy lăng Đức cha A. Marcou Thành, 1939, Thanh Hoá, do Đức Khâm sứ Dreyer chủ tọa, với sự hiện diện 7 giám mục Pháp, Việt.*

Những bài thuyết giảng còn nghe kể, nhưng đã thất lạc. Chúng tôi rất cảm ơn quý vị nào có thể chỉ giáo để tìm lại :

*\*Les Martyrs d'Annam.*

*\*Enquête de la Vérité : Đi tìm chân lý, 1937.*

*\*Evangélisation de l'Indochine : Cuộc truyền giáo tại Đông Dương, 1938.*

*\*La Papauté : Quyền bính giáo hoàng, 1940.*

*\*Le Salut du monde par le Christ : Chúa Kitô cứu chuộc thế giới, 1940.*

*\*Apparition et Miracles de Lourdes : Đức Mẹ hiện ra và phép lạ Lộ Đức.*

*\*Le sens de Vie: Ý nghĩa đời sống.*

*\*Sermons cathéchistiques.*

#### **4. Mệnh chung**

Khi về nhận chức giám mục Việt Nam tiên khởi tại Phát Diệm, Đức cha Nguyễn Bá Tông đã 66 tuổi đời. Mười năm tại chức, Đức cha vất vả mang gánh nặng mục vụ trên vai. Vì thế, Toà Thánh bổ nhiệm cha Phan Đình Phùng làm giám mục phó, để chia bớt gánh nặng cho ngài. Lễ truyền chức giám mục cho cha Phan Đình Phùng được tổ chức ngày 03-02-1940 tại Nhà thờ chính toà Phát Diệm. Sau đó, Đức cha Nguyễn Bá Tông xin nghỉ hưu và ngày 27-12-1943, ngài đi dưỡng bệnh tại Xuân Đài, thuộc Giáo phận Bùi Chu.

Bất ngờ, trong chuyến viếng thăm mục vụ Tu viện Châu Sơn, Đức cha Phan Đình Phùng cảm thấy khó chịu và đột ngột qua đời ngày 28-05-1944, sau ba năm rưỡi làm giám mục và mới chính thức cầm quyền giáo phận được 5 tháng, hưởng thọ 53 tuổi.

Linh cữu của Đức cha Phan Đình Phùng được đưa về quàn tại Phương đình để giáo dân tới kính viếng. Sáng ngày 14-07-1944, lễ an táng cử hành long trọng tại Nhà thờ chính toà. Sau lễ, ngài được an táng ngay giữa gian cung thánh.

Đức cha Phan Đình Phùng qua đi, Giáo phận Phát Diệm trống ngôi. Toà Thánh tạm thời xin Đức cha Nguyễn Bá Tông về làm giám quản. Khi Đức cha Lê Hữu Từ được đặt làm giám mục Phát Diệm, Đức cha Nguyễn Bá Tông truyền chức giám mục cho ngài ngày 25-10-1945, rồi Đức cha Tông lại trở về Xuân Đài để nghỉ hưu.

Vào dịp lễ kim khánh linh mục của Đức cha Nguyễn Bá Tông ngày 19-9-1946, Đức cha Lê Hữu Từ mời ngài về Phát Diệm, để con cái xưa lại được chiêm ngưỡng và chúc mừng. Đức cha Nguyễn Bá Tông đã trở lại Phát Diệm, không những vào dịp lễ kim khánh linh mục, mà cuối

tháng 6 năm 1949, ngài còn đôi ý về ký thác đời mình chính nơi Toà Thánh đã bổ nhiệm ngài làm giám mục năm xưa (1933). Giữa đoàn con qui tụ tại Nhà thờ chính toà Phát Diệm, Đức cha Tông đã bộc lộ tâm tình rất xúc động: *«Hôm nay tuổi già, sức yếu, tôi ý thức mình không sống được bao lâu nữa. Tôi sợ phải chết xa anh chị em, do đó thu xếp về đây, để hy vọng được chết giữa anh chị em. Xin mọi người cầu nguyện cho tôi được dọn mình chết lành. Tôi xin sống gửi nạc, thác gửi xương ở Phát Diệm này».*

Đức cha Nguyễn Bá Tông sang nghỉ tại bệnh viện Phu Vinh của giáo phận được 10 ngày, rồi ra đi vĩnh viễn ngày 11-07-1949, hưởng thọ 81 tuổi. Hôm sau, rước quan tài ngài sang quán ở Phương đình, để tiện cho giáo dân kính viếng và cầu nguyện. Sáng ngày 14-07-1949, rước linh cữu chung quanh ao hồ, rồi về Nhà thờ chính toà. Thánh lễ an táng do Đức cha Lê Hữu Từ chủ tế, rồi hạ huyệt ngay trong gian cung thánh, bên cạnh mộ Đức cố Giám mục A. Marcou Thành, thể hiện lời ước nguyện chân tình đã một lần ngài thốt lên: *«sống gửi nạc, thác gửi xương»* tại Phát Diệm.

### **III. ĐỨC GIÁM MỤC GIOAN MARIA PHAN ĐÌNH PHÙNG (1891-1944)**

Đức Giám mục Gioan Maria Phan Đình Phùng là vị giám mục Việt Nam đầu tiên xuất thân từ quê hương Phát Diệm, nhưng cũng là vị giám mục đầu tiên quản nhiệm ít ngày nhất. Ngài được bổ nhiệm ngày 02-06-1940 và ra đi vĩnh viễn ngày 28-05-1944, nghĩa là làm giám mục chỉ 4 năm, nhưng nhận quyền cai quản giáo phận mới được 5 tháng.

Sinh trưởng tại làng Kiến Thái, xứ Trì Chính, cuối năm 1891, trong gia đình gồm 7 anh chị em: 3 trai và 4 gái. Phan Đình Phùng là con thứ 3. Thuở nhỏ, chú được thân phụ dạy học tại nhà. Lên 10, chú được cha mẹ phó thác cho cha già Cung, chính xứ Hường Đạo, cách Trì Chính khoảng 3 cây số. Năm 12 tuổi, chú được gửi vào Tiểu Chủng viện Phúc Nhạc. Từ nhỏ, chú là con người đức hạnh, nhu mì, đồng thời có trí thông minh trội vượt, nên được ban giám đốc chủng viện đề nghị cho đi du học tại Đại Chủng viện Penang, Mã Lai. Đại chủng viện này được Hội Thừa Sai Ba Lê xây cất gần các giáo phận truyền giáo vùng Viễn Đông, để đào tạo chủng sinh của nhiều quốc gia trong vùng.

Năm 1913, Đức Giám mục Phát Diệm gọi thầy Phùng về làm giáo sư Tiểu Chủng viện Phúc Nhạc. Năm 1921, thầy được chuyển về Đại Chủng viện Thượng Kiêm và tiếp tục học Thần học, chuẩn bị lãnh các chức thánh. Ngày 05-04-1924, thầy Phan Đình Phùng thụ phong linh mục, rồi trở về dạy tại Tiểu Chủng viện Phúc Nhạc. Năm 1932, ngài được bổ nhiệm làm giáo sư Đại Chủng viện. Năm 1935, Đức cha Nguyễn Bá Tông đặt ngài làm Tổng đại diện, kiêm Giám đốc Đại chủng viện, kiêm Giám đốc Hội Thầy Giảng, kiêm Giám đốc Dòng Mến Thánh Giá Phát Diệm.

Với bằng ấy trách nhiệm đè nặng trên vai, cha Phan Đình Phùng không ta thán, nhưng trong thâm lặng ngài cố chu toàn nhiệm vụ một cách rất bình thường. Ngài rất cương trực, không thích ồn ào hoặc tươi cười lớn tiếng. Ngài để bộ râu cằm dài, tay hay vuốt chòm râu đó khiến thiên hạ suy đoán ngài cảm hãm nụ cười tự nhiên, không để dễ dàng bộc lộ tình cảm, vì thế, có vẻ nghiêm khắc. Ngài thường dùng đôi giày có đế bằng cao-su không gây tiếng động. Khi còn là giám thị tại tiểu chủng viện, các chú chủng sinh sợ nem nép, vì không biết ngài xuất hiện lúc nào. Tuy nhiên, trên thực tế, ngài rất nhân từ, hiền hậu và ăn nói êm đềm.

Ngày 02-06-1940, cha Phan Đình Phùng nhận sắc chỉ Toà Thánh bổ nhiệm làm giám mục phó, hiệu toà Marciare, với quyền kế vị. Lễ tấn phong giám mục của ngài ngày 03-12-1940 diễn ra rất long trọng tại Nhà thờ chính toà Phát Diệm. Về phía giáo quyền, có 10 vị giám mục tại Đông Dương tham dự. Về phía dân sự, có Đô đốc Decoux, Thống đốc Grandjean, Thống sứ Bắc Kỳ. Ngoài ra, còn rất đông các quan chức, các linh mục, đại diện các dòng tu nam nữ và chừng bốn năm vạn giáo dân. Sở dĩ lễ tấn phong giám mục Đức cha Phan Đình Phùng có nhiều thượng khách Pháp-Việt tới dự, vì 2 chính quyền Pháp-Việt muốn nhân dịp đại lễ này sẽ gắn mấy huy chương cho Đức Giám mục Nguyễn Bá Tòng. Để tưởng thưởng công lao của Đức cha Tòng đã đắp đê Kim Tùng hầu bảo vệ mùa màng và đem lại công ăn, việc làm cho dân nghèo, Triều đình Huế tặng thưởng cho ngài Nam Long Bội tinh và Kim khánh, chính phủ Pháp tặng ngài Bắc Đẩu Bội tinh.

Tiếc thay, thời gian Đức cha Phan Đình Phùng chính thức quản nhiệm giáo phận chỉ được 5 tháng, kể từ ngày Đức cha Nguyễn Bá Tòng đi nghỉ hưu ở Xuân Đài, Bùi Chu ngày 28-12-1943. Ngày 28-5-1944, Đức cha Phan Đình Phùng qua đời đột ngột tại Dòng Châu Sơn, sau khi chủ sự lễ khấn dòng cho các tu sĩ.

Đứng về phương diện trần gian, Đức cha Phan Đình Phùng chưa kịp làm được những công trình lớn lao cho giáo phận. Nhưng với con mắt đức tin, chúng ta tin vào chương trình quan phòng của Thiên Chúa. Trong thời điểm ấy, Chúa muốn gửi đến cho Giáo phận Phát Diệm một vị chủ chăn hết sức đạo đức, sống âm thầm tin yêu, để cầu nguyện cho con cái, cho giáo phận theo đúng khẩu hiệu đòi giám mục của ngài là «Lậy Chúa, con yêu mến Chúa».

Lịch sử là bài học Chúa dạy cho nhân loại qua dòng thời gian thường nhật. Chúa cảm cương mọi biến chuyển của dòng đời nhân loại. Chúa nhìn cả hiện tại, cả tương lai. Do đó Chúa trông thấy trước những ngày tháng loạn ly, những xao động của thời cuộc chinh chiến sắp tới. Chúa đã rút ngắn con đường thời gian của vị giám mục thánh thiện, hiền hoà và kêu gọi một vị chủ chăn khác cho Giáo phận Phát Diệm, một vị chủ chăn đầy dũng khí để cầm lái con thuyền giáo phận trong cơn sóng gió sắp ập đến.

## **IV. ĐỨC GIÁM MỤC ANSELMÔ TADÊÔ LÊ HỮU TỪ (1896-1967)**

### **1. Thân thế**

Đức cha Anselmô Tadêô Lê Hữu Từ, Giám mục Phát Diệm, đã tạ thế ngày 24-04-1967 tại An dưỡng viện dành cho các linh mục gốc Phát Diệm, Gò Vấp, Sài Gòn. Ngài khuất đi sau 17 năm khổ tu trong Đan viện Phước Sơn (Huế) và Châu Sơn (Ninh Bình), sau 39 năm làm linh mục và 22 năm giám mục, sau 6 tháng chịu bệnh ung thư phổi, hưởng thọ 71 tuổi. Giáo phận Phát Diệm thương tiếc vị giám mục người Việt thứ 4 đã lia trần, sau các Giám mục Phan Đình Phùng (1944), Hồ Ngọc Cẩn (1948) và Nguyễn Bá Tòng (1949).

Đức cha Lê Hữu Từ sinh tại Di Loan, Quảng Trị, ngày 28-10-1896, là người con thứ 3 trong gia đình 10 anh chị em: 8 trai, 2 gái; trong số đó, 2 người đã sớm về chầu Chúa, còn lại 2 linh mục, 2 nữ tu thuộc Giáo phận Huế và 3 giáo dân gương mẫu. Để ghi nhớ đức giám mục mệnh chung giữa thời loạn li, đất nước chia đôi, lòng người xao động vì chiến tranh khốc liệt triền miên, bạo

tàn, chúng tôi xin vẽ lại nơi đây bức chân dung của Đức cha Lê qua vài nét chính: Thầy dòng khổ tu, giám mục Phát Diệm, nhà ái quốc cương nghị.

## 2. Thầy dòng khổ tu

Thuở nhỏ, cậu Lê Hữu Từ rất tinh nghịch. Hai cụ thân sinh thường nói: Các anh em con đi tu được, chứ nghịch ngợm như con mà đi tu, e khó thành công quá! Nhưng rồi Chúa Thánh Linh đã âm thầm làm việc, ơn gọi đã cùng với thời gian thấm nhuần tâm hồn chú bé, và sau cùng cánh cửa 2 Chủng viện An Ninh và Phú Xuân lần lượt mở rộng đón chào chú Từ. Lần hồi, thầy Từ tiến lên chức phó tế, mọi người trong gia đình cứ tưởng thầy Từ sẽ làm linh mục triều và phục vụ tại Giáo phận Huế. Ngờ đâu, từ ngọn núi Phước Sơn sừng sững ở mạn Tây Bắc Kinh đô Huế, gió thổi về, mang theo nguồn thanh khí huyền diệu, tiếm tàng, nhưng mãnh liệt quyến rũ, mời gọi. Thầy Lê Hữu Từ, dù đã bước tới thềm chức linh mục, đã phải chịu thua sức mạnh chi phối của ân sủng linh thiêng. Thầy ý thức rõ rệt: Phước Sơn xa phồn hoa danh vọng, ở đây, nếu quyết tâm đạp lên bụi trần, chắc sẽ tìm được thanh bình của tâm hồn và ở đây mới thật *tu là cõi phúc*.

Ngày thầy Lê Hữu Từ nhập Dòng, cha tu viện trưởng hỏi: Luật Dòng nghiêm khắc, đời sống khem khổ, liệu thầy có bền đỗ được không? Quỳ trước bàn thờ, thầy Lê Hữu Từ trả lời cương quyết: *Nhờ ơn Chúa, nhờ lời cầu nguyện của cha và của toàn Dòng, con cam kết sẽ phụng sự Chúa cho tới cùng*. Rồi cha tu viện trưởng bảo thầy cởi áo cũ đang mặc, để mặc áo mới. Ngài làm phép áo trắng tượng trưng tinh thần mới của Chúa Kitô và choàng cho thầy. Tiếp theo, cha tu viện trưởng làm phép một cái cuốc, cán có kết hình Thánh Giá và trao cho thầy. Thầy Lê Hữu Từ nhận chiếc cuốc làm cơ nghiệp, tượng trưng đời sống lao công khổ hạnh và ý tưởng tự lực mưu sinh.

Chính nếp sống khắc khổ này làm tăng trưởng tính tình cương nghị sẵn có nơi tu sĩ Lê Hữu Từ. Từ giờ phút này, ngài mang tên Dòng là Anselmô và như cây hoa được ươm trong vườn đạo hạnh, nhân đức cứ vươn lên mãi dưới ánh mặt trời siêu nhiên chiếu dọi.

Năm 1933, Phước Sơn được sáp nhập vào Dòng mẹ Citeaux và cha Henri Denys Benoit Thuận, vị sáng lập Phước Sơn, qua đời. Cha Anselmô Lê Hữu Từ được chọn làm Đan viện phó. Tháng 2 năm 1936, cha tình nguyện đi lập đan viện mới tại Châu Sơn, phủ Nho Quan, miền Bắc Giáo phận Phát Diệm.

Ngày 05-09-1936, khi đặt chân đến vùng Châu Sơn, vốn liếng của cha Anselmô Lê Hữu Từ gồm vồn vện một cây Thánh Giá, một cỗ tràng hạt, một món tiền 12 đồng bạc Việt Nam và 12 tu sĩ đồng hành. Châu Sơn hồi đó là vùng lam sơn chướng khí, muỗi rừng và bệnh sốt rét hoành hành. Trước mặt các tu sĩ là khu đồn điền bỏ hoang, chung quanh có núi đá, rừng hoang, cây cỏ um tùm, nơi sinh sống của rắn rết, hùm beo! Chính các tu sĩ đã kiên nhẫn, cặm cụi đập đá, cuốc sỏi, đốt gai, để rồi ngày 18-02-1937 đã có thể đặt viên đá đầu tiên xây dựng ngôi thánh đường tráng lệ tại Nho Quan.

Hồi ký của Đan viện Châu Sơn còn ghi lại những cảnh tượng bi thương. Đầu năm 1943, một tối thứ Sáu đầu tháng, sau giờ kinh tối dọn mình chết như thường ngày, đang khi nghe lời khuyên của cha bề trên, một thầy có tên là Gioan cố cầm tay cha và thều thào «*Thưa cha, con quyết nên thánh, nhất định con sẽ nên thánh*». Nói xong, thầy một quá vật ra chết.



Ngày khác, một thầy chết vì bị sốt rét, cộng với lối sống khắc khổ, thiếu thuốc men và dinh dưỡng. Xác thầy vàng vọt được đặt giữa lòng nhà nguyện với hai ngọn đèn leo lét. Cả cộng đoàn chỉ biết im lặng ngắm nhìn và suy nghĩ về những thử thách và thề hứa với Chúa: «*Chúng con quyết trọn đời ở lại Châu Sơn*».

Một tối khác, trước giờ ngủ, cha viện trưởng đi rảy nước thánh trong phòng các bệnh nhân, thì phát hiện một tu sĩ thứ ba ngồi dựa tường đã tắt thở từ lúc nào!

Một buổi trưa, giữa trời nắng chang chang, một thầy đã bị sốt rét mấy năm, nhưng không muốn được biệt đãi, vẫn đi làm như mọi anh em khác. Đang quốc đất, mặt mày thầy xanh mét, mồ hôi đổ ra nhễ nhãi, tay từ từ buông quốc và gục ngã trên luống vườn đang quốc dang dở, miệng xùi bọt mép. Khi cởi áo để trần liệt, mới thấy mình thầy đầy vết thương đánh tội còn vấy máu.

Những gian truân, những thử thách trên đây không những đã không làm nản lòng các tu sĩ tiên phong, trái lại còn rèn đúc thêm ý chí sắt đá của những vị khổ tu này. Hình như cha đan viện trưởng và các tu sĩ đồng hành đang đua sức với thiên nhiên, với đau khổ, để cam kết với lý tưởng đời mình. Chính cha đan viện trưởng cũng sống khổ hạnh và lao động cực nhọc. Cha chỉ đi dép lúc dăng lễ, ngoài ra, quanh năm ngày tháng đi chân không, bàn chân nứt nẻ. Cha đã làm tất cả những gì có thể làm và làm trước cho anh em bắt chước.

Ngày 19-07-1945, khi nhận tin Tòa Thánh bổ nhiệm ngài làm giám mục Phát Diệm, cha Anselmô Lê Hữu Từ và một thầy tháp tùng đã dùng xe đạp vượt dặm đường 800 cây số vào tận Huế gặp Đức Khâm sứ Tòa Thánh Antoine Drapier, mặc dù lúc đó Việt Minh đã nắm chính quyền và kiểm soát chặt chẽ trục lộ giao thông. Vị đại diện Tòa Thánh lúc đó là tu sĩ Dòng Anh Em Thuyết Giáo (Đa Minh), ngài cũng đã long trọng khấn đức vâng lời theo luật Dòng như cha Anselmô Lê Hữu Từ, cho nên Đức Khâm sứ đã trung hiến pháp dòng tu để đầu lý và thuyết phục cha viện trưởng Châu Sơn.

### **3. Giám mục Phát Diệm**

Trở về Đan viện Châu Sơn, ngày 22-07-1945, Đức cha Lê Hữu Từ tiếp đón phái đoàn Giáo phận Phát Diệm, gồm 3 linh mục : Vũ Văn Hải, Đinh Ngọc San và Phạm Quang Hàm tới chúc mừng vị tân giám mục và bàn thảo chương trình lễ tấn phong đã được ấn định vào ngày 29-10-1945 tại Nhà thờ chính tòa Phát Diệm. Thế rồi, cuộc đại lễ đã được tổ chức quy mô, trật tự. Hiện diện về phía tôn giáo có 3 vị giám mục Việt Nam: Nguyễn Bá Tòng, Hồ Ngọc Cẩn và Ngô Đình Thục, cũng như các linh mục tổng đại diện thuộc các Giáo phận Hà Nội, Thanh Hoá, Bắc Ninh, Thái Bình, Hưng Hoá, Bùi Chu, Huế, Vinh, Lạng Sơn, Hải Phòng. Phía tôn giáo bạn có Thượng toạ Thích Trí Dũng và (hồi đó) Đại đức Thích Tâm Châu.

Về phía Chính phủ lâm thời Hồ Chí Minh, có sự hiện của các vị: Nguyễn Vĩnh Thụy, cố vấn chính phủ (vua Bảo Đại thoái vị tháng 8 năm 1945 và lấy lại tên Nguyễn Vĩnh Thụy), Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Nội vụ, Phạm Văn Đồng, Bộ trưởng Tài chính, Nguyễn Mạnh Hà, Bộ trưởng Kinh tế, Trần Huy Liệu, Bộ trưởng Tuyên truyền. Qua phái đoàn Chính phủ, Hồ Chí Minh đã gửi cho Đức tân Giám mục một bức thư, nguyên văn như sau :

« *Thưa ngài,*

*Mừng ngài vì cuộc tấn phong này đã chứng tỏ một cách vẻ vang đạo đức của ngài. Mừng đồng bào Công giáo vì từ nay các bạn đã được một vị lãnh đạo rất xứng đáng. Đồng thời tôi mừng cho nước ta vì tôi chắc rằng: Ngài sẽ lãnh đạo đồng bào Công giáo noi gương Đức Chúa mà hy sinh phấn đấu để giữ gìn quyền Tự do và Độc lập của nước nhà.*

*Kính chúc ngài được luôn luôn an mạnh.*

*Hồ Chí Minh*

*Ấn ký*

Năm 1945 là năm quyết định cho vận mệnh nước nhà. Một làn gió mới bắt đầu thổi mạnh. Toàn dân bùng dậy trong niềm hy vọng dạt dào, vì nền độc lập mới lấy lại được. Tháng 8 năm 1945, Nhật đầu hàng Đồng Minh. Phong trào Việt Minh lợi dụng thời cơ, đã điều động dân chúng nổi dậy cướp chính quyền. Vua Bảo Đại thoái vị ngày 28-8-1945 và ông Hồ Chí Minh ra mắt quốc dân ở vườn hoa Ba Đình tại Hà Nội, đọc bài Tuyên ngôn Độc lập và thành lập nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Bằng ấy biến cố dồn dập trên đất nước trong một thời gian vẫn. Cũng như toàn thể quốc dân, người Công giáo Phát Diệm chịu ảnh hưởng sâu sa của thời cuộc, một phần hăng say nhảy vào tham gia phong trào mới, một phần đứng ngoài hoặc ngấm ngấm hoạt động, chờ cơ hội thuận tiện hơn. Con thuyền Phát Diệm lúc ấy lên đèn. Chính trong bối cảnh này, Thiên định cho Toà Thánh gửi tới Phát Diệm một vị lãnh đạo mới, để nối tiếp sự nghiệp Đức Giám mục Phan Đình Phùng để lại.

Là vị chủ chăn của thời loạn ly, khi vừa nhận chức (01-10-1945), với bản lĩnh cương trực sắt đá, Đức cha Lê Hữu Từ lo củng cố, cải tiến và hoàn hảo giáo phận. Không những ngài lo cho giáo dân Phát Diệm giữ vững tinh thần, đức tin Công giáo, mà hoạt động của ngài còn lan toả tới nhiều giáo phận và các vùng miền khác, bằng cách lập Liên Đoàn Công giáo. Tổ chức này được Toà Thánh phê ngày 31-05-1946 và ông Huỳnh Thúc Kháng, Bộ trưởng Nội vụ cho phép hoạt động (ngày 22-04-1946). Rồi sau đó, để đoàn kết toàn dân thành một khối duy nhất, bền chặt, Đức cha Lê Hữu Từ giao hảo với các tôn giáo bạn, cố gắng đóng góp phần của người Công giáo trong công cuộc kháng chiến giành độc lập, khởi xướng Phong trào Việt Nam Công giáo Cứu Quốc. Đây là một tổ chức của dân Công giáo nhắm vào sinh hoạt trần thế trong lãnh vực quân sự, chính trị, đã được ông Phạm Văn Đồng chứng kiến và hợp thức hoá, nhân dịp ông về Phát Diệm dự lễ tấn phong Đức tân Giám mục và lưu lại đây một tuần.

Suốt trong 9 năm chèo lái con thuyền Giáo phận Phát Diệm, mặc cho bao nhiêu khó khăn về nhiều phương diện, không bao giờ Đức cha đóng cửa các chủng viện hay phải rút giảm con số những ai muốn dâng thân phục vụ Giáo hội trong các dòng tu nam nữ. Thành quả là cho tới năm 1954, trước khi di cư vào Nam, ngài đã truyền chức 43 tân linh mục, số đại chủng sinh tăng từ 40 lên 80. Đại Chủng viện Phát Diệm có lúc mở cửa đón nhận các đại chủng sinh từ các Giáo phận Hưng Hoá, Thanh Hoá, Hà Nội và Kontum.

Xuất thân từ Phước Sơn và Châu Sơn, chính Đức cha Lê Hữu Từ đứng ra khởi sự việc canh tân và thăng tiến Dòng Mến Thánh Giá Phát Diệm và kêu gọi việc thống nhất các chi nhánh Dòng Mến Thánh Giá trong các giáo phận trên toàn quốc.

Đồng thời, ngài quyết tâm duy trì liên tục Trường Trần Lục (610 học sinh) và 48 trường tư thục Công giáo tại nhiều giáo xứ với khoảng 10.000 học sinh. Cho tới năm 1953, để bảo đảm và thăng tiến nền văn hoá tương lai của giáo phận, ngài cho xuất dương du học 48 người, gồm 10 linh mục, 13 chủng sinh, 15 nữ tu và 10 giáo dân. Ngài cũng duy trì một nhà in và một cơ quan ngôn luận, đó là tờ tuần báo Tiếng Kêu, sau này đổi thành nguyệt san Đồi Sống. Giữa thời Việt Minh, ngài can đảm tung ra 2 bức thư luân lưu gây chấn động dư luận trong nước. Thư số 39 ngày 17-04-1949: «Về vấn đề cộng sản» và thư số 80-81: «Trả lời cho Hội nghị mệnh danh Công giáo Địa phận Phát Diệm do Việt Minh tổ chức năm 1952 tại Gia Viễn».

Bước sang lãnh vực xã hội : Từ hồi chiến tranh tái diễn tại Hải Phòng vào tháng 11 năm 1946 và tại Hà Nội tháng 1 năm 1947, nhờ uy danh của Đức cha Lê, an ninh tại vùng Phát Diệm, Kim Sơn được bảo đảm hơn nhiều nơi khác. Tất cả đường xá, cầu cống, đê điều không phải chịu hoạ tiêu thổ kháng chiến. Do đó, nạn nhân vì thời cuộc gây nên, gồm đủ mọi giai cấp, từ các nơi đổ về Phát Diệm mỗi ngày một đông. Tháng 2 năm 1947, số người tản cư lên tới 60.000, trong đó, 30.000 sống ngay bên cạnh Tòa Giám mục. Đức cha Lê đã ra lệnh đình chỉ ngay việc xây cất đại chủng viện vừa mới bắt đầu tại chợ Nam Dân, đình chỉ cả công cuộc kiến thiết Trường Trần Lục, để lấy 2 khu đất mênh mông dựng 600 căn nhà cho các gia đình tản cư. Ngài cũng xuất ra một số tiền đáng kể nhằm sửa chữa con đê Cồn Thoi dài 6.500 thước, cao 4 thước, rộng 3 thước bề mặt và 8 thước dưới chân, để bảo đảm mùa màng cho dân chúng, đồng thời, có đủ lúa gạo nuôi sống các các chủng sinh và một phần giúp dân ty nạn mãi tới ngày đất nước chia đôi năm 1954.

Từ hạ tuần tháng 6 năm 1954, đợt sóng di cư vào Nam khởi đầu. Mặc dầu trong hoàn cảnh lưu vong khó khăn, Đức cha Lê cố tập trung giáo dân Phát Diệm thành từng khối để dễ giúp đỡ nhau trong các vùng Bình Xuyên, Gia Kiệm, Phương Lâm, Bảo Lộc, Cần Thơ. Ngài lo tạo dựng cơ sở Tiểu Chủng viện tại Phú Nhuận, Dòng Mến Thánh Giá tại Gò Vấp để tiếp tục chương trình đào tạo chủng sinh và nữ tu ngay khi mới vào miền Nam. Vào thập niên 60 xây nhà hưu dưỡng tại Gò Vấp dành cho các linh mục và tu sĩ gốc Phát Diệm. Một sáng kiến rất độc đáo và táo bạo là xây dựng 1 cơ sở ngay tại Roma với mục đích tạo phương tiện tài chính để giúp đỡ giáo phận tại quê nhà trong hoàn cảnh rất khó khăn vì thời cuộc.

Thân thể của Đức Giám mục Lê Hữu Từ rất đáng đề cao. Là giám mục, ngài vẫn tiếp tục sống đời khổ tu. Trong tờ di chúc còn lưu trữ tại Xóm Mới, Gò Vấp, đề ngày 05-04-1967, có đoạn như sau: «*Về đàng vật chất, tôi đã sống khó khăn và muốn chết khó nghèo, tôi không có gì đáng giá để trối lại*». Với hàng linh mục, ngài bảo toàn 2 chữ chân tín, đối xử rất thành thực và tín nhiệm những ai ngài đã giao công tác. Với tu sĩ và giáo dân, ngài nêu gương đạo đức, lúc nào cũng một mực trong sáng. Nhất là ngài siêng năng cầu nguyện cho giáo đoàn. Phải chứng kiến những đêm thanh vắng, nhất là khi có báo động, lâm nguy, những lần nghe tiếng súng nổ vang, những lần có báo cáo giáo xứ nào bị tấn công, là những lần người ta thấy Đức cha thức dậy, mặt biến sắc, đăm chiêu. Bao lâu tiếng súng chưa yên, bấy lâu người ta còn thấy Đức cha quỳ trước bàn thờ châu Thánh Thể trong nhà nguyện riêng của ngài. Lúc đó người ta mới cảm thông sâu xa gánh nặng giám mục đè trên vai ngài.

#### **4. Nhà ái quốc cương nghị**

1/ Đối với Việt minh Cộng sản

Chúa Quan Phòng đã đặt Đức cha Lê Hữu Từ vào một hoàn cảnh hết sức éo le. Sống trong khu vực trực tiếp dưới quyền Việt minh Cộng sản, nơi chính quyền quốc gia chưa có máy may hy vọng đặt chân tới, phải xử trí thế nào để vừa duy trì tín ngưỡng cho giáo dân, vừa bảo đảm được quyền lợi sinh mạng cho bao công dân, không phân biệt tôn giáo, đã tin tưởng chạy về núp bóng Nhà thờ chính toà Phát Diệm. Ông Hồ Chí Minh, lãnh tụ đảng Cộng sản Việt Nam và chủ tịch chính phủ hồi đó đã hiểu rõ ảnh hưởng sâu xa và uy tín rộng rãi của Đức cha Lê, nên không những đã gửi phái đoàn chính thức về Phát Diệm dự lễ tấn phong giám mục của ngài, mà mấy lần ngỏ ý đích thân hội ngộ để bàn quốc sự. Lần thứ nhất là ngày 25-01-1946, ông về thăm Đức cha tại Phát Diệm. Lần thứ hai, vào tháng Giêng năm 1947, ông mời Đức cha lên chiến khu Nho Quan, Ninh Bình. Cả hai lần, ông tôn vinh Đức cha làm cố vấn tối cao chính phủ.

Ai cũng hiểu đây chỉ là một chiến thuật. Tuy Đức cha là cố vấn cho chính phủ, nhưng trong ván cờ, mỗi người có một bước đi riêng biệt. Một bên nắm giữ quyền binh, nhưng chưa đủ thế lực, do đó, muốn lợi dụng danh nghĩa Công giáo, lợi dụng ảnh hưởng của vị giám mục tên tuổi, để lôi cuốn toàn dân, đánh lừa dư luận trong nước và ngoại quốc, chờ cơ hội thuận tiện, khi đã toàn thắng, sẽ xoay thế cờ. Lần ông Hồ điện kiến Đức cha Lê tại Nho Quan, ông có gan xin được nhận phép rửa tội ! (32)

Đức cha Lê tuy không phải là chính quyền, nhưng ngài có hậu thuẫn sâu rộng của dân chúng. Đức cha cố tránh né những đòn thâm hiểm, đồng thời lợi dụng tối đa danh xưng cố vấn tối cao để giải thích luật lệ của chính phủ theo chiều hướng có lợi cho dân chúng, nhằm bảo vệ quyền lợi và tài sản của dân. Nhiều lần phát biểu trước công chúng, ngài dùng cách lập luận rất đơn giản: ***Trong chính thể Dân chủ Cộng hoà, dân là chủ.***

Chính vì dựa vào thế đứng vững mạnh của dân, ngày 24-10-1946, Giám mục cố vấn Lê Hữu Từ không ngần ngại lên tận Hà Nội để phản đối kịch liệt ông Hồ, vì ông ký hiệp định bất lợi cho Việt Nam tại Fontainebleau (14-09-1946), cũng như trước đó đã ký bản thỏa ước tạm thời (06-03-1946) với ông Sainteny tại Đà Lạt, chấp nhận cho Việt Nam là thành phần của Liên Hiệp Pháp và cho phép quân đội Pháp trở lại đóng chiếm Bắc Việt. Vị cố vấn cũng mạnh dạn tố cáo luận điệu tuyên truyền bóp méo sự thực của chế độ, những hành động phi pháp của chính quyền cấp địa phương ngòai xỏm trên luật pháp, tự tiện bắt bớ, hành hạ dân chúng

Nhờ ở uy danh cố vấn, sau cuộc hội kiến với ông Hồ Chí Minh tại Nho Quan, Đức cha đã làm một vòng kinh lý trong 2 Giáo phận Phát Diệm và Bùi Chu, diễn thuyết lên án chiêu bài tiêu thổ kháng chiến và cưỡng bách tản cư. Năm 1947, nạn đói lan rộng trong vùng, Đức cha lấy danh nghĩa cố vấn chính phủ tha thuế cho 2 tỉnh Ninh Bình và Nam Định. Đồng thời ngài bảo đảm sinh mạng cho một số người tới lánh nạn trong Khu An Toàn nổi tiếng tại Phát Diệm. Trong số này có 3 gia đình người Pháp, 2 linh mục Gia Nã đại, 3 linh mục Tây Ban Nha, 32 người Trung Hoa, 7 người Ấn Độ, nhiều chính khách và chiến sĩ quốc gia.

## 2/ Trước vấn đề Việt - Pháp

Trong vấn đề với nước Pháp, thái độ của Đức cha Lê là không có ác cảm riêng tư nào, nhưng chỉ là bên vực nguyên tắc mọi dân tộc có quyền độc lập, tự quyết, chống lại những hành động phi lý của nhóm chính trị gia thực dân. Bởi thế, Phát Diệm đã tham gia kháng chiến ngay từ đầu. Sau ngày 19-06-1949, nghĩa là sau khi quân đội Liên Hiệp Pháp nhảy dù chiếm đóng Phát Diệm,

Đức cha Lê vẫn giữ thái độ dè dặt. Năm 1950, nhân cuộc đi dự Năm Thánh tại Roma, khi dừng chân tại Paris theo lời mời của cựu hoàng Bảo Đại, Đức cha có dịp hội kiến với Tổng thống Pháp Vincent Auriol, với Thủ tướng René Pleven, với các Bộ trưởng Robert Schuman, Jean Letourneau, Georges Bidault. Ngài cương quyết đòi Việt Nam phải hoàn toàn độc lập, nước Pháp phải có can đảm chấp nhận và tuyên bố rõ rệt sự kiện thực tế này công khai trước mặt thế giới. Cần nói rõ ở đây rằng, trong việc giàn xếp vấn đề thuộc địa sau Đại chiến 1939-1945, chính trị của Pháp lỗi thời, chứ không mềm dẻo, sáng suốt và do đó không đáng ca ngợi như nước Anh.

Có lẽ một số người ngoại quốc cũng như Việt Nam đặt vấn đề là tại sao một giám mục Công giáo lại tổ chức tự vệ, dùng vũ khí chống lại khối người Việt Nam khác không đồng chính kiến với mình và như thế có thể gây nên nội chiến tương tàn. Thắc mắc này có thể được giải toả nếu đặt mình vào trường hợp của Đức cha Lê Hữu Từ lúc đó đang phải đứng trước 2 tình hình sau đây:

Thứ nhất là hội đó đảng Cộng Sản Việt Nam chưa nắm chính quyền, chỉ là 1 đảng chính trị, chưa được dân bầu cử, chưa là chính quyền thực thụ. Tình hình trong vùng 2 Giáo phận Phát Diệm, Bùi Chu, nói theo kiểu nói hội đó, «ban ngày là Quốc gia, ban đêm là Cộng sản».

Thứ 2, vùng Phát Diệm, Bùi Chu thời đó chưa phải là chiến địa đích danh, các trận đánh lớn diễn ra tại các vùng xa xăm khác. Tuy nhiên, Việt Minh toan tính áp đặt tình cảnh chiến tranh tại đây bằng cách phát lệnh tiêu thổ kháng chiến, thu thuế ban đêm, bắt dân đi dân công, đặt mìn phá đường xá. Dân chúng bị quấy nhiễu, nên phải tìm cách tự vệ.

Để làm sáng tỏ những hoạt động có tính cách trần thế của một giám mục, Đức cha Lê Hữu Từ cử linh mục bí thư của ngài, cha Phạm Quang Hàm, đi Roma nhân dịp Năm Thánh 1950. Cha Phạm Quang Hàm gặp Đức Tổng Giám mục Montini, Tổng trưởng thường vụ (Sostituto) tại Giáo triều Vatican (sau này là Giáo hoàng Phaolô VI) để trình bày hoàn cảnh éo le của Đức cha Lê và của giáo dân Phát Diệm.

Toà Thánh đã cứu xét sự việc và qua linh mục bí thư, đã nhắn vè Đức cha Lê rằng: Toà Thánh thông cảm hoàn cảnh khó khăn của giáo phận, nhưng khuyến cáo Đức cha nên tìm cách chấm dứt tình trạng dính dáng tới thế quyền và sớm trao mọi việc hành chánh cho các giáo dân có khả năng, để tránh mọi bất trắc không thể tiên đoán có thể xảy ra trong tương lai.

Đức cha Lê Hữu Từ thi hành khuyến cáo của Vatican và đã trao các hoạt động hành chánh trần thế cho giáo dân. Tuy nhiên uy danh của ngài vẫn còn được đề cao.

Năm 1954, chính phủ Pháp cử Đại tướng De Linares về Phát Diệm thăm Đức cha và gợi ý :

Để ghi nhớ những gì Đức cha đã làm cho đại cuộc Việt Nam, chính phủ Pháp muốn gửi tặng Đức cha một Bắc đầu Bội tinh (Légion d'honneur).

Đức cha đã khẳng khái trả lời: Xin Đại tướng về cảm ơn chính phủ Pháp và Đại tướng De Lattre de Tassigny: Trên ngực tôi đeo một Thánh Giá của Chúa đủ rồi.

Đại tướng Pháp cố nài: Xin Đức cha cứ nhận đeo, nếu đằng trước không còn chỗ, Đức cha đeo đằng sau cũng được.

Đức cha vẫn cương quyết: Thưa Đại tướng, đằng sau tôi cũng không đeo.

### 3/ Trên đường thống nhất quốc gia

Nếu trong sự giao tiếp với Việt minh Cộng Sản, với ngoại xâm, Đức cha dùng những ngôn từ quyết liệt, những hành động cứng rắn, thì giữa các đoàn thể chính trị, giữa các nhân vật trong nước ngài lại áp dụng đường lối đại đoàn kết, nhường nhịn nhau, dẹp bỏ quyền lợi riêng tư, để phục vụ đại nghĩa quốc gia.

Trong tinh thần này, năm 1955, ngài một mình vào tận chiến khu Tây Ninh để gặp ông Trình Minh Thế và thuyết phục ông đem Quân đội Quốc gia Liên minh của ông về hợp tác với chính phủ.

Với quân đội Bình Xuyên, Đức cha cũng móc nối với Đại tá Thái Hoàng Minh, tham mưu trưởng của Bảy Viễn, để đem 5 tiểu đoàn về quy thuận chính phủ quốc gia. Rất tiếc sự việc không thành, vì trong Dinh Độc Lập, người ta đã trì hoãn quá lâu, nên sự việc bị bại lộ!

Trong những ngày tháng sôi động năm 1956, Hội Đồng Cách Mạng chuẩn bị việc lật đổ chế độ quân chủ và thiết lập chế độ Cộng hòa tại Miền Nam Việt Nam, Đức cha Lê Hữu Từ là một trong những người có công đem lại sự thông cảm, sự đoàn kết giữa các đoàn thể chính trị với nhau. Ai đã có dịp tiếp xúc với ngài đều nhận thấy tinh thần vị tha, sự khát khao trông thấy đất nước được tự do, hùng mạnh. Lúc nào con người đó cũng tinh nhanh sắc bén trong lời nói, cử chỉ, hành động. Trong chúc thư ngài viết một câu thăm thiết: «**Ngày đau nhất đời tôi là ngày đất nước chia hai!**».

## 5. Mệnh chung

Sau khi công tác lo định cư cho các linh mục, tu sĩ và giáo dân từ Phát Diệm vào Nam tạm ổn định, Đức cha Lê Hữu Từ được cử làm Giám đốc Trung tâm Công giáo Việt Nam mới thành lập và làm Giám đốc Nha Tuyên úy Công giáo Quân đội Việt Nam Cộng Hoà. Đức cha chỉ giữ hai chức vụ này trong một thời gian ngắn, rồi đi Roma tham dự Công Đồng Vatican II. Ngài ngụ tại trụ sở Phát Diệm đã sẵn có ở Roma và cùng với cha Vũ Kim Điện, lo gây dựng cơ sở này thành Foyer Phát Diệm khang trang như ta thấy ngày nay. Sau đó, Đức cha sang Thụy Sĩ thăm các đan sĩ Dòng Xitô Việt Nam (L' Ordre de Cîteaux); tại đây, bác sĩ cho Đức cha biết ngài mắc bệnh ung thư. Cảm thấy thời điểm Chúa gọi sắp tới, Đức cha quyết định trở về Việt Nam để sống những ngày tháng cuối cùng bên cạnh các con cái Phát Diệm của ngài tại An dưỡng viện của các linh mục Phát Diệm ở Xóm Mới, Gò Vấp và Đức cha qua đời tại đây, ngày 24 tháng 4 năm 1967, hưởng thọ 71 tuổi.

Trong khi ban tổ chức tang lễ còn đang bàn bạc với các bên chính quyền và giáo quyền để thảo ra chương trình tang lễ của Đức cha thì đài phát thanh Hà Nội đã mau mắn đưa tin: “*Đức Giám mục Lê Hữu Từ, vị anh hùng kháng chiến quốc gia chống ngoại xâm, giành độc lập cho tổ quốc Việt Nam, sống đầy đoạ ở một xóm, gọi là Xóm Mới, ngoại ô thành phố Sài Gòn, đã tạ thế tại đây*”.

Linh cữu Đức cha Lê được quản tại An dưỡng viện Xóm Mới hai ngày; ngày thứ ba, được rước xuống Vương cung Thánh đường Sài Gòn. Thánh lễ an táng cử hành trang trọng vào sáng thứ Năm, 27-4-1967, do Đức Tổng Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình chủ tế, Đức cha Phêrô

Phạm Ngọc Chi đọc điều văn. Bên chính quyền, đến dự lễ có Trung tướng Nguyễn Văn Thiệu, Chủ tịch Ủy Ban Lãnh đạo Quốc gia (như Quốc trưởng) và Thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ, Chủ tịch Ủy Ban Hành pháp Trung ương (như Thủ tướng). Chủ tịch Ủy Ban lãnh đạo Quốc gia đã truy tặng Đức cha Lê Hữu Từ Bảo quốc Huân chương hạng Hai và Anh dũng Bội tinh hạng Ba. Sau thánh lễ, linh cữu Đức cha lại được rước về an táng tại An dưỡng viện Phát Diệm ở Xóm Mới. Vào thời đó, người ta chưa từng chứng kiến một đám tang có đông người và xe cộ tiễn đưa như thế. Đức cha Phạm Ngọc Chi cử hành nghi lễ hạ huyệt giữa tiếng khóc và sự tiếc thương của một rừng người mặc tang phục màu trắng, như để đại tang một người cha.

Cho đến tận nay, vẫn có người tới viếng và cầu nguyện bên mộ phận của Đức cha Lê. Trên mộ, vẫn có những đóa hoa tươi và người qua kẻ lại vẫn ngả nón mũ để tỏ lòng kính trọng.

## **V. ĐỨC GIÁM MỤC PHAOLÔ BÙI CHU TẠO (1909-2001)**

### **1. Thân thế**

Viết về tiểu sử Đức cha Bùi Chu Tạo, ngay từ ban đầu, chúng tôi cảm thấy như đứng trước một mâu thuẫn. Đức cha vốn hom hèm ốm yếu, cân nặng chừng 40 ký, các linh mục hồi xưa đồng liêu với ngài ở Đại Chủng viện Phát Diệm, thường hay nói vui: Thầy Tạo mà gặp phải mưa to gió lớn ngoài đường, rất có thể bị bay xuống sông xuống ruộng lúc nào không biết. Mâu thuẫn ở chỗ: con người như thế, lẽ ra - theo nhận xét loài người - với gánh nặng của nhiệm vụ giám quản, rồi giám mục, trong suốt thời loạn ly bi đát (1954-1960), đã phải kiệt sức và mất sớm. Tuy nhiên chương trình của Thiên Chúa thì khác hẳn: hơn 40 năm trong chức vụ chủ chăn, ngài đã cầm cự với thời gian, với thời cuộc, luôn luôn phấn đấu kiên cường, trí khôn vẫn còn minh mẫn sáng suốt, và sức khỏe – tuy đã suy giảm nhiều – nhưng ngài vẫn minh chứng phong độ khí khái, dẻo dai! Con người thâm lặng, ít nói, nhưng nếu nói ra thì câu nao cũng như đinh đóng cột, và thế đứng của ngài lúc nào cũng bình chân như vại!

Ra chào đời ngày 21-01-1909 ở họ Tam Châu, hồi đó còn thuộc về xứ Phúc Nhạc (cho tới năm 1940 mới biệt lập thành xứ riêng biệt).

Hai ông bà cố Liên, theo truyền thống các gia đình Việt Nam ngoan đạo, từ năm chú Tạo lên 10 tuổi, đã liên lạc với cha già cố Phaolô Dương Đức Liêm, để cho con mình nhận ngài là nghĩa phụ. Năm 1921-1923, chú Tạo học Trường Thử tại Ba Làng. Sau mùa hè 1923, chú Tạo về Tiểu Chủng viện Phúc Nhạc. Năm 1929, mẫn trường, thầy Tạo nhận bài sai về giúp cha cố Liêm, hồi đó đã đổi về làm chính xứ Yên Vân. Hai năm sau, thầy Tạo được gọi về học Triết lý và Thần học tại Đại Chủng viện Thượng Kiệm (1931-1937). Chúa cho mọi bước đường trôi chảy. Ngày 13-3-1937, thầy Phaolô Tạo được Đức Giám mục Việt Nam tiên khởi Gioan Baotixita Nguyễn Bá Tông truyền chức linh mục tại Nhà thờ chính toà Phát Diệm, cùng với 8 anh em: Gioan Học, Antôn Quế, Phaolô Nguyễn Chu Trình II, Giuse Ba, Phêrô Điện I, Giuse Thư III, Giuse Tụ II và Phêrô Trị.

Sau đó, cha Tạo được bổ nhiệm làm giáo sư tại Tiểu Chủng viện Phúc Nhạc (1937-1940). Hai năm đầu, ngài dạy lớp 7, nhưng rồi, ngài được chỉ định làm cha linh hướng. Ngài tiếp tục giữ chức vụ linh hướng trong Đại Chủng viện Thượng Kiệm (1945-1951). Rồi chúng ta sẽ thấy, nhiệm vụ linh hướng quan trọng và vất vả, đã làm cho ngài hao mòn sức khỏe, đến mức độ hồi đó ngài đã xin ra khỏi đại chủng viện (1951-1954) để về dưỡng bệnh tại Đền Đức Mẹ Hằng Cứu



Giúp ở chợ Nam Dân, đối diện với phố Thượng Kiệm. Song cũng vì làm nhiệm vụ linh hướng chủng viện nhiều năm mà cha Tạo đã tích lũy được những kinh nghiệm vô cùng quý giá trong khi hướng dẫn các linh mục tương lai trong giáo phận; chính những kinh nghiệm này sẽ giúp đức giám mục tương lai của Phát Diệm biết cách trải qua những giai đoạn hết sức khó khăn, để đưa giáo phận đến chỗ thanh bình và thịnh vượng ngày nay.

## 2. Giám quản và giám mục

Năm 1954, bắt đầu phong trào di cư ào ạt. Nhiều người bỏ miền Bắc để vào Nam. Cha Tạo rời đền Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp về nhận nhiệm sở tại Tam Châu. Tiếp sau đó, là những năm Chúa trao cho ngài hết trách nhiệm này sang trách nhiệm khác. Ngày 30-11-1956, Tòa Thánh bổ nhiệm ngài làm Giám quản chính thức địa phận, thay thế Đức Giám mục Lê Hữu Từ đã di cư vào Nam. Ngày 25-01-1957, lễ Thánh Phaolô (quan thầy của ngài), ngài bỏ Tam Châu về nhận chức giám quản tại Nhà thờ chính toà Phát Diệm. Linh mục Luca Hùng Sỹ chứng kiến buổi lễ hôm đó, đã thuật lại: *“Đức giám quản mặc áo thâm dài viền chỉ tím, một tay đeo nhẫn, đầu đội mũ giám mục, tay kia cầm gậy vàng, tuy nhiên, trên ngực chưa đeo Thánh Giá (vì chưa có chức giám mục), trên mình mang áo choàng phụng vụ (cappa) màu vàng, tiến thẳng vào Nhà thờ chính toà, ngài bước lên bàn thờ ban phép lành, nhận toà giám mục cai quản địa phận, và ngỏ lời với các cha và giáo dân”* (33).

### 1/ Thi hành sứ vụ

Sau lễ nghi, ngài ở lại Tòa Giám mục và bắt đầu thi hành sứ vụ:

Một: Đầu năm 1958, tổ chức tuần cấm phòng hằng năm cho các linh mục địa phận lần đầu tiên;

Hai: Tháng 9-1959, chủng viện ở Thượng Kiệm bị giải thể đợt 1, còn lại 12 chủng sinh. Năm sau, 1960, bị giải thể đợt 2, còn lại 4 chủng sinh. Ngày 18-12-1963, chủng viện bị đóng cửa hoàn toàn.

Tháng 9-1959, chủng viện ở Thượng Kiệm bị giải thể đợt 1, còn lại 12 chủng sinh. Năm sau, 1960, bị giải thể đợt 2, còn lại 4 chủng sinh; tới ngày 18-12-1963 thì chủng viện bị đóng cửa hoàn toàn; ngài gửi các chủng sinh ra học tại Hà Nội; được mấy năm, trường ngoài Hà Nội cũng bị giải tán.

Ba: Dòng Mến Thánh Giá tại Lưu Phương và các nhà khác đại đa số đã lên đường vào Nam, còn lại chừng gần 30 nữ tu đã cao niên, nhưng vị tân Giám quản cũng cho phép mở lớp đệ tử mới, và tập viện tiếp tục hoạt động...

Bốn: Năm 1990, Đức cha đã thành lập Hội Gia Trưởng với 7 điều luật:

- \* Thường xuyên đi dự Thánh lễ, và dự ngắm Đàng Thánh Giá, nhất là trung thành đi lễ các ngày thứ tư đầu tháng, và góp tiền giúp đỡ người nghèo khó trong giáo phận;
- \* Khuyến khích các gia trưởng đọc kinh sáng, tối, đọc Kinh thánh trong gia đình;
- \* Cố gắng giữ sự bình an trong gia đình, và ăn ở thuận hoà với người hàng xóm;
- \* Bảo vệ con cái xa lánh những dịp tội lỗi, chịu khó học giáo lý và nghề nghiệp;

\* Thăm nom an ủi những gia đình có người ốm đau, nghèo khó, khi có gia trưởng qua đời, thì thăm viếng, xin lễ, và dự lễ an táng họ;

\* Sống giản dị, không rượu chè, không nhàn rỗi, và lo cho gia đình ấm no, thịnh vượng;

\* Và tích cực tham gia công tác chung trong xứ đạo, trong xã hội, và giữ sự đoàn kết thương yêu nhau.

Đồng thời, ngài cũng xin các Đức cha phó dọn sách giáo lý, tổ chức các cuộc thi giáo lý mỗi năm, cả người lớn lẫn trẻ em.

Ngày 24-01-1959, Đức Giám quản được Toà Thánh bổ nhiệm làm giám mục hiệu toà Numidia. Lại một lo lắng mới bắt đầu. Nhân cơ hội cha Giám quản lên Hà Nội chữa bệnh tại bệnh viện Bạch Mai, Đức Khâm sứ Dooley lưu ý Đức cha Giuse Trịnh Như Khuê, Giám mục Hà Nội, nên lợi dụng cơ hội đó đề phong chức giám mục cho vị chủ chăn Phát Diệm. Lễ truyền chức hết sức đơn sơ, âm thầm: chỉ có một chủ phong là Đức Giám mục Giuse Trịnh Như Khuê và một thụ phong là Đức cha Phaolô Bùi Chu Tạo; ngoài Đức Khâm sứ Dooley, không có vị giám mục Việt Nam nào khác tới dự lễ; hai vị gọi là phụ phong là cố Kim, M.E.P., Giáo phận Hà Nội, và cha già Kim, Phát Diệm. Đại diện cho linh mục đoàn Phát Diệm hôm đó là cha già Trình, đồng bạn với vị Giám quản, ông chánh trương xứ Phát Diệm Nguyễn Cao Đàm và 12 chủng sinh Phát Diệm đang học ở Hà Nội (hầu hết các chủng sinh này ở trong ca đoàn hát lễ hôm đó). Sau khi thụ phong, Đức cha Phaolô Bùi Chu Tạo, còn ở Hà Nội một tháng nữa, để chữa bệnh. Tháng 6 năm 1959, ngài âm thầm về lại giáo phận, để rồi lễ Đức Mẹ Linh Hồn và Xác Lên Trời (15-8-1959), ngài công khai ra mắt với giáo phận.

Chúng ta có thể đoán tâm tình của vị tân Giám mục trong những năm tháng đầu tiên này. Ngay từ đầu, ý thức tình trạng đau yếu của mình, Đức cha Bùi Chu Tạo đã xin Toà Thánh cho thêm vị phó giám mục. Toà Thánh chấp nhận lời xin của ngài và bổ nhiệm Đức cha Giuse Lê Quý Thanh. Đức cha phó được thụ phong ngày 13-02-1964, và sau khi Đức cha Lê Quý Thanh qua đời, Toà Thánh còn bổ nhiệm Đức cha Nguyễn Thiện Khuyến. Ngài được thụ phong ngày 24-4-1977. Vị trước tại chức được 10 năm, vị thứ hai chỉ có 4 năm, cả hai đã ra đi trước Đức Giám mục chính toà, hồi đó đã 88 tuổi. Hầu như tuyệt vọng trước thử thách quá nặng nề của Thiên Chúa, Đức cha Bùi Chu Tạo lâm bệnh trầm trọng lần thứ hai, và ai cũng rung mình khi nghĩ tới giáo phận, nếu Đức cha chính cũng theo chân hai vị Giám mục phó Lê Quý Thanh và Nguyễn Thiện Khuyến về châu Chúa, thì số mệnh Phát Diệm sẽ ra thế nào?

Tuy nhiên, Thiên Chúa có chương trình của Ngài và còn dành cho Phát Diệm một hai ngõ ngàng hơn nữa. Sau khi đã bình phục và sau khi đã mất hai vị Giám mục phó (Đức cha Thanh tạ thế năm 1974, Đức cha Khuyến năm 1981) và vì nhu cầu giáo phận, Đức cha Phaolô Bùi Chu Tạo đã lần lượt bổ nhiệm hai cha tổng đại diện: Cha Phêrô Vũ Hiếu Cúc (sinh năm 1898, Bình Sa) và cha Phaolô Tịnh Nguyễn Quang Thiều (sinh năm 1917, Hàm Ân). Cả hai vị này cũng lần lượt bỏ về thế giới bên kia. Vị thứ nhất năm 1984, vị thứ hai năm 2000.

Trong lịch sử Giáo hội, thỉnh thoảng Chúa cho xuất hiện một vài sự kiện kỳ diệu để minh chứng: Chúa mới là tác giả những việc kỳ diệu đó. Vác trên vai gánh nặng hơn 90 tuổi đời, trong số đó, 60 năm linh mục và 40 năm giám mục, rồi hậu quả bao nhiêu bệnh tật làm suy giảm sức người,

Đức cha Bùi Chu Tạo vẫn dẫn dắt giáo phận tiến bước không ngừng nghỉ. Trong đời giám mục, ngài đã truyền chức cho 26 tân linh mục trong khoảng thời gian từ năm 1961 tới 1995; đã đem con số 60 ngàn giáo dân còn lại ngoài Bắc, sau cuộc di cư vĩ đại vào Nam năm 1954, trở về con số 130 ngàn giáo dân y như hồi xa xưa, trong vòng 40 năm dòng dã. Ngài phục hồi Dòng Mến Thánh Giá Phát Diệm. Cơ sở chính của nhà dòng ở Lưu Phương coi như đã bị phá huỷ bình địa trong vụ phi cơ Mỹ ném bom Phát Diệm năm 1968. (34)

Những thành công lớn lao trên đây của Đức cha Tạo, một phần nhờ vào sự cộng tác đắc lực của một nhóm linh mục, vừa ít vừa không còn trẻ trung, nhưng hăng say, và một nhóm chừng 80 giáo dân chuyên môn dạy giáo lý trong các xóm làng xa xôi. Họ ý thức vai trò giáo dân, sau Công Đồng Vatican II, phải tham gia trong việc tông đồ, thay thế cho số linh mục, mỗi ngày mỗi ít đi, và thời cuộc đã thúc đẩy các ngài càng phải gù lưng suy yếu.

## 2/ Các thư luân lưu

Khi mới làm giám mục, Đức cha Tạo mạnh dạn tổ chức đi kinh lý trong giáo phận. Được một hai lần đến thăm các xứ đạo ở vùng mạn ngược, tức là miền thượng du Phát Diệm, nhưng rồi trong những năm sau, ngài bị cầm chân tại Tòa Giám mục. Không được tới viếng thăm các xứ đạo thì ngài ngồi viết thư luân lưu để dạy hàng giáo sĩ và toàn thể giáo dân trong giáo phận bằng giấy tờ.

Sở dĩ Đức cha Tạo bị cầm chân thi hành sứ vụ vì nhiều lý do:

- Cuộc thụ phong giám mục cho ngài tại Hà Nội coi như một lễ phong chức chui.
- Ngày 15 – 08 – 1959, ngài dâng lễ đại triều đầu tiên tại nhà thờ lớn, có rất đông giáo dân dự lễ, trên tòa giảng của nhà thờ, Đức cha chính thức công bố quyết định tầy chay tổ chức Ủy Ban Liên Lạc (UBLL) những người Công Giáo Việt Nam (không do Giáo hội tổ chức), và tuyên bố hình thức kỷ luật cho các linh mục và giáo dân nào tham gia. Thế là sóng gió bắt đầu nổi lên cho sứ vụ Giám mục của ngài.
- Sự kiện phong chức linh mục công khai cho hai cha Giuse Trần Bá Vinh và Phaolô Phạm Văn Ven, truyền phép cắt tóc cho thầy Vicent Trần Khoan (1961).
- Thư chung gửi toàn giáo phận, lược thuật các cuộc bách hại đạo Công giáo tại Việt Nam (1962).
- Phong chức giám mục cho Đức cha phó Giuse Lê Quý Thanh (13 – 2 – 1964).

Đó là những căn cứ dồn Đức cha Phaolô vào tình trạng bị quản chế nghiêm ngặt, ngài chỉ ở trong Nhà chung và đi lại không ngoài xã Lưu Phương.

Từ 24 – 11 – 1960, ngài đã trở thành Giám mục chính tòa, nhà thờ lớn Phát Diệm trở thành Nhà thờ Chính tòa. Lúc này số linh mục trong giáo phận chỉ còn dưới 30 vị đã già, rồi lần lượt ra đi về với Chúa. Không đi kinh lược được, thường xuyên ngài viết thư chung hướng dẫn, an ủi, dạy dỗ mọi ngành mọi giới trong giáo phận, nhất là việc đọc kinh tối, sáng và học giáo lý (kinh bốn tại gia đình), nơi nào không thể đi được, thì họp tại nhà thờ, dự lễ thiêng liêng (cử hành phụng vụ lời Chúa, và rước lễ).

Người ta tính con số các thư luân lưu được phân chia như sau:

Cho hàng giáo sĩ (35):

Riêng giáo sĩ, các thư luân lưu có tính cách mục vụ, từ những năm 1959, 1960, 1961, 1965, 1966, 1968, 1973;

Các thư gửi các linh mục, cấm phòng chung, suốt từ 1978-1990;

Các thư gửi các linh mục, sau mỗi lần cấm phòng tháng trong hai năm 1995 và 1996.

Thư luân lưu cho cả giáo phận (giáo dân trong các xứ đạo):

Tết Nguyên Đán năm 1976, 1978, 1983, 1985, 1987, 1988, 1989, 1990, 1992, 1993, 1996;

Tháng Đức Mẹ 1955, 1986, 1988, 1989;

Tháng Mân Côi 1966, 1985, 1986, 1991;

Tháng Trái Tim Đức Mẹ 1985;

Năm Thánh Đức Mẹ 1987, 1988;

Thánh Tâm Chúa 1961, 1988;

Năm Thánh Cứu Độ 1983;

Mùa Vọng 1982;

Lễ Sinh Nhật 1983, 1984, 1985, 1988;

Mùa Chay 1985, 1990;

Chúa Phục Sinh 1984, 1985, 1987;

Công Đồng Vaticanô II, 1962;

Kỷ niệm 50 năm Giám mục bản quốc, 1983;

Kỷ niệm 25 năm thành lập hàng giáo phẩm Công giáo Việt Nam, 1985;

Vai trò giáo dân, thực tại trần thế, 1987;

Quốc Khánh 1975, Quốc hội 1976, chống Trung cộng xâm lăng 1979;

Cứu đói 1984 và 1988.

Không ai ngờ rằng, trong giáo phận hẻo lánh, xa xăm, ở về cuối vùng trung châu và duyên hải Bắc Việt, mà đã có thể tổ chức những cuộc đại lễ rầm rộ, hiếm có trong nhiều dịp khác nhau:

Dịp Nhà thờ chính toà Phát Diệm 100 tuổi (1891-1991). Toà Thánh cho phép mở Năm Toàn Xá trong toàn giáo phận, ấn định những thể thức, điều kiện đi viếng đền thờ;

Hai dịp Đức cha Bùi Chu Tạo mừng 25 năm ngân khánh giám mục (1959-1984), mừng ngọc khánh linh mục (1937-1997);

Dịp 100 năm thành lập giáo phận (1901-2001), cũng có văn kiện Toà Thánh cho phép tổ chức Năm Toàn Xá;

Trong thư luân lưu (10-10-1991) về kết quả và ngày bế mạc Năm Toàn Xá (Nhà thờ chính toà Phát Diệm 100 tuổi), Đức cha Bùi Chu Tạo đã viết: *“Có 352 đoàn hành hương từ trong và ngoài địa phận về viếng Phát Diệm, với con số 152.414 người đi tập thể. Còn số người đi riêng rẽ cũng rất đông, tuy nhiên không thể biết được bao nhiêu. Đặc biệt có đoàn Thanh Hoá đi 1000 xe đạp, đoàn Hà Nội đi 40 xe ca, chở 4.000 giáo dân”* (36) về tham dự Năm Toàn Xá.

Ngày nay, sau các cuộc đại lễ, viết lại trang sử bi tráng trên đây, chúng tôi thiết nghĩ, những ai đã biết Phát Diệm trong quá khứ và hiện sống ngoài Phát Diệm, không thể không công nhận sức sống đức tin của Phát Diệm thật vô cùng kiên vững!

Như chúng tôi đã trình bày ở trên, một vị giám mục ốm đau, suy yếu, tuổi cao, đáng lý ra làm việc ít hơn, hay là được nghỉ hưu trong thanh bình, chứ không phải lao tâm lao lực như Đức cha Tạo. Nếu đọc lại 52 thư luân lưu của ngài, chúng ta nhận thấy các thư trung bình, không dài quá, lời văn dễ hiểu; nội dung đơn giản, lộ rõ một tâm tình thiết tha, nghĩa là nói lên tâm tình của một người đã suy ngắm, đã cầu nguyện, nhất là nói lên một tình thương “In caritate non ficta: Tình thương không giả tạo”, như câu châm ngôn Đức cha đã chọn cho đời chủ chăn của mình.

Chúng ta không biết hết số tiền mà Đức Giám mục Bùi Chu Tạo đã bỏ ra để giúp đỡ dân nghèo và tham gia vào các cuộc từ thiện mà chính phủ tổ chức sau những vụ thiên tai hằng năm! Chỉ biết, do báo cáo của “Mặt Trận” về những lần Nhà chung tham gia tích cực vào công tác nhân đạo, cho nên nhà nước đã cảm phục và gửi tặng huy chương “Chữ Thập Đò” cho Đức Cha vì những đóng góp cứu tế nhân đạo của ngài! (37)

### 3/ Công việc trùng tu quần thể Thánh đường Phát Diệm

Trong các công trình Đức cha Bùi Chu Tạo thực hiện, chúng ta phải kể tới việc trùng tu quần thể Nhà thờ chính toà Phát Diệm đã bắt đầu từ năm 1972, tức là ngay sau khi có cuộc oanh tạc của máy bay Mỹ. Đây là công cuộc trùng tu cấp thời. Về công tác này, một lần nữa, chúng ta cùng nhau đọc lại bức thư luân lưu ngày 15-8-1982.

Đức cha Bùi Chu Tạo kể lại: “Ngày đầu tháng Mân Côi (1972), tôi ném hòn đất thứ nhất, để lấp hố bom ở giữa sân đường kiệu, chỉ trong mấy ngày là các hố bom được lấp đầy hết cả. Các giáo hữu không nguyên xứ Phát Diệm, mà tất cả các xứ trong hạt Kim Sơn, cả từ Phúc Nhạc đều có người về đóng góp. Hơn nữa cả giáo hữu Bùi Chu, Thanh Hoá, các xứ gần Phát Diệm cũng tham gia.

Tôi không hề nói một lời nào quyên cúng, nhưng họ tự động đem đến cho gạo, cho rau cỏ, thịt cá nuôi thợ, tiền thì không có. Những người đến làm hằng ngày, rông rã năm sáu tháng trời cứ từng 150 đến 200 người. Nhiều người mang gạo đến trợ ở đây, có người từng tháng, có người nửa tháng, có người năm bảy ngày, hầu hết ủng hộ không lấy công, hay là lấy giá rẻ một nửa.

Tôi nói một số các cửa chung quanh nhà thờ, cả thấy 56 cánh cửa “pan-nô” vỡ hết chỉ còn 4 cánh dùng được, còn lại phải làm mới. Mỗi cánh: người thợ giỏi phải mất 9 công, thợ khá 10 công, thợ thường thì 11, 12 công. Mà có giải thợ làm một tháng đem gạo đến ăn, không nhận công nào, khi hoàn thành, chúng tôi muốn hỏi công một bữa cũng từ chối không nhận.

Trong năm, sáu tháng trời khu Nhà chung náo nhiệt như một xưởng thợ của một công sở lớn. Nguyên thợ xẻ 12 đôi, thợ mộc không kể. Gỗ lấy đâu ra? Đó là công của họ Thượng Kiệm: nhà thờ của họ là nhà thờ làm bằng gỗ cỡ lớn trong Địa Phận, sau khi bị bom phá, họ cúng để đem về sửa chữa Nhà Thờ Lớn.

Ngói thì trong Nhà chung, bên Nhà Dòng Lưu Phương, nhà mồ côi bên bệnh viện (Phu Vinh), chỗ nào lấy được thì chúng tôi lấy hết, lấy cả nhà thờ họ Tự Tân, rồi lợp bồi thay, còn thiếu thì

*đi mua các nơi đình chùa người ta bán. Vôi thì họ Quy Hậu cúng mấy tấn đá vôi. Vôi, cát mất ít thôi! Tiền chi phí thì Hội Thánh giúp cho, kẻ cũng từng tiếm.” (38)*

Lễ Sinh Nhật năm 1973, công trình sửa chữa xong. Đức cha Bùi Chu Tạo cùng Đức cha phó Lê Quý Thanh trở về Nhà chung và làm lễ tạ ơn tại Nhà thờ chính toà. Hai nhà thờ cạnh, đường kiệu và cổng đá phía Tây thì mãi tới cuối năm 1974 mới sửa chữa hoàn thành.

Đến năm 1981, cuộc đại tu lại được Đức cha phát động: đảo ngói Nhà thờ Chính toà, sửa tầng ba của Phương đình, các hạng mục nhỏ 4 nhà thờ cạnh, 4 cổng đá lấp cánh sắt, lát lại các sân chung quanh các nhà thờ và đường kiệu, tòa giám mục cho đốt vôi làm vật liệu sửa chữa và xây dựng.

Bắt đầu từ thập niên 90, các công trình nhà ở trong khu vực nhà chung bắt đầu được sửa chữa và xây thêm: nhà ở của TGM 2 tầng, nhà khách TGM 2 tầng (do cụ Sáu xây dựng từ cuối thế kỷ 19). Các nhà lần lượt được xây dựng do Đức cha già Phaolô và Đức cha phó Giuse Nguyễn Văn Yên: nhà nguyện (1990), nhà hai tầng Đức cha Giuse (1991), nhà xứ và 2 nhà phụ cận (1992) đều 2 tầng. Nhà truyền thống (nhà gỗ cổ) xây dựng 1992.

Riêng Nhà Hội quán mãi đến năm 1995 chính quyền mới cho xây lại và Đức cha Giuse Nguyễn Văn Yên đã hoàn thành việc tái thiết nhà Hội quán Nam Thanh.

Sau công cuộc tu sửa này, chính quyền đã công nhận và năm 1988, đã ký nghị định tuyên bố Phát Diệm là một kỳ quan, được Bộ Văn Hoá xếp vào hạng “Di tích lịch sử văn hoá” của đất nước. Sự kiện này làm cho cộng đoàn giáo dân cảm thấy phấn khởi (39), đồng thời tạo nên sự cảm thông hơn trong mối tương quan giữa chính quyền và giáo dân Phát Diệm.

### **3. Kết luận**

Đâu là bí quyết đời sống giám mục của Đức cha Phaolô Bùi Chu Tạo? Đó là một đời hi sinh xả thân cho giáo dân, liên tục sống trong sáng, thánh thiện, tôn sùng Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp và sùng kính Phép Thánh Thể. Do đó, ngài được Chúa và Đức Mẹ che chở. Đàng khác, tuy không xuất thân từ trường ngoại giao nào, nhưng Đức cha đã cư xử lịch thiệp với chính quyền địa phương, biết lui tới, mặc dù vẫn kiên trì trong tư cách và tác phong của một giám mục. Cái mà mọi người cảm phục và nhận thấy nổi bật là Đức cha có lòng bác ái, bao giờ cũng sẵn sàng tham gia công tác chống nạn đói, chống bão lụt và mưu tìm lợi ích cho dân chúng.

Tất cả những đức tính tốt đẹp và nhất là đời sống thánh thiện của Đức cha Phaolô Bùi Chu Tạo đã được Chúa chúc phúc. Chúa đã ban cho Đức cha ơn khôn ngoan sáng suốt để bảo toàn được cơ đồ giáo phận và thành công trong việc xin chính quyền trả lại cơ sở Dòng Mến Thánh Giá Phát Diệm tại Lưu Phương. Đức cha còn nỗ lực trùng tu quần thể Nhà thờ chính toà, xây cất thêm nhiều nhà trong khu vực Toà Giám mục, sửa chữa nhiều nhà xứ đã hư hỏng, xây dựng nhiều thánh đường mới trong giáo phận và đã xin cho tất cả hơn 10 linh mục chịu chức “chui” được ra công khai hoạt động.

Đang khi đó, đời sống tư của Đức cha già Tạo, tại Phát Diệm và Đức cha phó Lê Quý Thanh hồi di tản tại họ Phát Ngoại, thật sự là hết sức đơn sơ, thanh đạm. Linh mục Luca Hùng Sỹ kể lại: có lần về Phát Diệm thăm hai Đức cha, ngài bắt gặp cả hai vị đang tự mình ngồi giặt quần áo và quét phòng riêng của mình!

Đức cha Phaolô Bùi Chu Tạo, người tôi tớ trung kiên của Chúa đã oanh liệt chạy hết quãng đường trần thế 92 năm và được Chúa gọi về với Ngài lúc 10 giờ 30 ngày 05-5-2001.

Chúng tôi kính cẩn bái biệt Đức cha và luôn ghi nhớ công ơn lớn lao mà Đức cha đã làm cho Giáo phận Phát Diệm.

Roma, 05-5-2001

*Ghi nhớ ngày Đức cha Phaolô Bùi Chu Tạo, nguyên Giám mục Phát Diệm đã được Chúa gọi về với Ngài.*

## **VI. ĐỨC GIÁM MỤC GIUSE LÊ QUÝ THANH (1900-1974)**

### **1. Thân thế**

Đức cha Giuse Lê Quý Thanh, sinh ngày 19-3-1900 tại xã An Hoà, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Ngài là em ruột cha Phêrô Lê Quý Liêm (đã qua đời trong Nam, sau cuộc di cư năm 1954) và theo truyền tụng trong gia đình, ngài là cháu ba bốn đời của nhà bác học Lê Quý Đôn.

Hồi còn nhỏ, chú Thanh là nghĩa tử cha già Đình, cựu giám đốc Trường Trung Tiểu Học “Cụ Đình” của giáo phận lúc ban đầu.

Ngài thụ phong linh mục lớp thứ nhất, do Đức Giám mục Nguyễn Bá Tòng truyền chức tại Phát Diệm, ngày 17-3-1934.

Các chức vụ và công tác trong đời linh mục của ngài:

1934-1943: giáo sư lớp 3 Tiểu Chung viện Phúc Nhạc; 1944-1945: làm giám đốc Trường Thầy Giảng;

1945-1947: giám đốc Trường Thờ tại Trì Chính;

1947-1958: làm cha chính xứ Hiếu Thuận;

1958-1959: lại về làm giáo sư các chủng sinh (ba lớp lớn), từ Phúc Nhạc đã di chuyển về Thượng Kiệm;

07-9-1959: được bổ nhiệm làm cha Tổng quyền giáo phận; 1960-1964: Vì thiếu linh mục, ngài đi chính xứ Văn Hải.

### **2. Giám mục phó Phát Diệm**

Trong khi đang cai quản xứ Văn Hải, ngài được bổ nhiệm làm giám mục phó Phát Diệm và ngày 13-02-1964, cũng là ngày mừng một Tết năm Giáp Thìn, ngài được thụ phong giám mục tại Nhà thờ chính toà Phát Diệm. Lễ truyền chức giám mục hết sức đơn giản, vì còn đang là thời loạn ly, khó khăn. Một mình Đức cha Bùi Chu Tạo truyền chức cho ngài, không có một giám mục nào khác, chỉ có hai linh mục tham dự là cha già Kim và cha Vinh. Tuy nhiên, giáo dân thì đầy nhà thờ. Truyền chức xong mới công bố tin vui mừng cho toàn giáo phận.

Lễ truyền chức một giám mục như thế chỉ có “phần đạo” mà không có “phần đời”! Xưa nay, nguyên một lễ truyền chức linh mục đã là một đại lễ cho cá nhân, cho gia đình, cho địa phương.



Ngoài sự chuẩn bị thiêng liêng, tinh thần, thường ra còn có cả sự chuẩn bị về phương diện bên ngoài (đón rước, tiếp tân...).

Đức cha phó Lê Quý Thanh sống trong thâm lặng, làm việc trong bóng tối. Gặp phải thời buổi khó khăn, trong Nhà chung không có người giúp việc, chính Đức Giám mục phải tự giặt quần áo, quét nhà, biên chép sổ sách nhà thờ... Cả Tòa Giám mục hồi đó chỉ còn một quyển sách “Phụng vụ của Giám mục” mà lại là của riêng Đức cha chính Bùi Chu Tạo. Đức cha Tạo phải cho Đức cha phó của mình mượn chép lại từ đầu chí cuối!

Trong 10 năm làm giám mục phó, Đức cha Thanh về Tòa Giám mục Phát Diệm, chuyên lo giúp đỡ Đức cha chính vì Đức cha chính thường hay ốm yếu. Năm 1972, Nhà thờ chính tòa bị Mỹ ném bom, Đức cha phó phải tản cư ra coi sóc họ Phát Ngoại. Ở đây hơn một năm trời, ngài tự túc cho mình hết mọi sự. Có chút thời giờ thảnh thơi nào thì ngài đọc sách và dọn bài giảng cho các ngày Chúa nhật và lễ trọng quanh năm. Ngài có tài hùng biện, lại thông thạo Pháp ngữ, giọng nói oai phong. Linh mục Luca Hùng Sỹ kể lại: *“Lễ Phục Sinh năm 1970, vì kính mến hai Đức Giám mục, cha đi Phát Diệm có ý vào thăm viếng hai vị chủ chăn, vào giữa ngày Chúa Nhật Phục Sinh, lễ lớn nhất trong năm, vì biết trong buổi lễ trọng hôm đó, trong tòa giám mục không còn linh mục nào khác, vì tất cả - chỉ còn một số ít - đã tản mát đi các xứ trong giáo phận dâng lễ cho giáo dân. Cha Hùng Sỹ vào giúp hai Đức Cha cho chịu lễ, và hôm đó phải mất 2 tiếng rưỡi đồng hồ mới xong”* (40)!

Ấy là mới kể thời gian cho chịu lễ, chưa tính cả thời giờ hành lễ. Là một công việc mục vụ quan trọng, nhưng thật vất vả. Về cuối đời, Đức cha Lê Quý Thanh bị bệnh cao huyết, mấy lần gần bị ngất xỉu giữa nhà thờ. Con người như bộ máy thiên nhiên, ngày nào cũng lao tâm lao lực quá mức, thì dù có mạnh khỏe đến đâu, cũng phải ngã gục!

Cuối tháng 4 năm 1974, Đức cha Lê Quý Thanh bị liệt giường độ 3 tuần lễ, rồi đã từ giã giáo phận, ra đi ngày 07-5-1974. Di hài của Đức cha nằm lại ở gian cung thánh Nhà thờ chính tòa Phát Diệm, nơi mà hồi xưa ngài đã ra vào đọc kinh và làm việc mục vụ trong suốt 10 năm.

## **VII. ĐỨC GIÁM MỤC GIUSE NGUYỄN THIỆN KHUYẾN (1900-1981)** **(41)**

### **1. Thân thế**

Đức cố Giám mục Giuse Nguyễn Thiện Khuyến sinh tại xứ Mỹ Điện (Thanh Hoá) năm 1900, là nghĩa tử của cha già Vũ. Chúng tôi không biết nhiều về tuổi thanh xuân và gia đình hai cụ thân sinh. Chỉ biết một cách đại cương: sau khi đã mãn hai Chủng viện Phúc Nhạc và Thượng Kiệm, ngài được thụ phong linh mục ngày 05-4-1930, do Đức Giám mục A. Marcou (Thành) truyền chức.

Các công tác mục vụ của ngài:

- Năm 1930: sau khi chịu chức, làm phó xứ Khiết Kỳ;
- Năm 1933: đi mở xứ Hoàng Mai;
- Năm 1938: chính xứ Hiếu Thuận;

- Năm 1946: chính xứ Văn Hải;
- Năm 1949: chính xứ Trì Chính;
- Năm 1952: chính xứ Phúc Hải;
- Năm 1954: chính xứ Hương Đạo, kiêm Ứng Luật, Hoà Lạc, Phú Hậu;
- Sau 1966: chính xứ Tôn Đạo, kiêm Khiết Kỹ và Thuần Hậu. Sau khi Đức cha Lê Quý Thanh qua đời (1974), ngài được mời về Tòa Giám mục.
- Năm 1974: chính xứ Phát Diệm, kiêm Trì Chính. Một mình ngài kiêm mục vụ phục vụ 9 xứ. Các ngày Chúa nhật và các lễ trọng, ngài đi nhiều xứ để dâng lễ, làm các phép bí tích, chính tay biên chép các sổ sách của các nhà xứ,
- Năm 1974: ngài phải vâng lời nhận làm cha chính địa phận. Vì Đức cha phó Lê Quý Thanh qua đời, Đức cha chính Bùi Chu Tạo lo buồn và lâm bệnh trầm trọng, tới mức không thể ra dự lễ an táng Đức cha phó. Phần khác, số linh mục trong giáo phận trong thời buổi ấy rất khan hiếm, do đó, mặc dầu đã cao tuổi, Đức Giám mục phó phải cố gắng gánh vác được nhiều công việc chừng nào hay chừng ấy.

## 2. Giám mục phó Phát Diệm

Cùng năm 1974, theo lời yêu cầu của Đức cha Bùi Chu Tạo (hấp hối hai ba lần), Tòa Thánh đã chỉ định cha già Giuse Nguyễn Thiện Khuyến làm giám mục phó giáo phận Phát Diệm. Linh mục Luca Hùng Sỹ viết trong nhật ký: *“Dù đã kiêu mãi không được, ngài (Linh mục Giuse Khuyến) phải vâng lời thụ phong giám mục phó tại Phát Diệm, ngày 24-8-1977, do Đức Hồng y Trịnh Văn Căn truyền chức”* (42). Tuy nhiên, Đức cha Khuyến còn được may mắn hơn Đức cha Lê Quý Thanh nhiều, vì trong lễ truyền chức cho ngài, còn có Đức Hồng y Trịnh Văn Căn chủ phong, Đức cha Phạm Tần, Giám mục Thanh Hoá, Đức cha Nguyễn Hữu Cung, Giám mục Bùi Chu phụ phong, và Đức cha Bùi Chu Tạo, giáo phận nhà.

Đức cha Khuyến đã chọn huy hiệu giám mục cho mình: *“Xin vâng ý Chúa”*. Câu đó nói lên rõ rệt sự khiêm tốn của ngài. Chúng tôi nhấn mạnh hai chữ khiêm tốn của vị tân Giám mục. Người ta kể rằng: Ngài khiêm tốn chỉ mặc áo tím và đội mũ giám mục, cầm gậy vàng có một lần trong ngày thụ phong. Về sau ngài chỉ mặc áo chùng thâm như các linh mục khác, không có cúc tím, và chỉ đội mũ sọ tím khi làm lễ. (43)

## 3. Sự nghiệp

Sau 4 năm tại chức, Đức Giám mục Nguyễn Thiện Khuyến đã không để lại cho hậu thế một ngôi nhà thờ, một di tích lịch sử nào! Tuy nhiên, cái mà người ta trông thấy rõ trong đời sống thực tế của ngài là sự đơn sơ, khiêm tốn trong cách ăn mặc, trong phong độ thường ngày. Chúng ta cũng không thể quên hai sự kiện sau đây:

**Thứ nhất:** Ngài có một quá trình mục vụ rất phong phú. Lên tới chức vụ giám mục, nhưng Đức cha Khuyến vẫn sống như một linh mục chính xứ bình thường. Thực ra, sau ngày thụ phong giám mục, ngài vẫn còn trông coi 9 xứ đạo: Hương Đạo, Ứng Luật, Hoà Lạc, Phú Hậu, Tôn Đạo, Khiết Kỹ, Thuần Hậu, Phát Diệm, Trì Chính.

Về sau, cha già Luật và Luca Hùng Sỹ đỡ thay cho 3 xứ Tôn Đạo, Khiết Kỷ và Thuần Hậu. Chúa cho ngài mạnh khỏe. Mỗi Chúa nhật hay lễ trọng trong năm, ngài đi xe đạp tới các nơi làm lễ, làm các phép bí tích, rồi tự tay biên chép các sổ sách của xứ đạo. Tính nết con người đạo đức, khiêm tốn, hiền hoà, nên được giáo dân mọi nơi mến phục. Suốt 4 năm trời, vị chủ chăn chạy rảo khắp cả một miền 6 xứ đạo, xả thân cho đoàn chiên, không bao giờ đi ra ngoài ranh giới giáo phận, hay đi nghỉ hè, thay đổi không khí. Ngài cho nếp sống như thế là một thứ say mê tinh thần...

**Thứ hai:** Là một linh mục đã cao tuổi, khi thụ phong giám mục, Đức cha đã mang nặng trên vai 77 tuổi đời. Đức cha vốn có thói quen nghiện thuốc lào, mỗi ngày rít điếu cây năm sáu lần, để cho tâm thần được sáng khoái! Tuy nhiên, ngài tự cho đó là một thứ tiêu khiển không tốt. Do đó, từ khi lên làm giám mục, ngài hy sinh hãm mình, bỏ hẳn thói quen ấy, không bao giờ hút thuốc lào nữa. Ngài tự hãm thân xác để cầu xin Chúa ban lại cho những thành quả thiêng liêng.

Là con cái của giáo phận, đọc lại những trang sử âm thầm, nhưng hết sức hào hùng của ba Đức Giám mục giáo phận mẹ: Đức cha Phaolô Bùi Chu Tạo, Đức cha Giuse Lê Quý Thanh và Đức cha Giuse Nguyễn Thiện Khuyến, chúng tôi hết sức vui mừng, và càng xác tín: sở dĩ Chúa đã giữ gìn giáo phận còn thanh bình, sung mãn cho tới ngày nay, hơn nữa Chúa vẫn bảo toàn đức tin Công giáo, và còn tăng thêm con số giáo dân không những bằng mà còn hơn trước biến cố di cư vĩ đại năm 1954, là vì ba vị chủ chăn đã sống đời sống thánh thiện, khó nghèo và hy sinh suốt đời. Mỗi vị có một nếp sống riêng biệt, nhưng vị nào cũng thực thi triệt để: thương tha nhân một cách chân thành, không giả tạo, tuyệt đối tuân thủ luật Thiên Chúa và vâng lời Toà Thánh, xả thân cho giáo đoàn cho tới hơi thở sau cùng. Là một đời sống hiến tế toàn thiêu, dũng cảm, là những ngọn đèn Chúa nêu cao để soi chiếu sâu xa trên những đoạn đường u tối, hiểm nguy của thời loạn. Tất cả chủ chăn, cũng như giáo đoàn là con cháu các vị anh hùng tử đạo còn gửi xác trong giáo phận, cho nên tất cả tin tưởng Thần Linh Thiên Chúa luôn luôn đổ xuống ân sủng, như lửa thiêng liêng, đêm ngày đốt cháy, đêm ngày nung nấu; vì thế mà, dù đi trong đêm tối, giáo đoàn vẫn nhận ra ánh sáng soi chiếu, nhận ra tấm gương kiên trì, vô cùng anh dũng, linh động và lời cuốn!

## **VIII. ĐỨC GIÁM MỤC GIUSE NGUYỄN VĂN YẾN (1942-...) (44)**

### **1. Thân thế**

Đức Giám mục Giuse Nguyễn Văn Yến sinh ngày 26-12-1942, tại Vĩnh Trị. Ngài là em ruột cha Giuse Phủ, nghĩa tử của Đức cha Nguyễn Tùng Cương (nguyên Giám mục Hải Phòng), và theo truyền tụng gia tộc, ngài là cháu hai thánh tử đạo: Thánh Đính và thánh Lý Mỹ, đã được Đức Gioan Phaolô II tuyên thánh, ngày 19-6-1988 tại Giáo đô La mã.

Đức cha Yến được truyền chức linh mục ngày 26-6-1977, do Đức Hồng y Giuse Trịnh Văn Căn, nguyên Tổng Giám mục phó Hà Nội. Sau đó, Đức Hồng y cử ngài đi trông coi xứ Gia Trạng (Hà Nội).

Trong thời gian Linh mục Nguyễn Văn Yến phục vụ tại Gia Trạng, Giáo phận Phát Diệm đã mất hai Giám mục phó Lê Quý Thanh và Nguyễn Thiện Khuyến. Thêm vào đó, trong bảy năm trời, Đức cha chính Bùi Chu Tạo đã ba lần lâm trọng bệnh. Ngài hết sức lo lắng, cho nên đã truyền

cho toàn thể giáo dân trong 65 xứ đạo hằng ngày phải đọc kinh xin Chúa Thánh Thần ban cho giáo phận, ít là một Đức cha phó, để đỡ gánh nặng cho ngài và đừng để giáo phận trống ngôi. Mãi tới năm 1988, Toà Thánh mới báo tin vui mừng: Giám mục phó mới chính là cha xứ họ đạo Gia Trang.

Đức tân Giám mục đã về với giáo phận ngày 12-06-1988 và sáu tháng sau, ngày 16-12-1988, ngài được Đức Hồng y Giuse Trịnh Văn Căn truyền chức tại Nhà thờ chính toà Phát Diệm, với sự hiện diện của Đức cha Phaolô Phạm Đình Tung, hồi đó là Giám mục Bắc Ninh, Đức cha Phạm Tấn, Giám mục Thanh Hoá, Đức cha Nguyễn Tùng Cương, Giám mục Hải Phòng, và Đức cha Vũ Duy Nhất, Giám mục Bùi Chu. Ngài lấy khẩu hiệu giám mục: “Vâng lời và bình an”.

## 2. Sự nghiệp

Toàn giáo dân Phát Diệm hân hoan, vì Chúa ban một giám mục tương đối trẻ trung (46 tuổi), còn nhiều nghị lực. Do đó, Đức Giám mục chính Bùi Chu tạo đã trao cho ngài nhiều công việc:

1/ Trùng tu các cơ sở giáo phận đã xuống cấp:

- 1988: Đức cha phó xây cất nhà nguyện mới trong khu vực Nhà chung, và một số nhà ở trong Toà giám mục: 3 tầng;

- Tháng 10-1999: xây nhà xứ Phát Diệm: 2 tầng lầu, sửa lại Nhà Hội quán bị bom Mỹ phá hủy (1972), xây tường chung quanh Nhà chung, sửa và xây khu Nhà gạo cũ: 2 tầng;

- Năm 1992: xây cất và khánh thành nhiều nhà xứ, nhà thờ mới: Cồn Thoi, Quảng Phúc, Sào Lâm,

- 1993: Tùng Thiện, Tổng Thị, Dưỡng Điền,

- 1994: Xích Thổ, An Ngải, Quy Hậu, Đường Quan,

- 1995: Phú Thuận, Uy Kỳ Đức, Tân Khẩn, Vô Hốt, Hiếu Nghĩa, Kim Đài, Duyên Khê.

2/ Phát động phong trào “Dạy và học giáo lý” trong toàn giáo phận:

- Mở nhiều lớp huấn luyện giáo lý viên, tăng thêm số, năm 1996 đã có gần 1.000 giáo lý viên;

- In nhiều sách kinh bản, giáo lý, xưng tội rước lễ lần đầu, thêm sức và cách sống đạo. Quy định các Chúa nhật thứ ba trong tháng là ngày cầu nguyện cho việc dạy giáo lý;

3/ Chấn hưng tháng 5 dành cho Đức Mẹ: tập hát, thuê biên đạo múa về tập vũ điệu dâng hoa trong các xứ đạo vào dịp tháng 5 kính Đức Mẹ.

4/ Mục vụ (nhất là các năm 1988-1995)

Chúng tôi nhấn mạnh tới sự nghiệp mục vụ cho những miền khan hiếm linh mục: Đức cha Yén đi khắp giáo phận, giảng các cuộc tĩnh tâm, làm Phép Thêm Sức, chủ tọa châu lượt, làm lễ các ngày Chúa nhật, lễ tang..., vì những nơi này không có cha xứ! Như miền Văn Hải, Cồn Thoi, hay là miền Hướng Đạo, Hoà Lạc...

Ngày 15-10-1998, Toà Thánh bổ nhiệm ngài làm Giám mục chính toà Phát Diệm.

## 5/ Xuất ngoại

- Như một số các các tân giám mục trong các xứ truyền giáo trên thế giới, cuối tháng 10-1994 Đức cha Nguyễn Văn Yến được Bộ Truyền bá Phúc Âm cho các Dân tộc mời về Roma dự “Lớp bồi dưỡng các tân giám mục”, từ tháng 10 năm 1994 tới giữa tháng 01 năm 1995.

- Cuối năm 2000, Đức cha Yến lại đi Roma dự lễ bế mạc Năm Thánh 2000 và tham dự Ngày Thanh niên Thế giới lần XV tại Roma (gần 2 triệu thanh niên tuôn về Thủ đô Giáo hội).

- Ngày 21-02-2001, Đức cha Yến đại diện giáo phận và Đức cha chính Bùi Chu Tạo đi Roma dự lễ vinh thăng hồng y của Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn Thuận.

Sau khi đã xây cất những cơ sở khang trang và cần thiết trong khu vực Nhà chung và Toà Giám mục, Đức cha Giuse Nguyễn Văn Yến đã bắt tay vào công việc trùng tu quần thể Nhà thờ chính toà Phát Diệm một cách có quy mô. Hiện nay, đã hoàn tất việc sửa chữa Phương đình trước ao hồ và nhà Hội quán trước khu vực Nhà chung.

### Chú thích:

(1) Nicole Dominique, *Les Missionnaires Etrangères et la pénétration française au Vietnam*, trang 14-21.

(2) Theo tuần báo “*Le Sanctuaire*”, Paris, số 187 (26-7-1914), trang 1 và M.E.P. Tonkin Maritime, Souvenir d’année en année, 1901-1920.

(3) Khi còn nhỏ và thanh niên, đi học tiểu và trung học, ngài rất giỏi môn toán, anh em chúng bạn trong lớp cho ngài một tên đệm “le chiffre” (con số).

(4) Vừa tới nơi truyền giáo, cha Marcou bị bệnh “ngã nước” phải đi Hong-Kong chữa bệnh mấy tháng trời. Về lại Hà Nội, ngài bị đau cổ họng, bệnh nghẹt hầu, nói không ra tiếng. Linh mục Berthet, bạn học hồi xưa tại chủng viện, có khuyên ngài lấy dầu đèn thường đốt trước mộ Thánh Blaise tại Roma mà xức. Đức cha Marcou đã sốt sắng khẩn với Thánh Blaise và được khỏi bệnh suốt đời. Chính ngài đã kể câu chuyện được lành mạnh này cho các cha Pháp-Việt của Phát Diệm trong tuần cấm phòng hằng năm.

(5) Lm. Mai Đức Thạc, *Tiểu sử Đức Cha Thành*, Saigon, 1967, trang 12

(6) *Thư Chung Địa phận Thanh*, ngày 06-01-1925, Hong Kong, quyển 3, trang 381-384

(7) Lm. Mai Đức Thạc, *Tiểu sử Đức Cha Thành*, Saigon, 1967, trang 36-47

(8) Bản tường trình Đức cha Marcou Thành gửi Bộ Truyền Giáo, 1902, trang 3.

(9) Lm. Mai Đức Thạc, *Tiểu sử Đức Cha Thành*, Saigon, 1967, trang 68-72. Bút ký Lm. Hùng Sĩ, Trăm Năm Phát Diệm, viết tay, lưu hành nội bộ, trang 13.

(10) Lm. Phaolô Vàng, *Cuộc hành trình Roma*, Tân Định, 1934, tr. 475.

(11) Như trên, tr. VIII-XI.

- (12) Như trên, tr. XIII-XV.
- (13) Như trên, tr. XIII-XIV.
- (14) Như trên, tr. 62.
- (15) Như trên, tr. 79.
- (16) Như trên, tr. 378.
- (17) Như trên, tr. 390.
- (18) Như trên, tr. 414-415.
- (19) *Le Clergé Annamite et ses Prêtres Martyrs*, Paris, 1925.
- (20) Lm. Phaolô Vàng, *Cuộc hành trình Roma*, Tân Định, 1934, tr. 415.
- (21) Như trên, tr. 415-416.
- (22) Như trên, tr. 420.
- (23) Nơi Cha Đắc Lộ (De Rhodes) lên bờ ngày 19-3-1627.
- (24) Lm. Phaolô Vàng, *Cuộc hành trình Roma*, Tân Định, 1934, tr. 427-428.
- (25) Như trên, tr. 432.
- (26) Như trên, tr. 471.
- (27) *Tiểu sử Đức Giám mục Anselmô Tadêô Lê Hữu Từ*, Chương III.
- (28) *Niên Giám Giáo hội hoàn vũ*, 2001, tr. 1238.
- (29) Những bước đường thiên định, Chương I, số 2.
- (30) Bài này sau khi soạn thảo, theo hình thức điều văn, đã được Đức Giám mục Phêrô Phạm Ngọc Chi, nguyên Giám mục Bùi Chu, đọc trong buổi lễ an táng Đức cố Giám mục Anselmô Tadêô Lê Hữu Từ tại Vương Cung Thánh Đường Chính Tòa Saigon, ngày 27-4-1967 trước mặt các cơ quan cao cấp tôn giáo và dân sự. Hôm nay bài đã được sửa chữa và thêm chi tiết.
- (31) Đoàn Độc Thư và Xuân Huy: *Giám mục Lê Hữu Từ & Phát Diệm*, 1945-1954, ấn hành 1973, tr. 43-44.
- (32) Như trên, tr. 160.
- (33) Lm. Luca Hùng Sỹ, *Bản Tiểu sử Đức Cha Phaolô Bùi Chu Tạo* (47 trang viết tay), Phát Diệm, tr. 3.
- (34) Người ta kể rằng: sau cuộc ném bom ghê gớm này, Nhà Dòng bị đóng cửa, chỉ còn chừng 26 chị em, đã cao niên. Chính quyền hỏi đó đòi mỗi người phải về sống tại gia đình. Suốt 30 năm trời, không còn đòi sống nữ tu cộng đoàn. Tại Lưu Phương, chỉ còn một vài xác nhà ọp ẹp và mấy chị em già cả ở lại để coi nhà! Vất vương giữa đời trần gian, mỗi lần chị em gặp nhau, chỉ

còn biết ôm nhau mà khóc và tự an ủi nhau: “Mình là Dòng Mến Thánh Giá, chúng ta phải kiên trì vác Thánh Giá và chờ ngày Thánh Giá vinh quang”. Đức cha Bùi Chu Tạo, không nỡ bỏ rơi, đã tổ chức cho các chị mỗi tháng một lần trở về Nhà chung Phát Diệm, để gặp gỡ nhau và cầu nguyện, rồi từ năm 1988 đã xin chính quyền cho các chị trở về Lưu Phương, xây lại nhà cửa và từ 1991-1992 lấy lại nếp sống nhà dòng thường xuyên.

(35) Lm. Luca Hùng Sỹ, *Bản Tiểu sử Đức Cha Phaolô Bùi Chu Tạo, Giám mục Phát Diệm*, tr. 24. Tác giả kể một cách đại cương, nhưng tính ra số Thư Luân Lưu, cho giáo sĩ, 19 bức thư; cho cả giáo phận và giáo dân, 33 bức thư. Tổng cộng 33+19 là 52 bức thư. Có lẽ tác giả không có thì giờ kể hết, vì nhiều chỗ tác giả còn để trống...

(36) LM Hùng Sỹ, *Trăm Năm Phát Diệm*, Bút ký, tr. 33.

(37) Như trên, tr. 32.

(38) Lm. Luca Hùng Sỹ, *Bản Tiểu sử Đức Cha Bùi Chu Tạo*, tr. 26-27.

(39) Quyết Định số 28 VH/QĐ, ngày 18-01-1988.

(40) Lm. Hùng Sỹ, *100 năm Phát Diệm*, Bút ký, tr. 36.

(41) Lm. Luca Hùng Sỹ, *100 năm Phát Diệm*, Bút ký, tr. 37-38.

(42) Lm. Luca Hùng Sỹ, *100 năm Phát Diệm*, Bút ký, tr. 38.

(43) Lm. Luca Hùng Sỹ, *100 năm Phát Diệm*, Bút ký, tr. 38.

(44) Lm. Luca Hùng Sỹ, *100 năm Phát Diệm*, Bút ký, tr. 39



